

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký

phần 19

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Tăng Bảo Tán trong thời thứ ba của Hệ Niệm Pháp Sư, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

**Tăng Bảo bất tư nghị,
Thân phi tam sự vân y,
Phù bôi quá hải sát-na thời,
Phó cảm ứng quần cơ,
Kham tác nhân thiên công đức chủ,
Kiên trì giới hạnh vô vi,
Ngã kim khể thủ nguyện dao tri,
Chân tích trượng đề huề.**

僧寶不思議。

身披三事雲衣。

浮盃過海剎那時。

赴感應群機。

堪作人天功德主。

堅持戒行無違。

我今稽首願遙知。

振錫杖提攜。

*(Tăng Bảo chẳng nghĩ bàn,
Chén nổi vượt biển trong khoảnh khắc,
Cảm ứng mọi căn cơ,
Đáng làm trời người công đức chủ,
Giới hạnh giữ vững chẳng trái nghịch,
Con nay đánh lễ nguyện xa hay,
Rung tích trượng đề huề).*

Đoạn tán tụng gây ấn tượng sâu đậm nhất cho chúng ta. Bởi lẽ, hiện nay về mặt hình tướng mà nói thì chúng ta ở vào địa vị Tăng Bảo, nhưng chúng ta có đáng gọi là Tăng Bảo hay chẳng? Chúng ta có thường phản tỉnh như thế hay không? Cổ nhân nói rất hay:

*Thí chủ nhất lạp mễ,
Đại như Tu Di Sơn,
Kim sanh bất liễu đạo,
Phi mao, đối giác hoàn.*

(Một hạt gạo thí chủ,
To như núi Tu Di,
Đời này không liễu đạo,
Đeo lông, đội sừng đèn).

Chúng ta có thực sự nghĩ đến điều này hay không? Đã phát tâm xuất gia, phải khéo lo liệu sự nghiệp xuất gia. Sự nghiệp của người xuất gia là gì? Bài tán tụng này đã nói rõ ràng. Chúng ta phải tự vấn, chúng ta đã làm được hay chưa?

Trong buổi giảng trước, tôi đã thưa cùng quý vị đại ý của chữ Tăng rồi, Tăng là một đoàn thể hòa hợp. Từ bốn người trở lên gọi là Tăng, tức Tăng đoàn. Lúc chúng ta quy y Tam Bảo, đọc lời thệ nguyện "*quy y Tăng, chúng trung tôn*". "*Chúng*" (眾) là đoàn thể, Tăng cũng là đoàn thể, trong thế gian, đoàn thể ấy đáng được mọi người tôn kính nhất trong tất cả các đoàn thể trên thế gian. Tôn (尊) nghĩa là tôn kính. Vì sao đáng được người khác tôn kính? Vì là một đoàn thể hòa hợp, tuân thủ giáo huấn Lục Hòa Kính của Thích Ca Mâu Ni Phật. "*Kiến hòa đồng giải*" trong Lục Hòa Kính tôi đã trình bày rồi. "*Giới hòa đồng tu*": Giới Luật quan trọng lắm! Mức độ thấp nhất phải thực hiện là Sa Di Luật Nghi: Mười giới, hai mươi bốn oai nghi. Chúng ta cùng ở với nhau một chỗ phải nương theo đại chúng, dựa vào đại chúng, khích lệ lẫn nhau, cảnh tỉnh và sách tấn lẫn nhau. Thấy đồng học không đúng pháp, tiêu chuẩn đúng pháp hay không đúng pháp chính là mười giới, hai mươi bốn oai nghi.

Trong thực tại, cũng có chỗ không làm được vì hoàn cảnh và hình thức thực tiễn bức bách nên không có cách gì làm được. Chẳng hạn như giới điều "*bất trì kim tiền*" (không được giữ vàng, tiền), trong hoàn cảnh hiện thời không thể giữ được. Quý vị ra khỏi cửa, người hiện thời ra khỏi cửa chẳng mang tiền theo là không xong; nếu ở trong quốc gia Phật giáo thì được. Như ở Thái Lan, Miến Điện, Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka, Tích Lan) là những quốc gia Phật giáo, người xuất gia không cần mang theo một đồng tiền nào, vì sao? Quý vị gặp khó khăn gì, người chung quanh đều giúp đỡ, đều cúng

dường, không cần phải bận tâm. Trừ những quốc gia đó ra, đại chúng trong xã hội không bằng lòng cúng dường quý vị. Quý vị đi xe phải mua vé, không có tiền, chẳng ai đem một tấm vé nào cúng dường quý vị cả, bắt buộc quý vị không mang theo tiền cũng chẳng được. Nếu muốn thực sự thực hiện rất thanh tịnh, rất viên mãn thì bất đắc dĩ cũng có biện pháp này: Khi quý vị ra khỏi cửa có tại gia cư sĩ tháp tùng. Trên thân quý vị quả thật không mang tiền, lúc cần phải dùng tiền, người ấy sẽ giúp đỡ quý vị, như vậy là được. Vào thời cổ, Giới kinh cũng cho phép [làm như vậy]. Làm được rất thanh tịnh như vậy thì cũng là chuyện nên làm. Người xuất gia tốt nhất không nên hành động một mình, hành động nhất định phải là từ hai hay ba người trở lên. Như vậy mới là đúng pháp, tránh được điều tiếng, đức Phật nghĩ rất chu đáo!

Do vậy, chúng ta trông thấy hai chữ Tăng Bảo bèn sanh tâm hổ thẹn. Hổ thẹn có ích gì đâu? Khẩn yếu nhất là sửa lỗi, đổi mới, phải nỗ lực thực hiện tiêu chuẩn ấy. Ta hy vọng sớm có ngày làm được, tu hành trong thế gian hiện nay chẳng phải là chuyện dễ dàng. Vì nguyên nhân nào? Ngoại duyên bất hảo! Phật pháp nhân duyên sanh, đạo tràng thời cổ đều là thập phương đạo tràng, không có vấn đề gì! Chỉ cần quý vị là người xuất gia, bất cứ đạo tràng ở nơi đâu cũng có thể quải đơn^{1[1]} được, đều có thể ở cùng tu hành, sinh hoạt với đại chúng. Hiện nay rất nhiều đạo tràng là tử tôn miếu^{2[2]}, quý vị không dính dáng gì với họ, họ sẽ không tiếp đãi quý vị, còn không đãi được quý vị một bữa cơm nữa kia! Quý vị phải rất thân thuộc với chúng thường trụ, là bè bạn mới được, nhân tình Phật sự^{3[3]} mà! Đạo tràng thực sự tu hành đúng lý đúng pháp rất hiếm! Tại Trung Quốc hay ở ngoại quốc đều như thế cả! Do vậy, đúng pháp không thấy thì tự nhiên “không đúng pháp” biến thành “đúng pháp”, chuyện này hết sức rất đáng buồn!

Do vậy, trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thường nói: Thời cổ, trong Phật môn tu hành thành tựu theo thứ tự thuận, tỳ-kheo là số một, tu hành, khai ngộ, chứng quả, vãng sanh đông nhất. Kế đến là tỳ-kheo-ni, rồi đến tại gia Ưu-bà-tắc, cuối cùng là Ưu-bà-di. Hiện nay là thời Mạt Pháp, điên đảo hết! Đúng là điên đảo, nay tu hành khai ngộ, chứng quả không có. Người

1[1] Quải đơn: Đơn là một miếng gỗ dài và hẹp vừa đủ một người nằm, dùng thay cho giường trong các thiền viện hay tùng lâm. Do đó, giường của Tăng được gọi là Đơn. Khi một vị Tăng xin nhập chúng ở lại một tự viện tu tập thì gọi là Quải Đơn (treo đơn, tức kê giường), khi xin ra khỏi chúng đi qua chùa khác thì gọi là Trừ Đơn (rút đơn).

2[2] Tử tôn miếu: Chùa do thầy lập ra, truyền lại như gia tài cho đồ tử, đồ tôn, người ngoài không thể nhập chúng được.

3[3] Nhân tình Phật sự: Ý nói trong nhà chùa vẫn xử sự theo cảm tình riêng tư của thế gian, thân thích, quen thuộc thì đối xử nồng hậu, đối với người không quen biết bèn lơ lạt, hờ hững.

thực sự niệm Phật vãng sanh, Ngũ Giới, Thập Thiện tu hành vẫn còn khá, người niệm Phật vãng sanh đông nhất là tại gia Ưu-bà-di, kế đó là tại gia Ưu-bà-tắc, rồi đến nữ chúng xuất gia, cuối cùng mới là nam chúng xuất gia. Nay chúng ta thấy chúng xuất gia nam nữ gần như không dễ gì thành tựu.

Trong mấy chục năm nay, chúng tôi không bị những tập tục ấy ô nhiễm, vẫn có thể tu hành nơi đạo y như cũ là do nguyên nhân nào? Tôi đã thưa cùng các đồng học rồi đó, do có quan hệ sư thừa, được đặc lực nhờ thầy dạy dỗ. Sau khi rời khỏi thầy, được đặc lực nơi kinh giáo, không có ngày nào tách lìa kinh giáo, kinh giáo là nơi quy y chân chánh. Tôi học Phật năm mươi hai năm, giảng kinh bốn mươi lăm năm. Trong mấy chục năm ấy trải qua rất nhiều sóng gió, tai nạn mà không bị ảnh hưởng là vì nguyên nhân nào? Quý vị phải biết: Thực sự muốn thành tựu thì phải học tập. Những gì tôi đã trải qua ai biết tôi đã lâu thì đều biết: Mỗi lần khốn đốn, mỗi lần bị đả kích là tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, nâng cao cảnh giới, quyết định chẳng thuận theo phiền não, quyết định chẳng oán hận người khác. Nếu có những ý niệm ấy dậy lên thì sẽ bị phiền phức rất lớn, oan oan tương báo chẳng xong! Thánh hiền thế gian hay xuất thế gian đều dạy chúng ta "*oan gia nghi giải, bất nghi kết*" (oan gia nên cởi, chớ nên buộc).

Cởi gỡ oán kết chẳng ở nơi đối phương mà ở nơi tâm mình. Trong tâm mình có oán kết thì phải hóa giải; dùng chân thành, cung kính, thanh tịnh, bình đẳng đối người thì tự mình mới có tiến bộ, mới có thể thành tựu đạo nghiệp, quyết định chớ nên oán trời hận người, vĩnh viễn ghi nhớ lời Ngẫu Ích đại sư răn dạy: "*Cảnh duyên phi hảo xú, hảo xú tại ư tâm*" (cảnh duyên không tốt xấu; tốt xấu tại nơi tâm). "*Cảnh*" là hoàn cảnh vật chất, "*duyên*" là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Trong hoàn cảnh vật chất lẫn hoàn cảnh nhân sự không có thiện hay ác, không có đúng hay sai, mà là bình đẳng, thanh tịnh. Đúng - sai, thiện - ác từ đâu có? Từ trong tâm của chính mình. Do vậy, phải hóa giải đúng - sai, thiện - ác ở ngay trong tâm mình, đấy mới thực sự là người tu đạo, thực sự thành tựu Tăng Bảo. Người khác không trì giới, nhưng chính mình phải trì. Trì giới cũng không phải là chuyện dễ dàng, thấp nhất là Thập Thiện, Ngũ Giới. Hàng tại gia lẫn chúng xuất gia đều có thể học tập Sa Di Luật Nghi.

Trì giới tu định, thọ trì kinh giáo Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta: "*Thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói*". "*Diễn*" là làm, thực hiện được mọi thứ chúng ta đã học. Làm cho đại chúng trong xã hội trông thấy thì gọi là Diễn, tức diễn tuồng, biểu diễn. Ngoài việc thực hiện ra, có ai đến hỏi thì phải giải thích cho người ta nghe, đó là "*nói*". Đây chính là bốn phận sự nghiệp của người xuất gia, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta thấy. Suốt một đời, sau khi thị hiện đại triệt đại ngộ, lão nhân gia bắt đầu giáo hóa chúng sanh, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm.

Hơn ba trăm hội ấy, trước kia gọi là Hội, nay gọi là “hoạt động”; nói cách khác, Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện những hoạt động quy mô lớn, quy mô nhỏ (hoạt động dạy học), thực hiện hơn ba trăm lần.

Nay học viện của chúng ta ở nơi đây, một năm tổ chức bốn lần hoạt động, mỗi lần là mười thất, tức bảy mươi ngày, Xuân, Hạ, Thu, Đông, mỗi một quý làm một lần. Thuật ngữ trước kia gọi là Hội, nay chúng ta gọi là “hoạt động”. Những hoạt động của chúng ta ở đây là mở Phật học giảng tòa, giải - hạnh cùng tiến. Về mặt tu hành, chúng ta niệm Phật, chấp trì danh hiệu. Về giải môn (học hiểu giáo lý, giáo nghĩa), chúng ta mở những lớp chuyên tu, chuyên hoằng, thâm nhập một môn, thành tựu Giới - Định - Huệ của chính mình. Không tạp tu, nhất định chẳng ham cao chuộng xa! Thật thà, chất phác, công đức ấy thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Ảnh hưởng càng rộng, thời gian càng dài, càng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, nói chung phải phát tâm, nêu gương tốt cho những người tu học Phật pháp.

Hiện tại, trong xã hội có rất nhiều người hiểu lầm Phật pháp nghiêm trọng, do nguyên nhân nào? Do [Phật giáo đồ] không nêu gương tốt, chứ không phải là Phật pháp chẳng tốt. Họ không tu mà giương chiêu bài Phật pháp, tư tưởng và ngôn hạnh hoàn toàn trái nghịch Phật pháp. Người không thâm nhập nghiên cứu Phật pháp, trông thấy những hình tướng ấy sẽ hủy báng toàn bộ Phật pháp, tội quý vị nặng lắm! Nếu tu tập tốt đẹp, khiến cho đại chúng trong xã hội trông thấy bèn hoan hỷ tán thán. Họ khen ngợi quý vị bèn khen ngợi toàn thể Phật pháp thì công đức của quý vị lớn lắm! Vì thế, “*Tăng Bảo bất tư nghị*” (Tăng Bảo chẳng thể nghĩ bàn). Nay ta có thể hiểu sự chẳng thể nghĩ bàn ấy theo nghĩa kép: Làm đúng pháp, công đức chẳng thể nghĩ bàn; làm không đúng pháp, tội báo chẳng thể nghĩ bàn!

“*Thân phi tam sự vân y*” (Thân khoác áo mây tam sự): Câu này nói đến áo Ca Sa, tượng trưng cho người xuất gia. “*Tam y*” là y năm điều⁴[4], y bảy điều và y chín điều cho đến hai mươi lăm điều thì gọi là Đại Y (y Tăng Già Lê), tức là đại lễ phục của nhà Phật. Y bảy điều là lễ phục thường, phổ thông. Y năm điều là y mặc để làm việc. Lúc đức Thế Tôn còn tại thế, toàn bộ tài sản ngoài ba y một bát còn có một cái ngọa cụ⁵[5]. Ngọa cụ dùng để

4[4] Điều (條): Khi xưa Phật và chư Tăng mặc ca sa bằng vải vút bỏ đi. Để may y thì đem những mảnh vải ấy rọc thành từng miếng, nhuộm cho tếp màu, rồi khâu chằm thành tám lớn, mỗi miếng cắt dọc ấy được gọi là Điều. Sau này, chư Tăng ở Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn, Mông Cổ, Mãn Châu, Tây Tạng, dùng vải rọc thành từng miếng dài, khâu chằm lại thành ca-sa. Do vậy gọi là Cát Tiệt Y hoặc Phước Điền Y. Điều được tính theo chiều dọc của tám ca-sa. Chẳng hạn y năm điều (ngũ điều y) là do đếm theo chiều dọc có năm miếng dài may ghép lại.

5[5] Ngọa cụ còn gọi là Phu Cụ (sayanasana, vật dụng để trải hay lót) là những thứ thường trải để nằm. Theo luật Tứ Phần, Tăng ni không được dùng ngọa cụ làm bằng tơ tằm, lông dê hoặc những vật quý báu. Thoạt đầu,

làm gì? Đêm ngủ trái phía dưới. Còn cái để đắp là ba y. Do đức Phật xuất hiện tại Ấn Độ, Ấn Độ thuộc vùng nhiệt đới, ba y là đủ rồi. Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc, Trung Quốc là ôn đới, càng đi về phương Bắc càng gần với hàn đới, nên có Xuân, Hạ, Thu, Đông, ba y ở Trung Quốc không có cách gì giữ ấm được. Phật pháp quả thật trọng thực chất chứ không trọng hình thức, vĩnh viễn là "*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*". Do vậy, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc vẫn mặc y phục của chính mình, còn ba y khoác ra ngoài y phục.

Quý vị thấy cái áo chúng ta đang mặc gọi là Hải Thanh⁶[6], Hải Thanh là y phục của Trung Quốc. Y phục người xuất gia hiện đang mặc là trang phục của bá tánh thường mặc thời Minh. Chúng ta ăn mặc giống đời Minh. Hải Thanh là lễ phục, áo thụng, tay rộng, đây chính là lễ phục thời Hán. Phật giáo truyền vào Trung Quốc vào thời Hán, người xuất gia khác với tại gia ở chỗ nào? Cổ áo và cổ tay áo của lễ phục người tại gia thêu hoa. Quý vị thấy trên sân khấu biểu diễn như khi hát Bình Kịch⁷[7] hoặc Côn Khúc⁸[8] của Trung Quốc, họ ăn mặc lòe loẹt, diêm dúa, những thứ lễ phục ấy chính là hải thanh, nhưng có thêu hoa văn. Nếu làm quan, áo của họ có thêu hoa

ngọa cụ chỉ làm tám tọa cụ (tám Ni Sư Đàn) may bằng y cũ rách kết lại, nhưng về sau ngoạ cụ có thể bao gồm cả chiếu, mền, nệm. Theo luật, ngoạ cụ tối thiểu phải sử dụng hơn sáu năm rồi mới được thay bằng cái mới.

6[6] Hải Thanh: Một loại áo tràng tay rộng, sáu vạt, hai chún tại gia và xuất gia Trung Quốc thường mặc khi lễ Phật; áo hậu của chư Tăng Việt Nam cũng chính là Hải Thanh. Theo từ điển Phật Quang, áo này sửa đổi từ hoàng bào của vua từ đời Tùy trở về sau. Gọi là “hải thanh” nhằm ngụ ý mênh mông sâu rộng, chứa đựng muôn vật của lòng biển, sự phóng khoáng ung dung tự tại của sóng biển. Ở Trung Quốc, hải thanh thường có hai màu chính yếu: Màu đen dành cho hai chún tại gia và xuất gia mặc khi lễ Phật, người xuất gia đã thọ giới từ Sa Di trở lên thì đắp thêm ca-sa màu vàng hay đỏ (ta hay gọi là Y), riêng màu vàng dành cho vị pháp chủ hoặc phương trượng (tuy vậy, có dòng Thiền lại mặc ngược lại, hải thanh màu vàng, y nâu). Ngoài ra, còn có hải thanh màu xanh dương đậm gần như đen và Hải Thanh hoặc nâu, tùy theo truyền thống của từng tông phái, nhưng màu đen vẫn phổ biến nhất. Chư Tăng Triều Tiên thường mặc hải thanh màu lam hay trắng. Chư Tăng Nhật Bản cũng mặc hải thanh màu đen, nhưng thường tay áo hẹp và vạt ngắn hơn, vạt sau thường xếp nếp, và may đai sau lưng.

7[7] Bình Kịch là cách người Đài Loan gọi Kinh Kịch (tuồng Bắc Kinh). Bình Kịch còn gọi là Quốc Kịch, là một loại hát tuồng nghệ thuật truyền thống của Trung Hoa, dung hợp và phát triển từ nhiều truyền thống sân khấu đã có trước đó như Huy Kịch và Hán Kịch, thậm chí vay mượn các xoang điệu nổi tiếng của lối hát Côn Khúc và Tần Xoang. Kinh Kịch hình thành dưới thời Càn Long nhà Thanh. Có thể nói dễ dãi là Kinh Kịch hoặc các loại gọi là Kịch trong sân khấu Trung Hoa giống như hát bội của Việt Nam, nhưng phức tạp hơn.

8[8] Côn Khúc cũng là một loại hát tuồng đã có trước Kinh Kịch, nó xuất hiện từ thế kỷ 13 hay 14 (tức là vào cuối đời Nguyên) tại Côn Sơn (thuộc Tô Châu) nên gọi là Côn Khúc. Côn Khúc được hình thành dựa theo hình thức hát tuồng cổ nhất Trung Hoa là Nam Hý (đã có từ thời Tống) và biến cải cho phù hợp với giọng phát âm Quan Thoại của vùng Tô Châu cũng như các thể điệu dân ca, hát xướng đã có tại vùng này, cũng như được sáng tác thêm các làn điệu mới. Hiện thời trong Kinh Kịch cũng sử dụng Côn Khúc. Điểm đặc biệt của Côn Khúc là dùng địch, tiêu, sáo, kèn Tỏa Na (người Việt thường gọi là kèn bầu), đàn tỳ bà và đàn tam huyền làm nhạc khí chủ yếu, không dùng quá nhiều thanh la và trống cái, tam la, trống đơn như trong Kinh Kịch. Làn điệu Côn Khúc du dương, âm vực của các vai nữ khi hát và nói không quá cao đến nỗi nghe như mèo kêu trong Kinh Kịch.

văn để làm gì? Thể hiện thứ bậc: Màu sắc của hoa văn thể hiện thân phận của họ. Người xuất gia để trốn hoàn toàn không có hoa văn, sai biệt ở chỗ này. Dân chúng bá tánh cổ áo cũng thêu một chút hoa văn, nhưng hoa văn rất đơn giản, người xuất gia thứ gì cũng đều không thêu.

Vì thế, ba y của chúng ta đắp trên thân có màu cà phê. Chỉ khi nào làm lễ hoặc lúc tham gia các hoạt động (pháp hội), hoạt động là giảng kinh thì phải mặc, phải đắp y. Nghe kinh cũng phải đắp y nhằm biểu thị sự cung kính. Tại gia cư sĩ nếu thọ Bồ Tát giới cũng phải đắp y. [Người thọ] Bồ Tát giới đắp mạn y. Mạn y (y trốn) không có điều nào, tại gia cư sĩ Bồ Tát chúng [đắp y như vậy]. "*Vân*" (mây) là tỷ dụ, y ấy quả thật là một miếng vải, không giống như y phục của Trung Quốc có cổ, có tay, y không có gì hết, chỉ là một miếng vải, mở ra quả thật giống một áng mây. "*Thân phi tam sự*^{9[9]} *vân y*" (thân khoác áo mây tam sự) chính là tướng xuất gia.

"*Phù bôi quá hải sát-na thời*" (Chén nổi vượt biển trong khoảnh khắc): Đây là một câu chuyện xưa. Vào thời đại Nam Bắc Triều, có một vị xuất gia sống nhằm thời Đông Tấn, tức hòa thượng Bôi Độ, trong Cao Tăng Truyện có chép, mà Thần Tăng Truyện cũng chép [tiểu truyện của vị này]. Ngài quả thật hiển hiện thần thông, vượt biển không ngồi thuyền mà dùng một cái chén, đập lên chén vượt biển. Giống như Đạt Ma Tổ Sư dùng một cành lau để vượt sông, đều là thị hiện Thần Túc Thông. Chúng ta biết người có Thần Túc Thông, trong Tiểu Thừa tối thiểu phải từ Tam Quả trở lên. A Na Hàm, A La Hán mới có năng lực ấy. Quý vị muốn tra khảo tư liệu thì trong Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện đều có, có những loại Sơn Chí cũng có chép. Ngài viên tịch vào thời Đông Tấn, cũng tức là thời đại Nam Bắc Triều, nhằm năm 426 sau Tây lịch, tôi không nhớ niên hiệu vua nào^{10[10]}. Tôi chỉ nhớ năm Tây lịch, theo Tây lịch [Sư viên tịch] nhằm tháng Chín năm 426, Sư qua đời. Nay ở Nam Kinh, có một chỗ gọi là Phúc Châu Sơn (núi lật thuyền) thuộc Nam Kinh, Ngài được chôn ở nơi đó. Ngài từng qua lại rất nhiều tỉnh của Trung Quốc, du hóa khắp nơi hơn bốn mươi năm, người theo học rất đông, là một vị cao tăng bất phàm thời ấy.

Chúng ta thấy hành trì của Ngài như thế, biết Ngài giới hạnh thanh cao; do vậy, trong phần tán Tăng Bảo lấy Ngài làm thí dụ. Tại Thanh Sơn thuộc Cửu Long, Hương Cảng có ngôi chùa Thanh Sơn, hòa thượng Bôi Độ đã từng sống ở đó. Câu "*phù bôi quá hải sát-na thời*" phải chăng là nói Ngài hiện

9[9] Chữ Tam Sự ở đây chỉ cho ba loại y vừa nói trên đây, y năm điều (đắp khi làm tụng, chẳng hạn Tri Khách Sư đắp y này để tiếp đón khách đến viếng thăm chùa), y bảy điều (đắp khi tụng kinh trong công khóa hằng ngày), y hai mươi lăm điều (đắp khi làm pháp hội, giảng kinh, thuyết pháp, hoặc đại cúng dường).

10[10] Năm 426 nhằm các niên hiệu Thi Quang thứ 3 (nhà Bắc Ngụy), Huyền Thi 15 nhà Bắc Lương, niên hiệu Thái Bình 18 nhà Bắc Yên, Thừa Quang thứ 2 nhà Hạ, Kiến Hoảng thứ 7 nhà Tây Tần, Nguyên Gia thứ 3 nhà Lưu Tống.

thần thông nơi ấy? Bởi lẽ Cửu Long đối diện núi Đại Dự, đến Hương Cảng phải vượt biển¹¹[11], Ngài hiển lộ thần thông nơi đây hay không, chúng ta không biết; nhưng quả thật có chuyện ấy. Lúc chúng tôi đến thăm Thanh Sơn Tự, cổ tích vẫn còn, đó là lần thứ nhất tôi đến Hương Cảng giảng kinh vào năm 1977, đến viếng đạo tràng cũ của hòa thượng Bôi Độ. Hiện tại, trong mấy năm qua, Hương Cảng phát triển hết sức nhanh; năm 1977 chỗ ấy còn hoang sơ, làng quê, không ai đến. Chúng tôi nhớ phải đi rất xa mới đến được. Nay đã xây xa lộ cao tốc, trước kia đến đó phải mất chừng hai tiếng rưỡi, nay hình như nửa giờ đã tới nơi, xa lộ cao tốc mà! Nêu tên Ngài ở đây để làm gương về Tăng Bảo cho chúng ta.

"*Phó cảm ứng quần cơ*": "*Cảm*" (感) là tín đồ lễ thỉnh, tín đồ thỉnh pháp sư giảng kinh thuyết pháp, Ngài không cự tuyệt. Bốn phận của người xuất gia là ở chỗ này. Thích Ca Mâu Ni Phật cả một đời giảng kinh, thuyết pháp, "*phó cảm ứng quần cơ*". Đức Thế Tôn làm như thế, dấu chân in khắp Ấn Độ, nơi nào thỉnh Ngài bèn đến nơi đó, du hóa nhân gian; nhưng tại Trung Quốc có rất nhiều tổ sư đại đức không ra khỏi cửa, trụ trong núi, hễ trụ rồi bèn mấy chục năm không xuống núi, không giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, có trái nghịch lời đức Thế Tôn giáo huấn hay không? Thưa cùng quý vị, không trái nghịch! Đây chính là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Người Trung Quốc, xã hội Trung Quốc đối với sư đạo (đạo tôn kính thầy) hết sức tôn trọng: "*Chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*" (Chỉ nghe có chuyện học trò tới chỗ thầy xin học, chưa nghe có chuyện thầy phải đến chỗ học trò để dạy). Không giống như Đại Thừa Bồ Tát trong Phật pháp làm bạn không thỉnh (bất thỉnh chi hữu), quý vị không thỉnh tôi vẫn đến. Người Hoa đối với sư đạo hết sức tôn trọng, vì thế người xuất gia nếu muốn thành tựu [người khác] thì trước hết [chính mình] phải ở yên.

Ở Trung Quốc có hai hạng người du hóa: Một là đạo nghiệp của chính mình chưa thành tựu, bèn đi tham học nhằm thành tựu Định - Huệ cho chính mình. Sau đây mới có thể giáo hóa chúng sanh, giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử vậy. Tham học xong, trở về, sẽ chọn lấy một nơi hữu duyên để ở lại, ở nơi ấy rồi có thể cả đời không ra khỏi cửa. Giống như Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư của Tịnh Độ Tông, lúc xuất gia theo học với pháp sư Đạo An. Ngài Đạo An là thầy thế độ cho Tổ, cũng là thầy truyền pháp. Pháp sư Đạo An viên tịch rồi, Tổ bèn chọn Lô Sơn ở Giang Tây, dựng

11[11] Vùng lãnh thổ Hong Kong gồm có ba khu vực chính: Cửu Long (nằm trên đất liền, ráp gianh vùng Tân Giới), Tân Giới (bao gồm một phần đất liền ráp gianh Cửu Long và Đại Dự) và đảo Hương Cảng. Đại Dự Sơn (Lantau Island, tức là đảo Lạn Đầu, khu này có tên hành chánh là Ly Đảo Khu) đối diện với đảo Hương Cảng. Bán đảo Cửu Long nằm trên đất liền, còn Đại Dự và Hương Cảng Đảo cùng nằm trong vịnh Victoria. Từ Cửu Long sang Hương Cảng hay từ Hương Cảng sang Đại Dự đều phải vượt biển.

Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, chiêu tập những người chí đồng đạo hợp đều là những người thích niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đều buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật chuyên cầu vãng sanh, gồm một trăm hai mươi ba người, lấy Hồ Khê làm giới hạn, chẳng ra khỏi giới hạn ấy. Suốt đời không xuống núi, tâm định, chẳng tiếp xúc với bên ngoài. Có tín đồ đến nơi ấy triều bái thì được, thỉnh giáo cũng được, nhưng không thỉnh được pháp sư ra khỏi cửa, không hề có!

Sau này, tổ sư đại đức các tông phái ở Trung Quốc hầu như đều giống như vậy. Các Ngài trụ trong một đạo tràng, tâm định, dạy học tại nơi đó. Quý vị muốn học theo ai thì đến đạo tràng của vị ấy mà học, hình thành tổ đình của các tông phái. Như các Ngài Đỗ Thuận, Vân Hoa, Hiền Thủ, Thanh Lương thuộc tông Hoa Nghiêm. Ngài Thanh Lương trụ tại núi Ngũ Đài, chuyên môn học tập kinh Hoa Nghiêm, giảng giải Hoa Nghiêm, chú giải Hoa Nghiêm, y theo kinh Hoa Nghiêm mà tu hành. Trong thiên hạ, ai thích học Hoa Nghiêm thì đến núi Ngũ Đài để học. Ngũ Đài Sơn giống như đại học Hoa Nghiêm, biến thành một tông phái chuyên biệt. Muốn học Pháp Hoa thì đến núi Thiên Thai thuộc tỉnh Chiết Giang; Trí Giả đại sư giáo hóa nơi đó. Muốn học Pháp Tướng Duy Thức thì đến chùa Đại Từ Ân ở Trường An gặp pháp sư Khuy Cơ. Muốn học Giới Luật, hãy đến chỗ Đạo Tuyên Luật Sư ở Chung Nam Sơn. Những vị ấy trụ tại những đạo tràng đó, ở trong núi sâu, không ra ngoài.

Dường như hòa thượng Bôi Độ không có đạo tràng nhất định, chỗ nào lẽ thỉnh, Ngài bèn đến nơi đó, trụ ở đó mấy năm, suốt đời du hóa. Vì thế, Ngài không thể trở thành một vị tổ sư; nhưng hành trì rất giống với Thích Ca Mâu Ni Phật, kết pháp duyên rộng rãi cùng chúng sanh. Tuy vậy, tổ đình là một nét đặc sắc của Trung Quốc, là một nét đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc, có cái hay là người thực sự có thể tự thành tựu thì cũng có thể thành tựu người khác. Vì sao? Tâm người ấy định. Tam Học Giới - Định - Huệ đồng thời thành tựu, đúng là "*Tam Học đẳng vận*" (sử dụng Tam Học bình đẳng), dễ thành tựu. Nếu du hóa bên ngoài mà chính mình không có Định - Huệ rất sâu sẽ không dễ dàng, vì sao? Du hóa tiếp xúc rất nhiều, mà những chuyện tiếp xúc ấy là gì? Là dụ hoặc (dụ dỗ, mê hoặc). Quý vị có vượt qua được dụ hoặc hay không? Sáu căn tiếp xúc ngũ dục lục trần có thể chẳng động tâm hay không? Nếu vẫn còn động tâm thì rất nguy hiểm!

Phật pháp truyền đến Trung Quốc sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ một ngàn năm, một ngàn năm Chánh Pháp đã hết, bước vào thời Tượng Pháp! Do vậy, những tổ sư đại đức biết sức dụ hoặc của thời Mạt Pháp càng lớn hơn nữa. Sức dụ hoặc hiện thời so với thời Tấn (hòa thượng Bôi Độ là người đời nhà Tấn) lớn gấp cả mấy trăm lần, thậm chí hơn cả ngàn lần, sức dụ hoặc quá lớn. Vì thế, người tu hành trước kia, đừng nói chi là người tu

hành, người chỉ đọc sách không thôi tâm họ đều định, người nào nghề nấy; không như hiện tại, tâm người hiện tại bồng bột, bộp chộp, có thể nói là một tí định lực cũng không có. Một trận sóng gió bé tẹo cũng không chống đỡ nổi, mừng, giận, buồn, vui nổi lên đùng đùng. Quý vị muốn thường đến mọi nơi giảng kinh, tiếp xúc người, sự, vật khác nhau thì phải có công phu kha khá. Nếu ứng phó không được, sẽ chẳng thể không đọa lạc. Giảng kinh có công đức hay không? Không có! Trước kia thầy Lý dạy chúng tôi như thế này: “Kết quả giảng kinh là gì? Là phước đức, là phước báo hữu lậu trong tam giới”; thế nhưng quý vị phải giảng rất đúng pháp. Nếu như quý vị giảng không đúng pháp, miệng nói thao thao, giảng theo tri kiến của chính mình thì lại là tạo nghiệp! Đúng như câu nói: “*Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngũ bách thể dã hồ thân*” (Chuyển ngữ trót giảng lầm một chữ, đọa làm thân cáo năm trăm năm). Làm cho đại chúng lầm lạc, tội lỗi chẳng nhẹ!

Đúng quy củ thì nay chúng ta giảng kinh, chính mình không có bản lãnh. Vì sao? Quý vị chưa ngộ (ngộ nhập), chưa khai ngộ, đại triệt đại ngộ rồi mới có thể giảng được. Đại triệt là gì? Minh tâm kiến tánh! Chư Phật Như Lai, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác giảng kinh, thuyết pháp đều là tự tánh lưu lộ. Chúng ta chưa kiến tánh bèn lưu lộ những gì? Tuôn ra những phiền não, tuôn ra những tập khí. Giảng bằng cách nào đây? Xưa kia, các vị đại đức không khai ngộ chẳng thể giảng kinh, không kiến tánh chẳng thể soạn chú giải. Vì thế, những bản chú giải cổ đều là chánh tri chánh kiến, không sai lầm. Họ không minh tâm kiến tánh sẽ không thể soạn chú giải; không giống như hiện thời, hiện tại dân chủ mở rộng, ngôn luận tự do, xuất bản tự do, nhiều loạn sự thấy nghe [của người học Phật].

Vì thế, lúc thầy còn sống đã dạy chúng tôi: “Chúng ta đọc kinh, xem chú giải của cổ nhân, nhất định lấy chú giải cổ làm chủ. Chú giải cổ không hiểu thì xem chú giải của người hiện tại để bổ trợ. Nhất định phải lấy chú giải của cổ nhân làm căn bản, từ bản chú giải cổ mà ngộ nhập”. Chúng ta chưa thể đại triệt đại ngộ thì có tiểu ngộ, tích tụ tiểu ngộ thành đại ngộ. Có được mấy lần đại ngộ, tuy chưa triệt ngộ, nhưng chúng ta có thể dùng ngôn ngữ hiện đại để diễn đạt chú giải của cổ nhân. Làm như vậy sẽ không sai, đấy là điều hiện nay chúng ta có thể làm được. Khi còn tại thế, thầy dạy chúng tôi phát tâm giảng kinh phải tuân theo phương châm và nguyên tắc này, mấy chục năm qua chúng tôi luôn tuân thủ.

Nói cách khác, giảng chú giải của cổ nhân, đem tâm đặc tu hành của chính mình dâng cho mọi người tham khảo. Chính mình thực sự kiến tánh, khổ nhập cảnh giới thì được, lúc ấy quý vị có thể giảng; chưa khổ nhập cảnh giới thì không được. Do vậy, “*phó cảm ứng quần cơ*” không phải là chuyện người bình thường có thể làm được, mà phải là Pháp Thân Bồ Tát. Mức độ thấp nhất cũng phải như thầy Lý đã nói trước kia là Tam Quả La

Hán, tức A Na Hàm, phải có bản lãnh ấy! Tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc đoạn hết, tám mươi một phẩm Tư Hoặc gần như đoạn được một nửa, thực sự có thể giữ cho chính mình không bị lui sụt, như vậy thì mới có thể làm được. Nếu không, nhất định phải theo thiện tri thức ở trong núi, nhất định phải theo một vị thầy giỏi.

Phật giáo Nhật Bản do Trung Quốc truyền qua, Nhật Bản cũng có một tổ đình Phật giáo rất nổi tiếng là núi Tỳ Duệ¹²[12], người Nhật gọi núi này là “mẹ của Phật giáo”. Gần như tất cả những vị sáng lập các tông phái của Nhật Bản, những vị cao tăng đại đức đều xuất thân từ núi này. Chúng tôi đến đó thăm, hỏi chuyện mấy vị trụ trì nơi đó, trong quá khứ những tổ sư đại đức tu hành ở trên núi này bao lâu? Họ bảo tôi: “Tối thiểu là mười sáu năm, không có ai ít hơn mười sáu năm!” Người tu hành ở đó lâu hơn mười sáu năm rất nhiều. Mười sáu năm không xuống núi, chẳng thể không có thành tựu. Thường chạy rong bên ngoài, chẳng thể thành tựu được. Trước kia, thầy Lý cũng khuyên chúng tôi ở lại một chỗ, tôi bị hoàn cảnh bức bách, chính mình không có đạo tràng, bèn phải “*phó cảm ứng quần cơ*”. Nơi nào thỉnh bèn đến nơi đó, cho nên cũng phải sống cuộc đời “chu du liệt quốc”. Đúng là đến tuổi già mới có được chút phước báo, kiến lập đạo tràng ở nơi này. Dựng đạo tràng ở đây, tôi không muốn xuống núi, lấy Đồ Văn Ba (Toowoomba) làm giới hạn, hoàn toàn định lại.

Thế nhưng thời cuộc hiện thời không cho phép, thế giới này tai nạn quá nhiều, chúng sanh quá khổ. Nếu là những chuyện đa nguyên văn hóa, đoàn kết các sắc dân, đoàn kết tôn giáo, hòa bình thế giới, vì những chuyện ấy tôi vẫn phải bỏ chút sức yếu mỏng. Nếu không phải vì những chuyện ấy, tôi không xuống núi. Những chuyện ấy nay vẫn không có người thay thế; nếu có ai thay thế, tôi hoan hỷ vô lượng, tôi sẽ chẳng xuống núi, tối thiểu là phải nêu gương [ở yên tu học trên núi] mấy năm cho người khác thấy. Vì thế, chúng tôi đọc đến câu “*phó cảm ứng quần cơ*” này, thấy quả thật chẳng phải là chuyện rất dễ dàng.

Thế nhưng hiện thời là thời đại động loạn, muốn giúp đỡ thế giới khôi phục lại trật tự bình thường khó khăn quá! Nay chúng tôi biết là chuyện không thể làm mà vẫn cứ làm, dâng hiến một chút tâm lực của mình, bắt

12[12] Núi Tỳ Duệ (Hiei) gọi là Duệ Sơn, Bắc Sâm hoặc Thiên Đài Sơn (Tendai-yama), là một rặng núi ở Đông Bắc thành phố Kinh Đô (Kyoto), thuộc khu vực Sakamoto (Bản Bôn) của thành phố Đại Tân (Otsu), gồm hai dãy núi Đại Tỳ Duệ và Tứ Minh Nhạc hợp thành. Đây là một ngọn núi thiêng của Nhật Bản, là tổng bản sơn (tổ đình) của Thiên Đài Tông (Tendai shu, tức Thiên Thai Tông Nhật Bản). Ngôi chùa đầu tiên của tông Thiên Đài là Enryaku-ji (Diên Lịch Tự) do tổ sư Tối Trừng Truyền Giáo Đại Sư (Saichō Dengyō Daishi). Phần lớn các tổ sư các tông của Nhật Bản đều xuất thân từ tông Thiên Thai như Nhật Liên (Nichiren, sáng tổ Nhật Liên Tông), Pháp Nhiên (Honen, sáng tổ Tịnh Độ Tông), Thân Loan (Shinran, sáng tổ Tịnh Độ Chân Tông), Minh Am Vinh Tây (Myōan Eisai, sáng tổ tông Lâm Tế Nhật Bản), Đạo Nguyên Hy Huyền (Dōgen Kigen, sáng tổ tông Tào Động Nhật Bản), Nhất Biến (Ippen, sáng tổ Tịnh Độ Thời Tông), v.v...

luận đến nơi đâu cũng là vì chuyện này. Nay chúng ta có viễn trình giáo học (telecourse), có Internet, có truyền hình vệ tinh; tuy thế, ngẫu nhiên có những lúc chính mình phải đến nơi mới tạo ra hiệu quả ảnh hưởng, giúp cho bọn họ kiến lập tín tâm, giúp bọn họ tỉnh ngộ. A! Bây giờ đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp bài Tăng Bảo Tán:

***Kham tác nhân thiên công đức chủ,
Kiên trì giới hạnh vô vi.***

堪作人天功德主。

堅持戒行無違。

*(Đáng làm trời người công đức chủ,
Giới hạnh giữ vững chẳng trái nghịch).*

Hai câu này tiêu chuẩn rất cao! "*Kham*" (堪) là thực sự xứng đáng, chúng ta hãy suy nghĩ chính mình đã có thể là "*nhân thiên công đức chủ*" hay chưa? Câu này tiếp ý câu trên "*phó cảm ứng quần cơ, kham tác nhân thiên công đức chủ*". Thiên sư Bôi Độ không có vấn đề gì, tối thiểu Ngài đã chứng A La Hán, tuyệt đối chẳng phải là người phạm. Hãy nghĩ xem chúng ta có được như vậy hay không? Tôi thường nói, nhất là trong mấy năm qua, giảng kinh ở mọi nơi, tôi dùng một câu để nói tổng quát: "*Học vi nhân sư, hạnh vi thế phạm*" (Học làm thầy người, hạnh là khuôn mẫu cho đời), hy vọng chúng ta trở thành một tấm gương tốt trong nhân gian. Tiêu chuẩn ở đây so với hai câu của tôi cao hơn nhiều lắm.

Nhân gian, cõi trời bao gồm Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên; Vô Sắc Giới Thiên chúng ta không bàn đến. Bởi lẽ, họ không có hình tướng, là Trường Thọ Thiên; quý vị có giảng kinh, thuyết pháp, họ cũng không đến nghe. Sắc Giới Thiên thích nghe kinh, nghe pháp, chúng ta có tư cách hay chẳng? Có đảm nhiệm nổi chẳng? Đối với trời, người, ta không phải là phước đức chủ mà là công đức chủ! Công đức khác với phước đức rất nhiều. Người thế gian đến cửa Phật thắp hương, lễ bái, bố thí cúng dường, cầu điều gì? Cầu phước. Phước điền! Người xuất gia là "*phước điền tăng*". Quý vị trông thấy nơi tắm y này có từng miếng vải một, mọi người gọi nó là "*phước điền y*"; đến nơi đó gieo phước điền. Thực sự có phước để trao cho người ta hay không? Chúng ta tu hành đúng pháp thì họ được phước báo, chúng ta thực sự tu hành chứng quả. Nếu chúng ta tu hành không đúng pháp, tương lai

đọa tam đồ, họ còn có phước hay chăng? Phước báo mà đã khó khăn như thế ấy thì công đức càng chẳng cần phải nói nữa!

Công đức là gì? Không những chúng ta tự mình thành tựu, mà còn phải giúp cho người khác thành tựu. Gì là công đức? Giới - Định - Huệ là công đức. Trì giới có công; được thanh tịnh, bình đẳng là đức. Thanh tịnh, bình đẳng là Định. Tu Định hữu công, trí huệ mở mang là Đức. Câu này có nghĩa là quý vị có thể thực sự làm một vị thầy giỏi trong nhân gian lẫn cõi trời, giúp cho đại chúng nhân thiên thành tựu Tam Học Giới - Định - Huệ thì mới gọi là Công Đức Chủ. Tam Học Giới - Định - Huệ của chính mình không có thành tựu, làm sao có thể thành tựu Tam Học Giới - Định - Huệ cho đại chúng trong cõi trời, cõi người cho được? "*Nhân thiên công đức chủ*", chúng ta hãy suy nghĩ, mức độ, tiêu chuẩn thấp nhất cũng phải như kinh Kim Cang đã giảng: "Phá bốn tướng!" Quả thật vô ngã, không [mang tâm niệm sở hữu] riêng tư, thực sự buông danh văn lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, triệt để đoạn trừ tham - sân - si - mạn - nghi thì mới là "*kham tác nhân thiên công đức chủ*". Đức hạnh, trí huệ, phương tiện thiện xảo chẳng đạt đến mức độ ấy, làm sao là nhân thiên công đức chủ cho được?

Câu tiếp đó nói đức hạnh của chính mình là quan trọng nhất, đây chính là một điều kiện căn bản nhất của nhân thiên công đức chủ: "*Kiên trì giới hạnh vô vi*". Quý vị hiểu vì sao hiện nay chúng tôi phải nhấn mạnh, phải yêu cầu thực hiện Sa Di Luật Nghi đến mức như thế? Mười điều đầu là giới, hai mươi bốn điều sau đây (tức hai mươi bốn oai nghi) là hạnh. Những điều khác chúng tôi không dám nói, vì sao? Tỳ-kheo giới, Bồ Tát giới quá cao! Chúng ta làm người chưa được thì còn bàn [những giới cao xa] làm gì? Học Phật thì trước hết phải học làm người. Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thời cận đại, hiểu rõ xã hội hiện đại, hiểu rõ những diễn biến trong xã hội: Luân thường đạo đức, giáo huấn của thánh hiền hoàn toàn bị băng hoại, con người phải chịu đại khổ nạn. Ấn Quang đại sư không nhấn mạnh giới hạnh mà nhấn mạnh điều gì? Liễu Phàm Tứ Huấn! Liễu Phàm Tứ Huấn giảng điều gì? Tin sâu nhân quả. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, chẳng phải là không báo, chưa đến lúc đó thôi! Nội dung của Liễu Phàm Tứ Huấn là giảng về điều này. Quý vị thực sự hiểu và tin tưởng nhân quả báo ứng thì mới phát tâm đoạn ác tu thiện, hy vọng chính mình trong tương lai sẽ được quả báo tốt đẹp.

Do vậy, Tổ Sư dạy chúng ta tu Cảm Ứng Thiên, học Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn; dùng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn thay cho Giới Luật. Cách này hay lắm, những sách ấy không phải là kinh điển, không từ ngoại quốc truyền vào, mà do chính người Hoa soạn ra, tự mình viết ra. Do vậy, tổ Ấn Quang suốt đời đề xướng

ba tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, An Sĩ Toàn Thư. Trong An Sĩ Toàn Thư có bốn thứ, thứ nhất là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chiếm hết nửa bộ toàn thư. Ba thiên sau là Vạn Thiện Tiên Tư giới sát, Dục Hải Hồi Cường giới dâm, cuối cùng là Tây Quy Trục Chỉ khuyên niệm Phật. Quý vị thấy Ấn Quang đại sư lão nhân gia khổ tâm. Nếu nhìn từ thực tế thì là “trì giới niệm Phật, tin sâu nhân quả”. Trì giới niệm Phật chính là điều Ngài suốt đời đề xướng đến tột bậc, là pháp môn Bất Nhị thực sự cứu vãn kiếp vận trước mắt, tổ Ấn Quang dùng phương pháp này để thực hiện, “*kiên trì giới hạnh vô vi*”, phải chú trọng, quyết định chẳng được trái nghịch.

Nếu trái nghịch, từ đây về sau quý vị sống khó khăn, vị lai chẳng thể nghĩ tưởng nổi, tương lai là ác báo tam đồ. Tam đồ rất dễ vào, chẳng dễ gì thoát ra. Quý vị phải có tâm cảnh giác cao độ, nếu không, đến lúc đọa lạc, khi ấy có hối cũng không kịp nữa. Vì thế, tu hành thực sự ngay trong lúc nào? Tôi thường khuyên lớn các đồng học phải thực hiện ngay trong hiện tại, phải bắt đầu từ hiện tại, hạ quyết tâm thực sự làm, đã chậm lắm rồi, không thể chần chừ được nữa! Tất cả hết thầy pháp trong thế gian đều không thật, kinh Kim Cang nói hay lắm: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Không có gì là thật, chỉ có tin sâu nhân quả, trì giới niệm Phật là thật. Vì sao? Cái quý vị mang theo được chắc chắn là thiện nhân, thiện quả, nhân tốt, quả tốt, vì sao không chịu làm? Cả một đời người thực sự hạnh phúc, thực sự sung sướng, chẳng lìa hiền thánh. Không lìa hiền thánh bằng cách nào? Không tách lìa giáo huấn của hiền thánh.

Về sách thế gian, trước kia, tôi đến Đài Trung tiếp nhận sự giáo huấn của thầy Lý, thầy Lý dạy cho tôi ba loại: Thứ nhất là Tứ Thư, thứ hai là Ngũ Chủng Di Quy^{13[13]}, ngoài ra là Cổ Văn Quán Chi. Học Cổ Văn Quán Chi để học văn tự, học văn chương. Hai thứ đầu là đức hạnh, là học vấn. Đủ rồi! Cả đời dùng không hết! Kinh Phật cũng không cần nhiều, có mấy thứ thôi mà cả đời dùng không hết. Ấn Quang đại sư bảo [chúng ta phải học] ba tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, An Sĩ Toàn Thư.

13[13] Ngũ Chủng Di Quy là tác phẩm do Trần Hoằng Mư biên soạn vào đời Thanh, là sách để dạy trẻ nhỏ và giáo dục xã hội. Nội dung bao gồm những giáo huấn hay đẹp của tiền nhân về dưỡng tánh, tu thân, trị gia, cách làm quan, xử thế, giáo dục v.v... phân chia thành năm loại chính nên mới có tên là Ngũ Chủng Di Quy. Năm loại chính là Dưỡng Chánh Di Quy, Giáo Nữ Di Quy, Huấn Tục Di Quy, Tòng Chánh Di Quy và Tại Quan Pháp Giới Lục. Trần Hoằng Mư (1696-1771), tự là Nhữ Tư, người huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, đỗ tiến sĩ dưới thời Ung Chánh nhà Thanh, từng làm đến chức Đông Các Đại Học Sĩ kiêm Công Bộ Thượng Thư, rất được vua Càn Long coi trọng và tín nhiệm. Ông làm quan cần mẫn, chú trọng mở mang giáo dục cho các sắc dân thiểu số, chăm nom công tác thủy lợi tại Thiên Tân, Hà Nam, Giang Tây, tu bổ đền đài v.v...

Chúng tôi thường học tập pháp môn Tịnh Độ, năm kinh một luận của Tịnh Độ. Trước kia, thầy Lý còn dạy thêm cho chúng tôi kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh A Nan Văn Sự Phật Cát Hung, kinh Kim Cang, kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, kinh Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm. Đủ rồi, không cần học thêm nữa! Chúng tôi cả đời chuyên tu, chuyên hoằng, tâm định lại, một môn thông rồi mới học sang môn khác.

Suốt đời lấy một môn làm chủ, chủ tu một môn, có thể học những môn khác để phụ trợ cho môn mà quý vị chủ tu, hòng làm rạng rỡ một môn ấy, chúng ta quyết định không cần nhiều hơn nữa. Nhiều sẽ không thể tiêu hóa nổi, tiếp nhận không nổi. Vâng giữ được như thế thì gọi là "*giới hạnh*". Giới là quy củ, Giới là tịnh giới, ta chỉ tuân thủ trong phạm vi ấy, khéo học tập, ngàn kinh muôn luận khác đến thế giới Cực Lạc sẽ học sau, không trễ đâu! Đến thế giới Cực Lạc, chúng ta chứng được vô lượng thọ, có thọ mạng như thế, có thời gian như thế, hưởng chi nơi đó có thầy giỏi, có đồng học tốt, hoàn cảnh tu học tốt, lẽ đâu chẳng thành tựu? Chẳng thể tham nhiều mà phải chuyên tinh.

Dùng kinh luận sửa đổi cho đúng tư tưởng, kiến giải của chính mình. Cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta không trái nghịch kinh luận. Ngôn ngữ, hành động không trái nghịch Giới Luật, lấy giới luật làm tiêu chuẩn, sửa đổi hành vi. Dùng kinh luận làm tiêu chuẩn để sửa đổi tư tưởng, kiến giải của chính mình cho đúng. Chúng ta tu hành có tiêu chuẩn; nếu trái nghịch những tiêu chuẩn ấy thì là sai lầm. "*Kiên trì*" là quyết định không trái nghịch. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta làm gì thì phải thực sự làm, dạy chúng ta không được làm những gì thì quyết định chẳng trái nghịch, đó là "*kiên trì*" (giữ vững). Người khác kiên trì hay không chẳng dính dáng gì đến mình, chúng ta quyết chớ nên nhìn vào người khác. Người khác có làm thì mình cũng làm, người khác không làm, mình làm để làm chi? Nghĩ như vậy là sai! Người khác đi theo con đường tam đồ, quý vị cũng theo họ đi luôn! Người ta đọa A Tỳ địa ngục, quý vị cũng theo họ đi vào. Vậy là lầm lạc quá rồi! Người ta tốt đẹp thì có thể học theo, tự mình phải có trí huệ, có năng lực phân biệt đúng - sai, thiện - ác, phân biệt nhân - quả, tà - chánh, quý vị phải có năng lực ấy. Không có năng lực đó, nhất định phải theo thầy; khi không có thiện tri thức, nhất định phải nương theo kinh giáo: Học lấy một bộ kinh giáo, nhất định phải tuân thủ những điều được giáo huấn trong bộ kinh luận ấy.

Hiện tại, các đồng học đều lấy kinh Vô Lượng Thọ làm tiêu chuẩn tu hành cho mình, rất tốt! Kinh Vô Lượng Thọ nội dung hết sức phong phú, toàn kinh từ đầu đến cuối, mỗi một phẩm đều nói đến Giới Luật. Nói nhiều nhất là từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, nếu quý vị chú tâm quán sát đoạn kinh văn lớn ấy, sẽ thấy kinh thuyết minh tỉ mỉ về Ngũ Giới, Thập

Thiện, có những điểm chánh yếu để học tập và mặt phụ là nhân quả. Vì thế, chúng tôi lấy ra, soạn thành kinh văn để đọc tụng trong khóa tối, với mục đích hy vọng mỗi ngày y theo kinh giáo để tu hành pháp sám hối. Đọc đến đoạn này bèn theo văn nhập quán, vừa niệm vừa nghĩ đến bản thân, Phật dạy mình làm gì, mình làm được hay chưa? Phật dạy mình không được làm gì, mình có trái nghịch hay không? Phản tỉnh, sửa lỗi, đổi mới thì gọi là chân chánh tu hành. Thực hiện khóa tối như thế sẽ có công đức. “Miệng có, tâm không” là chẳng được. Lại xem tiếp hai câu cuối của bài tán tụng:

***Ngã kim khể thủ nguyện dao tri,
Chân tích trượng đề huề.***

我今稽首願遙知。

振錫杖提攜。

*(Con nay cúi lạy nguyện xa hay,
Rung tích trượng đề huề).*

“Khể thủ” là đánh lễ tam bái. Ở đây, chúng ta đánh lễ ba lạy, hy vọng dù Ngài ở phương xa, cũng trông thấy, cũng nghe biết. Ngài biết được ý tứ trong lòng con, chân thật không giả dối tí nào. Nhất là bậc Pháp Thân Bồ Tát, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, trong cảnh giới ấy, không gian không còn, xa - gần không có, thời gian không có, trước - sau không có, Pháp Thân Bồ Tát ở trong cảnh giới ấy, làm sao không biết cho được? Dẫu ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi nước Phật, vẫn thấy chúng ta rõ ràng, rành rẽ. Nay chúng ta ở đây khể tiếng nói thì thầm, Ngài cũng nghe rõ ràng, thông suốt; chúng ta khởi tâm động niệm gì Ngài đều biết cả. Kinh Vô Lượng Thọ nói rất hay: Người vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*Thiên Nhãn đồng thị, Thiên Nhĩ triệt thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhãn nhìn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt cùng tột, Tha Tâm biết khắp cả). Chúng ta khởi tâm động niệm họ đều biết ngay, chẳng thể che mắt ai được!

Muôn vàn phần chớ nên lừa dối người khác. Lừa dối phàm phu dễ, chứ đối với hàng Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên, không có cách gì dối gạt được. Họ hiểu quý vị quá rành, quá rõ rệt, những hành vi quý vị đã làm trong đời đời kiếp kiếp họ biết hết. Thanh Văn, Duyên Giác, thiên thần, quỷ thần cũng có tiểu thần thông, họ chưa chắc biết được chuyện trong đời đời kiếp kiếp của quý vị, nhưng mọi hành vi trong hiện đời sẽ không thể che mắt họ được. Vì thế, cổ nhân thường nói: “*Cử đầu tam xích hữu thần minh*” (Trên đầu tính lên ba thước có thần minh), làm sao người ta không biết được? Do vậy, quý

vị chánh tâm, chánh hạnh, chư Phật bèn hộ niệm, thiện thần bảo vệ, ban phước, ác thần cũng tôn kính! Cớ sao không làm? Quý vị học Phật tâm địa ngày càng thanh tịnh, công phu càng tốt, cảm ứng cảnh giới càng rõ rệt. Cảnh giới ấy chắc chắn tăng trưởng tín tâm, kiên định nguyện hạnh cho quý vị, vì sao? Hoàn toàn hiểu rõ rồi, là thật, chứ không giả, trên con đường Bồ Đề không cô đơn, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ.

"*Chấn tích trượng đề huề*": Chúng ta là phạm phu, cần phải có người đề bạt. Tăng Bảo gần gũi chúng ta nhất. Người xuất gia "tích trượng" chẳng rời tay, dùng để làm gì? Dùng khi ra khỏi cửa khất thực. Đi khất thực, cổng nhà người ta đều đóng, mình gõ cửa nhà người ta là thiếu lịch sự, chẳng thể gõ cửa nhà người ta, làm như thế nào đây? Chúng ta ôm bát đứng bên ngoài họ không biết. Rung tích trượng, tích trượng vừa rung, trên tích trượng thường gắn những cái vòng đồng, hoặc vòng sắt, rung lên sẽ phát ra tiếng. Người trong nhà nghe bên ngoài có người rung tích trượng, biết có người xuất gia đến khất thực, họ tự nhiên mở cửa cúng dường. Nếu hôm nay người ta không có gì để cúng dường mình, họ không mở cửa. Rung tích trượng ba lần, cửa không mở, phải đi ngay, chẳng được lần chần tại đó, qua khất thực nhà thứ hai.

Đức Phật quy định không được khất thực quá bảy nhà. Bảy nhà đều không xin được thì phải quay về niệm Phật; nhưng vẫn còn có cái để ăn, vì không phải là khất thực vừa xin được bèn ăn liền, không phải như vậy! Nếu không, sẽ là phạm oai nghi. Xin xong phải trở về đạo tràng, ăn cùng đại chúng. Người xin được nhiều chia cho người xin được ít. Không xin được gì thì cũng được người khác chia sót. "*Chấn tích trượng đề huề*": Nay ta khất thực, không xin được thì những người xin được nhiều sẽ sót cho mình một chút. Đây là Sự, từ chuyện này mở rộng ra: Chúng ta tu hành gặp khó khăn, gặp phải thử thách, gặp phải mê hoặc, gặp phải chướng nạn, phải nhờ vào thiện tri thức nâng đỡ, phải nhờ thiện hữu giúp đỡ, đó là bạn lành, Tăng Bảo đấy! Giảng đến đây có thể coi là xong một đoạn, nhưng trong đây lại còn một tầng ý nghĩa sâu hơn, người tại gia cũng là Tăng Bảo.

Nên giải thích như thế nào? Do ý nghĩa của chữ Tăng không phân biệt là tại gia hay xuất gia, chỉ cần tu Lục Hòa Kính, nghiêm trì Giới Luật, bốn người ở cùng một chỗ, người tại gia bốn người ở cùng một chỗ cũng là Tăng Bảo, cũng là Tăng Đoàn. Quý vị nhất định phải thực sự tu hành. Trong nhà Phật có bốn hạng xuất gia, điều này nhất định phải biết.

1) Loại thứ nhất là thân xuất gia, tâm không xuất gia. Về hình tướng là người xuất gia, nhưng tư tưởng, kiến giải, hành vi là người tại gia, không phải là Tăng Bảo. Cổ đại đức bảo hạng người xuất gia này là: "*Thí chủ nhất lạp mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao, đới giác hoàn*" (Một hạt cơm thí chủ, to bằng núi Tu Di, đời này không liễu đạo, đeo lông,

đội sùng đền). Trong tương lai, bọn họ phải trả nợ, họ không tu hành đúng pháp.

2) Loại thứ hai là tâm xuất gia nhưng thân không xuất. Đây là người tại gia chân chánh tu hành, họ là Tăng Bảo. Dù hình tướng là người tại gia, nhưng chân tu nên giống như người xuất gia, không khác gì. Họ thuộc về Tăng Bảo.

3) Loại thứ ba là thân tâm đều xuất. Đương nhiên là đạt tiêu chuẩn xuất gia cao nhất. Thân xuất gia tâm cũng xuất gia, thực sự ở trong trần thế ("trần" (塵) là bụi đất) không nhiễm mảy trần, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Phải hiểu Tăng Bảo được tán dương ở đây là hạng tâm xuất gia và "thân xuất gia, tâm cũng xuất gia". Đây mới là Tăng Bảo chân chánh.

4) Loại thứ tư là thân tâm đều chẳng xuất: Thân lẫn tâm không xuất chẳng phải là mọi người bình thường trong thế gian, không phải vậy! Ở đây nói đến kẻ tại gia học Phật, tại gia học Phật thì thân không xuất, nhưng tâm như thế nào? Tâm cũng không xuất! Thân lẫn tâm đều không xuất, mang danh là cư sĩ tại gia, nhưng tâm không hướng về đạo. Trong cuộc sống thường ngày vẫn tùy thuận phiền não tập khí, chẳng tùy thuận những giáo huấn trong kinh luận, thân lẫn tâm đều không xuất!

Như vậy, bốn loại này đều nói về tứ chúng đệ tử trong nhà Phật, không dự vào cửa Phật thì chẳng tính đến. Chúng ta phải hiểu điều này. Do vậy, tại gia hay xuất gia đều phải thực sự tu tập thì mới được kể là Tăng Bảo. Nếu không thực sự tu tập sẽ chẳng có phần trong Tăng Bảo. Không có phần thì có tạo tội nghiệp hay không? Đương nhiên tạo nghiệp! Tạo nghiệp như thế nào? Tôi nói ra mọi người hiểu ngay: "Phá hoại hình ảnh Phật giáo, tội ấy không nhẹ!" Quý vị đều biết: Trong Ngũ Nghịch, Thập Ác có tội phá hòa hợp Tăng, có điều này. Tội phá hòa hợp Tăng đọa A Tỳ địa ngục, rất nặng! Quý vị phá hoại hình ảnh của Phật giáo, nghĩ xem: Tội ấy khác nào tội phá hòa hợp Tăng? Ta là người xuất gia, làm chuyện rất không đúng pháp, khiến cho đại chúng trong xã hội trông thấy bèn chửi rủa Phật giáo, chửi cá nhân mình không sao, toàn thể Phật giáo bị kẻ ấy chửi lây. Quý vị nghĩ coi: Cái tội ấy nặng lắm! Cư sĩ tại gia học Phật, học không đúng pháp, khiến cho xã hội đại chúng nghĩ: "Gã đó là người học Phật mà lại như thế đó!" Quý vị có phạm tội lỗi hay không? Liên lụy toàn thể những người học Phật, liên lụy toàn bộ Phật pháp, chuyện này thật nghiêm trọng!

Vì sao trong lịch sử chúng ta thấy thời cổ những người xuất gia được quốc vương, đại thần, sĩ đại phu (nay ta gọi [sĩ đại phu] là "những người có chức vị") tôn kính đến như vậy? Vì đạo lý nào? Những vị xuất gia ấy thực sự là tịnh quang của Phật, có đạo đức, có học vấn, nghiêm trì Giới Luật, thuyết

pháp lợi sanh, biện tài vô ngại, đối với pháp thể gian hay xuất thể gian đều không cầu điều gì, không lấy điều gì, ai mà chẳng tôn kính? Bởi thế, họ đúng là "*kham tác nhân thiên công đức chủ*". Đế vương, quan lại cam tâm quy y, tôn quý vị làm thầy! Vì sao trong xã hội những kẻ xuất gia chúng ta ngày nay bị người ta coi thường? Tự mình phải quay đầu nghiêm túc suy nghĩ, là công hay là tội, là họa hay là phước, quý vị phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch!

Nếu quý vị không thực sự tu, làm sao xứng với Phật, Bồ Tát cho được? Làm sao xứng với tổ sư đại đức đời đời truyền thừa cho được? Làm sao xứng với mười phương thiện tín xuất tiền bỏ sức cúng dường quý vị? Người ta nhọc nhằn, vất vả kiếm tiền đến cúng dường quý vị, vì lẽ nào? Quý vị dựa vào đâu để hưởng cho tiêu [của cúng dường ấy] được? Do vậy, trong phần Tam Bảo Tán, đọc đến phần Tăng Bảo Tán, cảm khái muôn vàn! Phải tự phản tỉnh, kiểm điểm sâu xa, chẳng thể không biết, chẳng thể không quay đầu, chẳng thể không sửa lỗi! Chúng ta xem tiếp đoạn khai thị kể đó, là lời của thiền sư Trung Phong:

35. Khai thị:

Niệm Phật ký từng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoại lai. Tu du bồi niệm Phật chi tâm, sát-na tức kết nghiệp chi sở.

念佛既從心出。結業豈屬外來。須臾背念佛之心。剎那即結業之所。

(Niệm Phật đã từ tâm mà có, kết nghiệp há thuộc bên ngoài? Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na).

Trong phần khai thị, quan trọng nhất là bốn câu này. Bốn câu ấy này đối với người học Phật chúng ta, bất luận xuất gia hay tại gia cũng đều là "đương đầu bồng hát"^{14[14]}: "*Niệm Phật ký từng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoại lai*" (Niệm Phật đã từ tâm mà có, kết nghiệp há thuộc bên ngoài?) Câu này thuyết minh làm lành hay tạo ác đều do một cái tâm. Cái tâm ấy không làm lành sẽ tạo ác, chắc chắn là như thế! Niệm Phật là điều lành nhất trong mọi điều lành, không có gì lành hơn được. Trong tâm quý vị bất luận nghĩ đến thiện pháp nào, tương lai nhất định có thiện quả, thiện quả không ngoài cõi trời người. Trong tâm quý vị nghĩ đến hết thảy ác pháp, quả báo chẳng ngoài tam đồ. Do đây biết rằng: Khởi tâm động niệm

^{14[14]} Đương đầu bồng hát: Bồng (棒) là cái gậy, Hát (喝) là tiếng hét. Tông Lâm Tế thường dùng gậy hay tiếng hét để khai ngộ cho hành giả. Ở đây, Hòa Thượng mượn thuật ngữ này của Thiền Tông để nhấn mạnh ý cảnh tỉnh khai ngộ rất mạnh của bốn câu này.

không gì chẳng phải là nghiệp, nghiệp nếu không phải là thiện nghiệp thì sẽ là ác nghiệp. Trong xã hội hiện thời phiền phức lắm, vì sao? Giáo huấn của thánh hiền không còn nữa, không ai nói nữa. Những sách vở ghi chép giáo huấn của hiền thánh được lưu truyền rất ít, không ai đọc.

Trước kia, tôi ở Đài Loan, Thương Vụ Ấn Thư Quán in bộ Tứ Khố Toàn Thư; lúc ấy tôi muốn mua, tâm có thừa mà sức không đủ, không có tiền. Về sau, Thế Giới Thư Cục lại xuất bản bộ Tứ Khố Hội Yếu, lúc ấy tôi rất hoan hỷ. Tôi nghĩ Tứ Khố nay vẫn còn có mấy bộ được lưu truyền. Trước kia, những người già cả bảo tôi: Vào thời hoàng đế Càn Long, nguyên bản Tứ Khố Toàn Thư được chép tay, chép thành bảy bộ. Đã nhiều năm trôi qua, qua bao chiến tranh loạn lạc, thay đổi triều đại, tổn thất hết, bị hủy hoại hết, thất lạc hết, đáng tiếc thay! Đại khái ở Trung Quốc Đại Lục còn được hai bộ, Đài Loan có một bộ là ba bộ. Những bản dở dang, không hoàn toàn cũng còn được vài bộ, nhưng Tứ Khố Hội Yếu không có. Đương thời chỉ có hai bản Tứ Khố Hội Yếu, một bản để ở Si Tảo Đường¹⁵[15], tức là thư phòng của vua Càn Long trong hoàng cung. Bộ kia để tại vườn Viên Minh, trong vườn Viên Minh có một bộ Toàn Thư và một bộ Hội Yếu. Lúc bát quốc liên quân¹⁶[16] thiêu hủy vườn Viên Minh, hai bộ ấy bị hủy cả. Do vậy, [Tứ Khố] Hội Yếu chỉ còn lại một bộ.

15[15] Si Tảo Đường (撷藻堂) nằm ở Đông Bắc của Ngự Hoa Viên trong Cố Cung Bắc Kinh, được xây dựng vào thời Càn Long, chủ yếu để tàng trữ sách. Chữ Si ở đây có nghĩa là truyền bá, hoàng dương, bày vẽ, triển khai, lấy ý từ câu “*si tảo như xuân hoa*” (vẽ vờn văn chương như hoa mùa Xuân), do vậy, “si tảo” có nghĩa là hoàng dương văn hóa. Vườn Viên Minh cũng là hoa viên của nhà Thanh, có quy mô rất to lớn. Đến thời Từ Hy Thái Hậu lại mở rộng thêm, xây cất hết sức tráng lệ.

16[16] Bát quốc liên quân là lực lượng quân đội liên kết tám đại đế quốc thời đó là Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật, Nga, Ý và Áo lên đến 3 vạn người (sử ngoại quốc ghi là 45.000 người). Nguyên do là do vua Quang Tự nghe theo kế hoạch duy tân của Khang Hữu Vi toan lật đổ Từ Hy thái hậu. Âm mưu thất bại, các nước ngoại quốc giúp đỡ thầy trò Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi trốn sang Nhật. Từ Hy bèn giam lỏng vua Quang Tự tại Doanh Đài, toan phế vua, nhưng do các nước phản đối nên chưa dám hành động. Lại thêm thất bại trong cuộc chiến tranh Trung Nhật năm Giáp Ngọ (1894), đây là cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng giữa nhà Thanh và triều đình Nhật trên bán đảo Triều Tiên. Nghe lời xúi giục của Viên Thế Khải, Từ Hy quyết định tận dụng sức mạnh của giáo phái Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phi) để chống lại ngoại quốc. Nghĩa Hòa Đoàn là một giáo phái mê tín xuất phát từ Sơn Đông, chủ trương đánh quyền, vẽ bùa niệm chú, luyện kim đan, khoe thân kim cang bất hoại, đạn bắn không lung, thề tiêu diệt giáo dân Thiên Chúa Giáo và người ngoại quốc. Nghĩa Hòa Đoàn tiến vào Bắc Kinh tháng Sáu năm 1900, tấn công khu vực ngoại quốc, khiến họ phải ẩn nấp trong khu Đông Giao Dân Hạng (Legation Quarter) là khu vực của tòa lãnh sự các nước Âu Tây. Liên quân Thanh và Nghĩa Hòa Đoàn vây hãm khu này suốt 55 ngày, nên tòa lãnh sự các nước đánh điện cầu cứu chính phủ của họ. Bát quốc liên quân đánh tan quân Thanh và Nghĩa Hòa Đoàn, chiếm lãnh toàn bộ Bắc Kinh vào ngày 14 tháng Tám năm Canh Tý (1900) khiến Từ Hy và Quang Tự phải chạy trốn về Tây An (Thiểm Tây), phái Lý Hồng Chương điều đình. Cuối cùng, nhà Thanh buộc phải ký hòa ước bất bình đẳng Tân Sửu (tháng 7, năm 1901). Nhà Thanh phải bồi thường chiến phí, mất rất nhiều chủ quyền, phải cắt đất cho các nước Âu Tây và Nhật lập tô giới. Bát Quốc Liên Quân (nhất là quân Đức, Nga và Pháp) đã cướp bóc Tử Cấm Thành, giết người, hoặc hãm hiếp rồi dùng lưỡi lê đâm chết

Một bản độc nhất trên đời này! Thế Giới Thư Cục in ra, tôi hết sức hoan hỷ. Do vậy, lúc ấy có những đồng tu giúp đỡ tôi, tôi mua được một bộ. Mua được một bộ, tôi không đủ sức đọc, tôi nghĩ phải gởi về Trung Quốc Đại Lục, vì Trung Quốc Đại Lục không có, rất nhiều người còn chưa được nghe đến. Tôi bèn phát tâm, sau này tận hết sức mua được năm bộ. Năm bộ ấy, lần thứ nhất gởi về Trung Quốc Đại Lục, gởi về đại học Bắc Kinh một bộ; gởi một bộ về đại học sư phạm Nam Kinh, gởi về đại học Phúc Đán ở Thượng Hải một bộ; An Huy là quê cũ, cũng là nơi phát nguyên của Đồng Thành phái¹⁷[17], gởi tặng một bộ về đại học An Huy. Còn một bộ gởi về quê hương Càn Long thuộc miền Đông Bắc, tức là gởi về đại học Trường Xuân thuộc quê hương của Càn Long.

Sau này từ từ có tiền bèn mua, tổng cộng mua đến ba mươi bốn bộ, cả Trung Quốc mỗi một tỉnh, thành phố đặc biệt, khu tự trị mỗi nơi đều tặng một bộ; mỗi nơi chọn lấy một đại học tốt nhất, hy vọng những sách này sẽ được lưu truyền dài lâu. Sau rốt, có một vị cư sĩ đến bảo tôi ông ta phát tâm tặng tôi một bộ Tứ Khố Toàn Thư, tôi hết sức vui vẻ. Tôi hỏi mua một bộ nơi Thương Vụ Ấn Thư Quán, bản cuối cùng của Thương Vụ Ấn Thư Quán được bán cho tôi. Tổng kinh lý (General Manager) [của Thương Vụ Ấn Quán] bảo tôi: “Bộ sách này nếu một người mới đẻ ra đã biết đọc, mỗi ngày đọc tám tiếng, đọc đến một trăm hai mươi tuổi vẫn đọc chưa xong”. Tôi mua một bộ hiện được đặt tại nhà giảng mới của chúng ta. Tôi hỏi ông ta sách này in với số lượng bao nhiêu, tôi ước tính chừng ba trăm bản. Ông ta bảo không sai, chỉ in ba trăm bản. Lúc ấy tôi ước tính Hội Yếu chỉ in năm trăm bản.

Năm ngoái, tôi qua Đài Loan giảng kinh, gặp được tổng kinh lý của Thế Giới Thư Cục tôi mới biết họ chỉ in hai trăm bản, vì sao? Sách ấy không có ai đọc. In nhiều không bán được. In hai trăm bản mà hiện nay họ vẫn còn tám bộ. Như vậy thì quý vị mới biết khó khăn như thế nào, những thứ của cổ thánh tiên hiền hiện nay không có người đọc. Người hiện tại đọc những thứ gì? Không đọc sách mà chơi computer, coi Internet. Nội dung Internet tôi không biết, tôi chỉ nghe nói đủ màu đủ vẻ, đại khái là bảy mươi, tám mươi phần trăm là tài liệu dạy dỗ, cũng được đi! Dạy toàn giết - trộm - dâm - dối; nói cách khác, mỗi ngày quý vị tiếp xúc những thứ đó, tâm chắc chắn bị các ác pháp ô nhiễm, khởi tâm động niệm bất thiện, quả báo chẳng thể tưởng tượng được nổi.

nạn nhân, đốt phá rất nhiều nhà thường dân, hủy hoại rất nhiều phẩm vật văn hóa quý báu như tranh vẽ, bút thiếp, sách vở, đồ cổ ngoạn.

17[17] Đồng Thành phái: Chỉ trường phái của văn gia Phương Bao (11668-1749), tự Phong Cửu, hiệu Vọng Khê, là một nhà văn nổi tiếng đời Thanh, người huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy. Tác phẩm của ông được in thành Phương Vọng Khê Toàn Tập.

Hiện thời người học Phật đông đảo, nhưng người chân chánh học Phật được mấy ai? Nếu quý vị đào thải từng tầng một, đào thải đến tối hậu thì toàn thể giới, e rằng chưa tìm được một trăm người. Tôi ước lượng như vậy là còn lớn lắm. Người chân chánh học Phật trên toàn thể giới tìm không được một trăm người thì còn nói gì được nữa? Đều là do ý niệm. Làm lành cũng do nó, làm ác cũng do nó. Chúng ta phải hiểu, phải cảnh giác. Tự mình phải khéo suy nghĩ: Mình đang theo con đường Phật, hay đi trên đường địa ngục, phải nghiêm túc suy tưởng, nghĩ ngợi đi! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 56

Chư vị đồng học!

Xin xem đoạn Khai Thị sau phần Tán Tăng Bảo, chúng ta đọc đoạn này một lượt:

Niệm Phật ký tùng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoại lai, tu du bởi niệm Phật chỉ tâm, sát-na tức kết nghiệp chỉ sở.

念佛既從心出。結業豈屬外來。須臾背念佛之心。剎那即結業之所。

(Niệm Phật đã do tâm mà có, kết nghiệp há thuộc ngoài tâm. Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na).

Đây là một đoạn. Trong phần trên tôi đã nói rồi, trong đoạn này thiền sư bảo chúng ta: Làm lành hay làm ác đều trong một tâm niệm, hoàn toàn giống như lời đức Phật dạy trong các bộ kinh Đại Thừa. Trong kinh Hoa Nghiêm, nói chung, đức Thế Tôn bảo chúng ta: Hư không, pháp giới, sát-độ, chúng sanh, hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*". Đó là nói đến cùng tận. Đức Phật lại còn thường dạy chúng ta: "*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*" (hết thảy pháp từ tâm tướng mà sanh). Câu thứ nhất [trong phần Khai Thị trên đây] nói về niệm Phật: Quý vị nghĩ tưởng Phật, nghĩ tưởng Phật bèn thành Phật. Câu tiếp đó là "*kết nghiệp*": Trong tâm nghĩ đến những nghiệp thiện hay ác, quý vị nghĩ đến điều thiện bèn hưởng phước báo trong nhân thiên tức ba đường lành; nghĩ đến điều ác bèn có ác báo trong tam đồ địa ngục. Toàn là do một tâm, tùy thuộc cách nghĩ của quý vị ra sao; mối quan hệ này rất lớn lao.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật cũng bảo rõ ràng cùng chúng ta: "*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả*" (các pháp được sanh ra chỉ do tâm hiện, hết thảy nhân quả); từ ngữ "*nhất thiết nhân quả*"

ở đây bao gồm nhân quả của y báo và chánh báo trong mười pháp giới, gồm cả nhân quả xuất thế Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Khởi tâm động niệm là tạo nhân, nhân gặp được duyên, quả báo nhất định hiện tiền, đúng như ngạn ngữ có câu: "*Bất thị bất báo, thời thần vị đáo*" (Chẳng phải không báo, thời giờ chưa đến). "*Thời thần*" là gì vậy? Duyên! Duyên chưa đủ. Hễ duyên đầy đủ thì quả báo hiện tiền ngay lập tức. Chúng ta chẳng thể không hiểu đạo lý này!

Đức Phật lại thường nói: "*Y báo tùy trước chánh báo chuyển*" (Y báo chuyển theo chánh báo). Chánh báo là khởi tâm động niệm; còn về y báo thì y báo thân thiết nhất là thân thể của chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm chẳng thể không có thân thể này. Y báo và chánh báo là một, không hai. Đã có thân thể này thì không thể chẳng có hoàn cảnh sinh sống. Quý vị chú tâm tư duy, quán sát toàn thể vũ trụ, nay chúng ta gọi [chánh báo] là tinh thần, vật chất và tinh thần quyết định chẳng thể chia lìa, chúng là một thể: Tinh thần là tinh thần của vật chất. Vật chất là vật chất nơi tinh thần, là một, không hai, đều là "*tâm hiện, thức biến*". Trong Phật pháp gọi [tinh thần và vật chất] là Tâm Pháp và Sắc Pháp. Sắc và Tâm cùng một nguồn, trong Phật pháp gọi cái nguồn ấy là Pháp Tánh hoặc là Chân Tánh.

Do đây biết rằng: Khởi tâm động niệm chẳng thể không cẩn thận, chớ tưởng động một ác niệm không sao, không ăn nhằm gì, nghĩ như vậy là hoàn toàn nghĩ sai rồi! Bất luận ý niệm nào, người hiện tại gọi là "*ba động*" (dao động, fluctuation), trong Phật pháp cũng gọi là "*ba động*". Vô minh là ba động, phạm vi của ba động trọn khắp hư không giới, khắp pháp giới, tốc độ nhanh chóng! Làn sóng tư tưởng không phải là làn sóng vật chất. Tốc độ của sóng vật chất không nhanh; trong những hiện tượng vật lý, con người hiện tại đều biết: Tốc độ lan truyền nhanh nhất là sóng điện từ (electromagnetic wave) và sóng ánh sáng. Các khoa học gia cũng phát hiện: Trong vũ trụ còn có những tốc độ nhanh hơn thế nữa, nhưng tốc độ nhanh nhất chính là sóng tư tưởng, khởi tâm động niệm trong khoảnh khắc bèn trọn khắp hư không pháp giới.

Do vậy, chẳng những trong mỗi niệm làn sóng điện từ ấy tương ứng với chư Phật Như Lai mà thậm chí còn tương ứng với hết thảy chúng sanh trong tam đồ, với vô tình chúng sanh, "*tình và vô tình, cùng viên mãn Chủng Trí*". Những sóng ấy giống như một cái lưới, kín mít dày đặc hợp thành một Thể. Dẫu là một Thể, nhưng có trật tự, không hỗn loạn tí ti nào. Giống như trong lớp học của chúng ta, chúng tôi dùng cái phòng học này để tỷ dụ vũ trụ, để sánh ví hư không pháp giới. Chúng ta lấy những ánh đèn trong giảng đường để tỷ dụ mười pháp giới, hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới. Dùng sóng ánh sáng để tỷ dụ làn sóng tư tưởng khi quý vị khởi tâm động niệm. Đèn vừa bật lên, ánh sáng lập tức tỏa khắp giảng

đường. Ánh sáng của mấy chục ngọn đèn ở nơi đây dung hợp thành một thể, thoát nhìn không thể tách rời nhau, nhưng không hỗn loạn chút nào. Vì sao? Quý vị tắt ngọn đèn nào đi, ánh sáng của ngọn ấy không còn nữa, trọn chẳng khuấy nhiễu ánh sáng của những ngọn khác.

Sóng tư tưởng vĩnh viễn chẳng gián đoạn, không giống như những ngọn đèn của chúng ta, ngọn đèn tắt đi quả thật không còn nữa. Tư tưởng của hết thảy chúng sanh vĩnh viễn không đoạn, vì sao? Đây là bản năng của tự tánh, chỉ có chuyển biến, chứ không thể đoạn. Thiện biến thành ác, ác biến thành thiện, tịnh biến thành nhiễm, nhiễm biến thành tịnh; trong ấy có biến hóa, chứ không bị đoạn, vĩnh viễn chẳng bị gián đoạn giữa chừng. Tịnh thiện thì quả báo thù thắng, nhiễm ác thì quả báo rất khổ, lục đạo tam đồ! Hai câu này nêu rõ ý nghĩa sau đây: Niệm Phật đã từ tâm mà ra thì kết nghiệp cũng do tâm mà có. Nghiệp ấy bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, bao gồm cả Nhất Chân pháp giới, trọn chẳng tách lìa nhân quả báo ứng.

Tiếp đó, thiền sư bảo chúng ta: "*Tu du bồ niệm Phật chi tâm, sát na tức kết nghiệp chi sở*" (Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na), hai câu này nếu dùng văn Bạch Thoại hiện thời để nói thì là: "Quý vị không niệm Phật bèn tạo nghiệp, Phật hiệu vừa ngưng bèn lập tức tạo nghiệp mà quý vị chẳng hay chẳng biết!" Nếu biết, nếu giác ngộ thì quý vị chính là người thấu hiểu, khai ngộ. Phàm phu khởi tâm động niệm nhưng chẳng hay chẳng biết, chưa hề giác ngộ. Người tu hành thông qua huấn luyện, dầu chúng ta ở nhà đọc kinh một mình thì đọc kinh cũng là thông qua huấn luyện, học tập từ kinh điển. Quý vị học được điều gì? Thực sự học được thì sẽ giác ngộ! Điều giác ngộ đầu tiên: Ta không niệm Phật sẽ tạo nghiệp! Vì sao? Không niệm Phật thì những chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức sẽ hiện hành, chúng ta thường gọi là "khởi vọng tưởng". Quý vị không niệm Phật ắt khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng là kết nghiệp, tạo nghiệp.

Đây là lý do tại sao các vị Bồ Tát, tổ sư, đại đức đau lòng rất miêng khuyên dạy chúng ta "*tịnh niệm tiếp nối*". Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta: "*Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*", vì sao không gián đoạn? Vừa gián đoạn bèn tạo nghiệp, vừa gián đoạn bèn suy nghĩ lung tung. Những gì quý vị tưởng nghĩ đến chắc chắn là luân hồi, cái "tưởng" ấy là tâm luân hồi. Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, luân hồi kiên cố, quyết định không ra khỏi luân hồi, phiền phức là đây! Nếu chúng ta muốn thoát khỏi luân hồi ngay trong một đời này, vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì quý vị chẳng thể không tôn trọng những giáo huấn ấy của cổ đức, chẳng thể không phụng hành! Đây chính là tịnh niệm tiếp nối!

Chỉ có tịnh niệm tiếp nối, trong một đời này quý vị mới góc đầu lên được. Ai nấy đều luân hồi lục đạo, quý vị vượt thoát ra, về Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật. Còn gì thù thắng bằng? Quý vị phải biết điều thù thắng bậc nhất khôn sánh này! Hai câu này hết sức trọng yếu, hãy nên chép thành một tấm giấy nhỏ, dán trước chỗ mình ngồi. Ở đây, thiền sư Trung Phong không những lay tỉnh chúng ta, mà còn lay tỉnh cả pháp giới chúng sanh, do pháp tu này cả âm giới lẫn dương gian đều được lợi. Ai có thể giác ngộ, người ấy thành công. Lại xem đoạn khai thị tiếp theo:

Kim tắc chúng đẳng, y bằng giáo pháp, tác Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, sở tập thắng nhân, chuyên vì vong linh quyết sanh Tịnh Độ.

今則眾等。依憑教法。作三時繫念佛事。所集勝因。專為亡靈決生淨土。

(Nay đại chúng nương nhờ giáo pháp, làm Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, tích tập cái nhân thù thắng, chuyên vì vong linh quyết định sanh về Tịnh Độ).

Đây là câu nói trở lại, trở về pháp sự đạo tràng hiện tiền. Pháp sự này không giống những pháp sự khác, pháp sự này là tứ chúng đồng tu cùng tham gia. Vì thế, thường có hơn cả trăm người, thậm chí có cả mấy trăm người tham gia, quy mô rất lớn, hết sức trang nghiêm, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Nhóm họp đại chúng chân thành, cung kính cầu đảo, phát nguyện, sức mạnh ấy rất lớn. "*Y bằng giáo pháp*" (nương nhờ giáo pháp): Giáo pháp là những gì đức Phật đã nói, là giáo huấn của tổ sư đại đức, thiền sư Trung Phong biên tập lại, rồi còn thêm vào những khai thị rất tinh vi, đẹp đẽ, chúng ta đều đã đọc qua. Nay chúng ta cùng nhau làm Phật Sự Tam Thời Hệ Niệm, "*sở tập thắng nhân*" (cái nhân thù thắng được tụ tập), "*thắng*" (勝) là thù thắng (殊勝), nói thật ra là nhân duyên thù thắng khôn sánh. "*Chuyên vì vong linh quyết sanh Tịnh Độ*": Giọng điệu hết sức khẳng định, không có tí hoài nghi nào. Đây là cầu nguyện, chúng ta làm Phật sự này vì lý do sau đây: Người đã khuất sanh về Tịnh Độ, chúng ta gửi họ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đưa một phàm phu đi thành Phật.

Quý vị nghĩ xem: Trong thế gian này công đức nào có thể sánh bằng! Đại Từ Bồ Tát nói: Trong một đời, nếu quý vị có thể giúp cho hai người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì công đức ấy còn trội hơn công đức do chính mình suốt đời tu hành. Lời Bồ Tát dạy là thật, không giả đâu, toàn là sự thật. Nay qua pháp sự Hệ Niệm, chúng ta đưa một người vãng sanh thành Phật, nhiều người cùng làm thì ta cũng được một phần! Đây chính là nguyện "*tùy hỷ công đức*" trong mười nguyện Phổ Hiền. Tùy hỷ công đức

chẳng thể nghĩ bàn, bình đẳng với công đức của người chủ tu pháp sự, không hai, không khác.

Giống như buổi tối chúng ta đốt đèn, thắp nến, những cây nến to như nhau. Người chủ tu pháp sự thắp sáng nến rồi, chúng ta là người tùy hỷ chưa đốt nến, nhưng nến của người ta đã đốt sáng rồi, đem cây nến của mình châm vào đó, cũng được hưởng ánh sáng, đó là tùy hỷ. Giống hệt như chính mình tự đốt nến, ánh sáng của mình và ánh sáng của người giống như nhau, quyết chẳng khác biệt. Ánh sáng của người ta rất sáng, ánh sáng của mình kém hơn một chút ư? Không có chuyện đó! Bình đẳng! Nêu lên tỷ dụ này, ắt quý vị sẽ hiểu công đức tùy hỷ và công đức của người chủ tu bình đẳng, nhưng công đức của người chủ tu ấy chẳng bị giảm thiểu mảy may nào. Người tùy hỷ càng nhiều, công đức của người chủ tu càng lớn. “Lớn” là gì? Quang minh càng chiếu sáng rực rỡ. Mấy trăm ngọn nến, mấy ngàn ngọn nến cùng thắp lên, giảng đường này sáng choang! Ánh sáng chiếu lẫn nhau, đan dệt vào nhau như lưới ánh sáng!

Quý vị hiểu ý nghĩa này bèn hiểu những làn sóng tư tưởng do tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh phát ra trong khắp pháp giới, hư không giới sẽ đan xen lẫn nhau thành mạng lưới. Những tư tưởng nào thanh tịnh, thuần thiện sẽ tương ứng với chư Phật, Bồ Tát, những tư tưởng nào bất tịnh bất thiện sẽ ứng với tam đồ lục đạo, nhưng đều cùng đan xen với nhau. Chúng ta phải tự hiểu, phải tự cứu lấy mình, nhất định phải tương ứng với Phật, Bồ Tát. Chúng ta muốn giúp người khác cũng phải tương ứng với Phật, Bồ Tát. Phải cố hình thành một mạng lưới quang minh thuần thiện thuần tịnh thì mới có thể giúp đỡ những chúng sanh đang ở trong mạng lưới ánh sáng mà “mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh”, dần dần giúp cho họ giác ngộ, giúp họ quay đầu lại.

Dẫu cho hiện tại đang mê rất sâu, mê rất nặng cũng không sao, chúng ta phải tự mình nghiêm túc nỗ lực thực hiện, tu thuần tịnh, thuần thiện, nhất định phải có thành tích tốt, làm gương tốt cho người khác nhìn vào. Họ tạo tác chuyện bất thiện, phải gánh chịu quả báo bất thiện, hứng chịu mọi nỗi khổ xong, sẽ dần dần giác ngộ. Vì sao người nọ suốt đời khổ như thế, vì sao người kia cả đời sung sướng như thế, đối với những điều ấy họ sẽ dần dần giác ngộ. Trong quá khứ, tôi sống ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), Hoa Kỳ, chúng tôi cũng sống tại một thành phố nhỏ, sống ở đó chừng hơn nửa năm, dần dần quen biết những người sống quanh đó. Trong ngôi nhà tôi ở có mấy người xuất gia trẻ tuổi, những người ấy gặp rồi bèn hỏi han: “Quý vị từ đâu tới? Quý vị làm nghề gì? Vì sao quý vị sung sướng như vậy?” Họ đều thấy rõ: Bất luận gặp chúng tôi ở đâu, mặt mũi chúng tôi đều vui cười, đều hoan hỷ, đều sung sướng, họ hết sức ngưỡng mộ, hỏi chúng ta làm nghề gì?

Do vậy, người học Phật bất luận xuất gia hay tại gia, chỉ cần chiếu theo kinh giáo mà tu hành, sửa đổi những tư tưởng, kiến giải, hành vi sai lầm sẽ được pháp hỷ sung mãn. Bất kể làm việc gì, không ai chẳng tự tại, tâm địa thuần tịnh, thuần thiện, tịnh sanh trí huệ, thiện sanh phước đức, quả báo là đại trí, đại phước, đều là trong một ý niệm của chính mình, chẳng từ bên ngoài, chẳng cầu từ bên ngoài được! Nhà Phật dạy mong cầu thì phải hướng vào bên trong mà cầu. Hướng vào bên trong mà cầu chính là sửa tâm, sửa đổi ý niệm, sửa đổi hành vi, quả báo thù thắng chẳng thể không hiện tiền! Chỉ có bậc đại đức trong Phật môn thì giọng điệu mới kiên định như thế: "*Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ!*"

***Tự kim giới hương phước úc, huệ cự huỳnh hoàng, mê vân khai
nhi tánh thiên độc lãng, vọng trần tận nhi tâm địa khuếch thông.***

自今戒香馥郁。慧炬熒煌。迷雲開而性天獨朗。妄塵盡而心地廓通。

(Từ nay giới hương ngào ngạt, đuốc huệ chói lòa, tan mây mê, bầu trời
tánh đức riêng rạng ngời, sạch hết bụi vọng tưởng, cõi lòng thông suốt).

Đến đây là một đoạn nữa. Từ ngữ "*phước úc*" diễn tả khói hương xông khắp, hình dung mây hương cuộn cuộn, mùi hương bủa khắp. Hương gì vậy? Giới hương! Phật pháp nói "*ngũ phận Pháp Thân hương*"; ở đây gọi là "mùi hương", người hiện tại gọi là Từ Trường, người Hoa gọi là Khí Phận, hoàn toàn không phải là đốt hương thực sự. Khí chất, khí phận tự nhiên có thể cảm động con người, trì giới tu định có trí huệ.

Ngũ phận Pháp Thân: "*Ngũ phận*" (năm phần) là Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến. Nói như cách bây giờ thì "giải thoát" là "tự tại", Giải Thoát Tri Kiến là kiến giải tự tại, tư duy tự tại. Kiến giải và tư duy của người ấy hết sức tự tại. Quý vị nghĩ xem: Trong ấy còn có phiền não, ưu lự hay chẳng? Chẳng những không có mà cội rễ của phiền não ưu lự, cái cội rễ chung của chúng chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cũng không có! Không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước; dùng phương pháp nào để đạt đến cảnh giới ấy? Niệm Phật. "*Tịnh niệm tiếp nối*", dùng phương pháp ấy để làm. Chúng ta phải nhớ kỹ, chúng ta phải học. Hợp ý nghĩa này với ý nghĩa trong phần trước thì có nghĩa là trì giới niệm Phật.

"*Huệ cự huỳnh hoàng*" (đuốc huệ chói lòa), chữ "*huỳnh hoàng*" (熒煌) có nghĩa là tỏa sáng. Đây là nói về trí huệ, ánh sáng trí huệ hiển hiện nơi sáu căn phóng quang động cõi đất, dầu kẻ ngu cũng cảm nhận được, họ cảm nhận được từ nơi thân quý vị. Họ cảm nhận điều gì? Lòng từ bi và nhân từ của quý vị. Tuy họ không nói ra, nhưng họ cảm nhận sự nhân từ, cảm

thấy rất an toàn, rất hoan hỷ, họ cảm nhận được những điều đó. Có một năm, tôi giảng kinh tại Miami, tiểu bang Florida, có không ít người địa phương đến giảng đường ngồi tịnh tọa, mỗi lần ngồi hai tiếng đồng hồ. Họ nghe, không hiểu tôi đang nói gì vì trong đạo tràng không có người phiên dịch, nhưng mỗi buổi họ đều đến. Có những đồng tu hỏi họ:

- Ông nghe không hiểu, vì sao mỗi buổi đều đến?

Họ nói:

- Từ trường nơi đây rất tốt, tôi thích từ trường nơi này.

Họ nói trong hai tiếng đồng hồ ấy, từ trường đặc biệt thư thả, thoải mái nên họ đến hưởng thụ! Lúc không giảng kinh, từ trường nơi giảng đường ấy khác hẳn, khác nhiều lắm. Những người ấy thường tu tịnh tọa, tâm địa thanh tịnh, cảm ứng phải linh mãnh hơn những người thường. Những người bình thường, do tâm ý thô tháo, hơi hợt nên chẳng dễ gì cảm nhận được, chứ họ cảm nhận được.

Trí huệ quang minh! Hai câu tám chữ này giảng về công phu tu hành đặc lực. Công phu đặc lực không có gì khác cả, trường thời huân tu! Phải huân tu bao lâu? Tôi thường bảo các đồng học: "Nếu thực sự làm, ba tháng bèn thấy hiệu quả!" Quý vị tu đã lâu như thế mà vẫn phí uổng thời gian, [là vì] từ trước đến nay chưa từng vận dụng công phu tu ba tháng này! Nếu quả thật có thể trong ba tháng, thực hiện được chuyện "*tịnh niệm tiếp nối*", ngoại trừ những lúc ngủ ngê ra, còn những lúc tỉnh thức trong tâm luôn có Phật hiệu, nhớ Phật, niệm Phật, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, đương nhiên cũng không thể hoài nghi. Quý vị miên miên mật mật như thế nhưng không trở ngại công việc, pháp môn này thù thắng ở chỗ này! Hết sức thích hợp cho con người hiện thời, hiện tại công việc bề bộn, pháp môn này chẳng trở ngại công việc. Nếu công việc của quý vị đòi hỏi phải suy nghĩ thì có trở ngại. Công việc không phải dùng đến trí óc thì không có chút trở ngại nào cả.

Quý vị hãy nghĩ đến pháp sư Tu Vô vãng sanh ở chùa Cực Lạc tại Cáp Nhĩ Tân (Harbin) trong quá khứ. Pháp sư Tu Vô không biết chữ, chưa từng đi học. Trước khi xuất gia làm thợ nề, sau khi xuất gia chuyên làm công việc nặng trong chùa, những chuyện nặng nhọc thầy đều làm, vì đại chúng phục vụ. Tuy ngày ngày làm lụng, nhưng Sư thực sự tu được *tịnh niệm tiếp nối*. Biết trước lúc vãng sanh, ra đi tự tại như thế ấy. Thành thực rồi, công phu thành thực rồi. Sư sống cuộc đời thô nặng như thế, không dùng đến tư tưởng, giữ được *tịnh niệm tiếp nối*. Cần phải dùng đến trí óc thì khi làm việc để Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc cho tốt. Làm việc xong, Phật hiệu lập tức đề khởi.

Vì sao? "*Tu du bồi niệm Phật chi tâm, sát-na tức kết nghiệp chi sở*" (Tâm trái nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc, trong khoảnh sát-na nghiệp

bền kết). Phật hiệu chẳng được gián đoạn. Vừa mới gián đoạn thì vọng tưởng, tạp niệm khởi lên ngay, tạo nghiệp rồi! Do vậy, công việc vừa buông xuống, Phật hiệu phải khởi lên ngay. Một ngày từ sáng đến tối miên miên mật mật công phu như thế thì công phu mới đắc lực. Hiệu quả sẽ hiện tiền trong ba tháng, sáu tháng bền sanh tâm hoan hỷ; chỉ cần giữ được mãi như thế, sẽ quyết định sanh về Tịnh Độ. Điều này hoàn toàn giống với những gì Từ Vân đại sư đã nói: "*Lâm mạng chung thời, dự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, như nhập Thiền Định*" (lúc mạng sắp hết, biết trước lúc mất, thân không bệnh khổ, như nhập Thiền Định). Công phu như vậy không cần người khác trợ niệm, tự mình hoàn toàn làm chủ. Trong đoạn khai thị cuối cùng này, Ngài đặc biệt cảnh tỉnh chúng ta phải trì giới niệm Phật. Người thực sự giác ngộ, thực sự có trí huệ, có phước báo sẽ tu năm phần Pháp Thân hương cho chính mình, phải thực sự tu tập ngay trong lúc này!

"*Mê vân khai nhi tánh thiên độc lãng*" (Tan mây mê, bầu trời tánh đức riêng rạng ngời): Thành tựu rồi, phá mê khai ngộ; câu này nghĩa là phá mê khai ngộ. "*Vọng trần tận nhi tâm địa khuếch thông*" (hết sạch bụi trần, tâm địa thông suốt): Ý nghĩa của hai câu này là phá mê khai ngộ. "*Mê vân*" là vô minh phiền não, "*mê vân khai*" là phá vô minh, chỉ phá một phẩm cũng được. Phá một phẩm vô minh thấy được một phần Chân Tánh, vì thế, "*tánh thiên độc lãng*" (bầu trời tánh đức riêng rạng ngời). Lúc ấy, quý vị và hết thầy chư Phật Như Lai là Đồng Sanh Tánh, quý vị thực sự thành Phật. Trong Lục Tức Phật như Thiên Thai đại sư đã giảng, quý vị thuộc địa vị Phần Chứng Tức Phật. Quý vị sanh về đâu? Quý vị có ước nguyện vãng sanh Tịnh Độ bền sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tịnh Độ, không phải Đồng Cư Độ, không phải Phương Tiện Độ, mà sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Nếu quý vị không niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc bền sanh vào thế giới Hoa Tạng, vì sao? Phá một phẩm vô minh chính là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, quý vị đã là Pháp Thân Bồ Tát, đã vượt khỏi mười pháp giới.

"*Vọng trần tận*": Vọng trần là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô minh phiền não, đoạn sạch hết cả thì "*tâm địa khuếch thông*" (tâm địa mở rộng, thông suốt), "*khuếch*" (廓) có nghĩa là mở lớn, thông suốt. Trong Phật môn gọi là đại triệt đại ngộ. Câu trước là minh tâm kiến tánh, câu sau là đại triệt đại ngộ. Dù kiến tánh, triệt ngộ, nhưng vẫn là tánh đức của quý vị sẵn có, vẫn là đức năng vốn sẵn đủ trong trí huệ, chẳng do bên ngoài mà có. Nói cách khác, khôi phục trí huệ và đức năng nơi tự tánh mà thôi! Phải biết chân tướng sự thật này. Trong những bộ kinh lớn, đức Phật gọi là quy vô sở đắc: "*Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*" (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được). Toàn là những thứ vốn sẵn có trong tự tánh,

trước kia bị mây mê hoặc che phủ, bị vọng trần chướng ngại, nay xé toạc mây mê, vọng trần hết sạch (vọng trần là phiền não, tập khí), thấy đều đoạn hết, phá mê khai ngộ.

Cảnh giới ấy là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Nói thật ra, chúng ta suốt đời này nỗ lực tu, chưa chắc đã đạt được; nhưng chúng ta chẳng cần bận tâm trong đời này mình có thể đạt đến mức độ ấy hay không, tu là phải thực sự thực hiện, dầu không đạt cũng phải thực sự thực hiện. Cách thực hiện như thế nào? Trì giới niệm Phật! Đạt chưa được tiêu chuẩn trên đây (tức "*minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ*") thì Phàm Thánh Đồng Cư Độ là chuyện khẳng định, không hoài nghi chút nào. Thật Báo Trang Nghiêm Độ là bậc thượng: Thượng Thượng Phẩm vãng sanh. Chúng ta phải nỗ lực, phải biến việc này thành đại sự bậc nhất mà suốt cuộc đời này ta phải lo liệu, những chuyện khác đều là chuyện nhỏ nhặt! Nay chúng ta tự mình giác ngộ, hiểu rõ rồi, chúng ta khuyên bảo người khác, trước hết là chính mình. Khuyên người khác, người ta làm được, tự mình không làm được, mất mặt lắm! Tự mình phải hết sức nghiêm cẩn nỗ lực hành trì, trọn chẳng thể rút lại sau người khác!

Trì giới niệm Phật khởi đầu từ đâu? Tôi thường nhắc nhở các đồng học, vì sao cứ phải thường nhắc nhở? Vì quý vị chưa làm được, chưa giác ngộ. Dù có làm được, giác ngộ rồi thì cũng phải thường xuyên nhắc nhở, vì sao? Quý vị có thể bị thoái chuyển. Quý vị gặp phải nghịch duyên, đụng phải nghịch cảnh bèn thoái chuyển, trí huệ không mở mang được, định lực không thành tựu. Hằng ngày phải nhắc nhở! Do vậy, mọi người cùng ở một chỗ tu hành cũng có cái lợi, đó gọi là "*nương theo chúng, dựa vào chúng*", hằng ngày nhắc nhở lẫn nhau. Quý vị tách rời đoàn thể ấy, một tuần sau quý vị sẽ khôi phục [những phiền não, tập khí] giống hệt như trước [khi quý vị tu tập], bảo đảm là lui sụt, có người bị lui sụt với một mức độ khá lớn. Vì sao những kẻ sơ học chúng ta chẳng dám lìa thầy, đạo lý là này! Chỗ đặt chân chưa ổn!

Khi xưa, tôi cầu học với thầy Lý mười năm. Không có thời gian cầu học lâu dài ấy, bản thân tôi phiền não tập khí rất nặng, sức dục hoặc bên ngoài mạnh mẽ, lớn lao, chẳng dễ gì chống cự nổi. Chỉ có một phương pháp là thân cận thầy, chẳng rời khỏi thầy, ngày ngày được thầy răn dạy. Nay chúng ta được thừa hưởng khoa học kỹ thuật cao, rất nhiều đồng học xa xôi dù không thể tụ tập cùng một chỗ, nhưng mỗi ngày qua làn sóng truyền thông, mọi người có thể gặp gỡ nhau qua máy truyền hình, qua mạng Internet, mỗi ngày chúng ta đều có bốn tiếng đồng hồ cùng nhau học tập. Bốn tiếng đồng hồ không nhiều nhận gì, nhưng nếu thực sự tận dụng, hằng ngày chẳng khuyết, chúng tôi tin là có lợi rất lớn cho người tu hành. Điều này cũng cho thấy vì sao học sinh không thể vắng mặt một buổi học nào,

đạo lý là ở chỗ này. Vắng một buổi học sẽ bị đào thải, không theo kịp; cũng phải có trí huệ và phước đức thì mới nhận thức rõ ràng cơ hội. Cơ hội đúng là *"thiên tài nan phùng"* (ngàn năm khó gặp).

Nói thật ra, *"thiên tài"* thời gian đâu có lâu, một ngàn năm thôi! Nhà Phật thường nói là *"bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ"* (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Ông Bành Tế Thanh nói là *"Một ngày khó được gặp từ vô lượng kiếp đến nay"*, mấy ai hiểu được câu nói này? Nếu thực sự hiểu được, há có buông bỏ cơ hội này hay chẳng? Chắc chắn không chịu buông bỏ. Có được một cơ hội tốt như thế để un đúc, mọi người ở cùng một chỗ tu hành, khuyến khích lẫn nhau, nhắc nhở, cảnh tỉnh lẫn nhau, chiếu cố lẫn nhau, đúng là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng trong thời Mạt Pháp thành tựu được pháp môn Bất Nhị trong một đời!

Những gì Ấn Quang đại sư dạy, chúng ta phải nghiêm túc học tập, lời giáo huấn của Ngài quả thật nhắm vào thời đại Mạt Pháp, có thể giữ cho chúng ta không bị ô nhiễm, không bị ảnh hưởng, thành tựu tịnh nghiệp ổn thỏa thích đáng, vắng sanh Tịnh Độ. Quý vị không tuân thủ giáo huấn của Ngài, cho là vẫn có đường lối khác, thì là lầm mất rồi. Vẫn phải từ tổng nguyên tắc và tổng cương lĩnh do Ngài đã dạy mà thực hiện. Lão nhân gia dạy cho chúng ta tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, tổng phương hướng, tổng mục tiêu: *"Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ"* (Giữ vẹn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ). Đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc. *"Đôn luân, tận phận"* là trì giới, *"nhàn tà, tồn thành"* là Định, Huệ. Lấy Giới - Định - Huệ làm cơ sở, tín nguyện trì danh, đây chính là tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ vậy. A! Nay đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị tiếp theo của ngài Trung Phong:

Chư căn viên tịnh, quần nghiệp đốn không. Nhất cử niệm, nhất hoa khai, ấp lộ nghênh phong, hương phù ngọc chiếu. Nhất trì tình, nhất quả thực, hàm yên đối nhật, ảnh lạc kim viên.

諸根圓淨。群業頓空。一舉念。一華開。挹露迎風。香浮玉沼。一馳情。一果熟。含煙對日。影落金園。

(Các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rỗng rang. Một niệm khởi lên, một đóa hoa bèn nở, nhấp sương, đón gió, hương vẫy ao

ngọc. Một lòng trì danh, một quả chín muồi, ngậm khói đôi trời, bóng rọi vườn vàng).

Chúng ta xem đến đoạn này. Đoạn này luận trên mặt Sự, nói về tình hình cuộc sống hằng ngày của các thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta thường nói thế giới ấy tên là Cực Lạc, vì sao gọi là Cực Lạc? Kinh Phật đã giảng cặn kẽ cho chúng ta: Chúng sanh trong thế giới ấy "*vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*" (không có các sự khổ, chỉ hưởng những sự vui, nên gọi là Cực Lạc). Chúng ta nghe xong không dễ gì hiểu nổi. Hy hữu thay! Ở đây thiền sư Trung Phong vì chúng ta miêu tả cặn kẽ. Trước hết, Ngài bảo chúng ta: "*Chư căn viên tịnh, quần nghiệp đốn không*" (Các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rỗng rang). Hai câu này rất quan trọng, nghiệp là nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu rồi, sáu căn không những thanh tịnh mà còn thanh tịnh viên mãn. Chữ "*chư căn*" chỉ sáu căn, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần.

Như trong những phần trên đã nói: Hoặc Chướng, Nghiệp Chướng, Báo Chướng; Nghiệp Chướng nhanh chóng rỗng không, đương nhiên Hoặc Chướng và Báo Chướng đều rỗng không. Nói cách khác, không những nghiệp báo trong lục đạo tam đồ trống không, mà nghiệp báo trong bốn thánh pháp giới cũng trống không. Nghiệp trong lục đạo mười pháp giới đều không có, đều tiêu. Tiêu bằng cách nào chúng ta phải biết! Trì giới niệm Phật, "*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Dùng phương pháp ấy để tiêu, dùng phương pháp ấy để thành tựu năm phần Pháp Thân, thành tựu phá mê khai ngộ. "*Chư căn viên tịnh, quần nghiệp đốn không*" (các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rỗng rang), câu này đã hiển thị một cách viên mãn quả báo do sự tu học của quý vị.

Tiếp đó, chúng ta hãy xem đến tình trạng tu học và sinh hoạt trong thế giới Cực Lạc: "*Nhất cử niệm, nhất hoa khai*" (Một niệm khởi lên, một đóa hoa bèn nở). Hoa và quả tượng trưng cho hoàn cảnh y báo tốt đẹp nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, người thế gian chúng ta luôn hướng về chân thiện mỹ huệ. Nói thật ra, trong thế gian này, bốn chữ ấy chỉ hữu danh vô thực, Tây Phương Cực Lạc thế giới là "chân thiện mỹ huệ" danh phù hợp với thực. "*Nhất cử niệm, nhất hoa khai*" là sao? Hoa sen trong ao bầy bấu là do người trong mười phương thế giới phát nguyện vãng sanh, từ tín nguyện phát sanh, biến hiện ra. Quý vị thấy chúng không phải là duy thức sở biến, "*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*" đó sao? Quý vị có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì hoa nở rất tươi đẹp! Nay trong mỗi tiếng Phật hiệu của chúng ta đều có đủ "lòng tin chân thành, nguyện thiết tha" thì chúng ta biết

trong ao bảy báu nơi Tây Phương thế giới có một đóa sen, hoa ấy do Thức của chính mình biến ra. Vì thế, *"nhất cử niệm, nhất hoa khai"*.

"Ấp lộ nghênh phong" (nhấp sương, đón gió): Nghĩa là hoa nở chứa đầy sương đọng, lay động theo cơn gió nhẹ. Quý vị nghĩ đến ý cảnh ấy, hồn thơ lai láng. Hoa ấy chính là chỗ sanh về, là trụ xứ, là chỗ để tu hành trong tương lai của người niệm Phật. Hoa nở thấy Phật thì không phải là cõi Đồng Cư nữa, cũng không phải là cõi Phương Tiện, mà là Thật Báo Trang Nghiêm Độ! Nói đến Đồng Cư Độ hay Phương Tiện Độ đều là ở trong hoa sen. Trong hoa có thể giới, chẳng thể nghĩ bàn! Nay tôi thuật cùng các đồng học, tin rằng mọi người hiểu được rất dễ dàng, vì sao? Hoa sen to dường ấy, trong hoa sen có đại thể giới, còn có vấn đề gì hay chẳng? Kinh Hoa Nghiêm nói trong vi trần có thể giới, vi trần quá nhỏ, chúng ta mắt thịt không thể nhìn thấy. Thể giới trong vi trần to bằng thể giới bên ngoài, thể giới bên ngoài không rút nhỏ, thể giới trong vi trần tròn chẳng phóng đại, hoàn toàn giống nhau. Đạo lý gì vậy? Đức năng của Pháp Tánh vốn dĩ là như vậy. Trong Pháp Tánh không có lớn hay nhỏ. Nói gọn một câu: Vĩnh viễn không có đối lập. Pháp Tánh là như vậy đó!

Nay chúng ta mê, mê rồi thì sao? Chỗ nào cũng là đối lập. Hễ đối lập bèn trở thành chướng ngại, quý vị nhìn không ra. Vì thế chúng ta muốn hồi phục tự tánh – tự tánh là pháp giới không chướng ngại – thì trước hết phải bắt đầu từ trong tâm: Phải đoạn trừ mọi quan niệm đối lập mà ta đang có đối với tất cả hết thầy người, sự, vật. Không đoạn những ý niệm ấy, sẽ vĩnh viễn sanh ra chướng ngại, chướng ngại hết sức nghiêm trọng. Thể giới trong hoa sen và thể giới tròn khắp pháp giới, hư không giới to như nhau; bản thân quý vị thực sự sanh trong hoa sen, nhưng không biết mình đang ở trong hoa sen! Kinh Hoa Nghiêm gọi cảnh giới ấy là *"bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới"* (cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn)!

Ngày nào đó hoa nở, đến lúc nào hoa sẽ nở? Khi quý vị phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, hoa bèn nở. Hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh, thành Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Vô Sanh Pháp Nhẫn thực sự là A Duy Việt Trí – A Duy Việt Trí do chính quý vị tự tu thành, chứ không phải do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì! Được bốn nguyện và oai thần gia trì thì quý vị rất giống với A Duy Việt Trí, nhưng hoa sen chưa nở. Dù hoa chưa nở, quý vị vẫn có thể đến hết thầy các cõi Phật trong mười phương thế giới để cúng Phật, nghe pháp, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, quyết định chẳng bị chướng ngại. Thật ra, vẫn có chướng ngại, chướng ngại ở chỗ nào? Không vào được thể giới trong vi trần!

Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy đến lúc nào mới có thể khế nhập thể giới trong vi trần? (Đây là nói đối với pháp giới trùng trùng vô tận biến huyền từ tự tánh, một mảy chướng ngại quý vị cũng không có). Phổ Hiền

Bồ Tát nhập được! Vị Phổ Hiền ấy là “đương vị Phổ Hiền”^{18[18]}, tức là bậc Đẳng Giác. Đạt đến địa vị Đẳng Giác Phổ Hiền Bồ Tát, đúng là hết thảy chướng ngại không còn nữa! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Đây chính là phương hướng và mục tiêu nỗ lực của chúng ta, những gì khác đều là giả, chẳng thật. Đừng nói chi nhân gian, cõi trời cũng chẳng thật. Đừng nói gì lục đạo, ngay cả bốn pháp giới cũng không thật. Phật gọi những nơi ấy là “*hóa thành*” (cái thành được biến hóa ra)^{19[19]}, là trạm nghỉ dọc đường cho người tu hành. Mục tiêu của chúng ta phải là Nhất Chân pháp giới, phải đặt mục tiêu nơi Tây Phương Tịnh Độ. Do vậy, “*nhất cử niệm, nhất hoa khai*” (một niệm vừa khởi, một đóa hoa bèn nở). Cảnh giới ấy hết sức rộng lớn.

“*Ấp lộ nghênh phong*” (nắm sương, đón gió), Ấp (搯) có nghĩa là chuốc chén. Văn nhân, thi nhân bên hoa dưới trăng mấy kẻ chí đồng đạo hợp thường trăng, tiểu chước (小酌: nhâm nhi). Người thế gian chúng ta “*tiểu chước*” thường không phải bằng rượu mà là trà. Quý vị thấy người ta không nhấp trà mà nắm sương móc, nhấp cam lộ hóng gió. “*Hương phù ngọc chiếu*” (Ao ngọc tỏa hương): Ao ngọc chỉ ao sen bảy báu. Dùng ngọc [để tả cái ao] vì ngọc là chất báu, ao báu nước tám công đức mà! Đây chính là cuộc sống thường nhật của cư dân Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nghĩ xem tốt đẹp đến như vậy, bọn họ thanh nhàn như thế đấy, rất tự tại, phước báo lớn lắm! Không cần làm lung, không cần phải ngày ngày kiếm sống, ăn mặc hết thảy đều thọ dụng tự nhiên. Nghĩ đến thứ gì, thứ ấy đều hiện hữu; như trong kinh điển đã nói: Nghĩ đến ăn, [người ấy tự nhủ] dường như đã lâu ta chưa ăn gì, vừa động niệm thì đây bèn những món ăn ngon lành bày ra trước mặt, tự nhiên hiện ra. Biến hóa cả đấy! Chẳng cần phải tốn sức nấu nướng. Chén bát đều bằng bảy báu, bày ra trước mặt. Vừa nghĩ ta nay đã là người của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là lục đạo phàm phu, còn ăn uống gì nữa! Ý niệm ấy vừa động, tất cả hết thảy cỗ bàn không

18[18] Phổ Hiền (đây là danh xưng của những vị Bồ Tát tu theo hạnh Phổ Hiền) có ba địa vị: Vị tiền (chưa chứng Đẳng Giác), đương vị (đã chứng Đẳng Giác) và vị hậu (tức đã chứng Diệu Giác). Vị Phổ Hiền Bồ Tát dạy thánh chúng trong hội Hoa Nghiêm chính là cô Phật tái lai, thị hiện thân Đẳng Giác Bồ Tát để phụ trợ Tỳ Lô Giá Na giáo hóa bốn mươi một phẩm Pháp Thân Bồ Tát.

19[19] Đây là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa. Trong phẩm 7, tức phẩm Hóa Thành Dụ, đức Phật có nêu một thí dụ: Ví như một vị đạo sư (người dẫn đường) biết nơi kia có một chỗ có nhiều món báu (bảo sở) hướng dẫn mọi người đi đến chỗ đó. Đại chúng đi đường xa mỗi mệt, ngã lòng, muốn quay về. Vị đạo sư có phương tiện thiện xảo, bèn dùng thần thông hóa ra một cái thành lớn, đông đảo, sản vật phong phú, cho đại chúng vào đó ăn uống, nghỉ ngơi. Khi họ đã hết mệt, vị đạo sư bèn bảo họ: Đây chỉ là hóa thành, bảo sở đã rất gần, hãy dừng mãnh tiến lên. Cũng như vậy, đức Phật phương tiện nói ra ba thừa giống như hóa thành để đại chúng có thể tu tập dần dần. Khi họ đã chứng được ba thừa, Ngài bèn tuyên nói Nhất Phật Thừa, để họ có thể dừng mãnh tiến hướng Phật quả. Đó gọi là “*khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất*”.

còn nữa, không cần phải thu dọn, cũng không phải rửa chén đĩa, không có điều gì chẳng thuận lòng mong muốn, biến hóa thọ dụng. Quý vị nói có phải là rất tự tại hay chẳng?

Nhà cửa của họ sạch sẽ chẳng nhiễm mảy trần, chẳng cần đến nhà kho. Ý niệm vừa nghĩ đến y phục, y phục đã mặc trên thân, chẳng cần phải may cắt, chẳng cần phải khâu thập. Bất luận du hành đến nơi nào trong mười phương, cúng Phật, nghe pháp, chẳng cần phải mang theo thứ gì cả. Nay chúng ta du hành vẫn phải mang theo hành lý, rất cồng kềnh, rất mệt người, người ta không cần. Đến chỗ nào, nghĩ muốn cúng Phật, những vật cúng đều thuận theo ý niệm mà hiện tiền. Nếu không hiểu rõ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn này, chúng ta không có cách gì tưởng tượng được nổi. Vì thế, nếu nói chuyện này với hàng sơ học hoặc những kẻ không học Phật, họ bèn nói: "Bọn người đang nằm mộng, thế gian lẽ nào có chuyện ấy, các người đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật lường gạt rồi!" Họ bảo chúng ta ngu si, chê chúng ta mê tín, còn họ thông minh. Chúng ta tin tưởng những chuyện ấy là thật, chẳng giả một chút nào. Luận trên mặt lý luận rất thông suốt, quả thật hết thảy mọi pháp đều do tâm hiện thức biến.

Các nhà khoa học hiện thời đã chứng minh: Hết thảy vạn vật đều có linh tánh như kinh Phật đã dạy "*nhân tâm mà thành Thế*", tâm là Pháp Tánh. Đức năng của Pháp Tánh, bản năng của Pháp Tánh là thấy - nghe - hay - biết; nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Động vật như thế, thực vật cũng vậy, khoáng vật cũng chẳng ngoại lệ. "*Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu*" (Ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá cũng gạt đầu). Câu này cho thấy đá có linh tánh, "*nhân tâm mà thành Thế*", những điều nói trong kinh Phật đã được chứng minh.

Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Nay chúng ta đánh mất năng lực này, đánh mất đã quá lâu. Vì vậy, nghe nói những chuyện ấy cảm thấy rất quái lạ, chẳng thể nghĩ bàn! Qua một thời gian được huấn tu bằng kinh giáo, chúng ta sẽ dần dần lãnh ngộ, biết những chuyện này không giả, có thể thí nghiệm trong cuộc sống thường nhật của chính mình. Dùng những đạo lý và phương pháp đã được giảng và nói trong kinh luận để làm thí nghiệm. Thí nghiệm hiển nhiên nhất là đau bệnh có thể không cần dùng đến thuốc men mà tự nhiên tật bệnh tiêu trừ, khiến cho những khí quan, tế bào trên thân thể khôi phục hoạt động bình thường, đấy mới là mạnh khỏe nhất! Dùng phương pháp nào? Ý niệm! Hết thảy pháp từ tâm tưởng mà sanh, đây chính là tổng nguyên lý, nguyên tắc, chớ quên! Hết thảy pháp từ tâm tưởng mà sanh! Vậy thì hằng ngày chúng ta có nên nghĩ đến những khí quan, nghĩ đến những tế bào hay không? Không cần! Nghĩ như vậy phiền quá, nhọc nhằn, thừa thãi quá! Nghĩ đến gì? Nghĩ đến thuần thiện, thuần

tịnh, nói cụ thể hơn là "*ngĩ đến A Di Đà Phật*". A Di Đà Phật là thuần thiện thuần tịnh, đừng nghĩ đến gì khác. Có như vậy thì mới có thể thành tựu!

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn dạy chúng ta: "*Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*" (Thường nghĩ tới thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp). Chúng tôi thêm vào "*thanh tịnh*". "*Tâm địa thanh tịnh, hành vi thuần thiện, thường niệm tịnh thiện, tư duy tịnh thiện, quán sát tịnh thiện, bất dung hào phân bất tịnh, bất thiện hiệp tạp*" (Tâm địa thanh tịnh, hành vi thuần thiện, thường nghĩ tới tịnh thiện, tư duy tịnh thiện, quán sát tịnh thiện, chẳng để mảy may bất tịnh bất thiện xen tạp), như vậy là đúng. Từ nơi thân thể và dung mạo, quý vị sẽ được vẻ mặt tươi sáng, mạnh khỏe, sống lâu! Chẳng cầu trường thọ mà tự nhiên được! Cuộc sống đơn giản, ăn uống đều ít, đây mới là thực sự giữ gìn thanh tịnh, thiện lương, bảo vệ sức khỏe.

Câu tiếp theo: "*Nhất trì tình, nhất quả thực*" (Vừa dốc lòng trì danh, quả đã chín). Nên hiểu "*trì tình*" như thế nào? Chấp trì danh hiệu, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, đó là "*trì tình*". Chúng ta không có tâm nguyện nào khác, chỉ là hy vọng vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Nếu tâm nguyện ấy chín muồi, quả sẽ là vãng sanh bất thoái thành Phật, một đời thành tựu! Trong Phật pháp, pháp môn này được gọi là "pháp môn thành tựu ngay trong một đời", chẳng cần đợi đến đời sau, chẳng cần phải mất nhiều đời nhiều kiếp, là Phật pháp thành tựu ngay trong đời này.

"*Hàm yên đối nhật, ảnh lạc kim viên*" (Ngậm khói đối trời, ảnh rọi vườn vàng): Vườn vàng chính là thế giới Cực Lạc, vì sao gọi là vườn vàng? Do vàng ròng làm đất. Hoàn cảnh cư trụ nơi thế giới Cực Lạc là hoa viên, như kinh Hoa Nghiêm đã nói: "*Tạp hoa trang nghiêm*" (nhiều loại hoa trang nghiêm). "*Tạp hoa*" nghĩa là chủng loại nào cũng có, đẹp để khôn ngần. Trong hoa viên ấy, chỗ nào cũng là ao báu đựng nước tám công đức. Đây chính là hoàn cảnh sống và hoàn cảnh tu hành của người ta, là hoàn cảnh thân cận Phật, Bồ Tát.

Qua kinh điển, đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta biết: Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức tự tại, ai thích nghe kinh bèn nghe kinh, ai thích niệm Phật bèn niệm Phật, thích tham Thiền bèn tham Thiền, thích học Giáo bèn học Giáo, khoa mục gì cũng có, mặc sức quý vị chọn lựa. Quý vị thích pháp nào, ngồi nơi đó nghe, ngồi nghe cũng được, đứng nghe cũng xong, kinh hành, vừa đi vừa nghe cũng không sao. Nay trong thế gian này, gần như chúng ta cũng có thể làm được như thế: Ngồi, đứng, đi mà nghe. Dùng một cái máy thu âm hoặc cassette nhỏ, chúng ta vẫn phải nhờ vào máy móc. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần! Những gì quý vị nghe được, ví dụ như ta muốn nghe kinh Hoa Nghiêm, bèn nghe thấy đức Phật

đang giảng kinh Hoa Nghiêm. Ngồi cách vách, hoặc chúng ta nắm tay nhau đi kinh hành, tôi thích nghe kinh Hoa Nghiêm, tôi bèn nghe thấy kinh Hoa Nghiêm; quý vị thích nghe kinh Pháp Hoa bèn nghe thấy kinh Pháp Hoa, không ai phiền nhiễu ai, chẳng cần phải nhờ đến máy móc nào, tự nhiên!

Vì thế, nếu đem khoa học kỹ thuật hiện tại so với Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thấy cách biệt rất lớn. Trong thế gian này, đâu đâu cũng phải do sức người; ở Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự nhiên, Pháp Tánh biến hiện, duy tâm sở hiện mà! Trong thế gian này của chúng ta, dù khoa học kỹ thuật phát triển đến đâu đi nữa, vẫn không phải là tự nhiên, mà là từ đâu? Từ trong ý thức biến hiện, chẳng phải là Pháp Tánh. Ý thức biến hiện dầu xảo diệu, vẫn thua Pháp Tánh, thua quá xa. Do vậy, khôi phục tánh đức là chính là mục tiêu duy nhất của người tu hành.

Kinh hành, tọa, ngọa tại kỳ trung, du hý, tiêu dao phi phân ngoại. Đắc Phật thọ dụng, triệt pháp nguyên để.

經行坐臥在其中。遊戲逍遙非分外。得佛受用。徹法源底。

(Kinh hành, ngồi, nằm đều ở trong ấy, du hý, tiêu dao, chẳng vượt ra ngoài. Thọ dụng như Phật, thấu triệt cội nguồn pháp).

Đây chính là sự tu học của họ, tu hành đều được thực hiện trong cuộc sống, trong vui chơi, tự hồ chẳng thấy họ có vẻ gì tu hành, không giống như chúng ta chấp vào tướng. Thật đấy, đây chính là điều các vị đại đức đã nói: "*Phật pháp trọng thực chất, chứ không trọng hình thức!*" Dường như Tây Phương Cực Lạc thế giới không quan tâm đến hình thức, dùng công phu bên trong! Thấy sắc, nghe tiếng đều là tu hành! Thấy sắc không chấp vào sắc tướng; nghe tiếng không chấp vào thanh tướng, tu hành nơi đâu? "*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*" (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng), thành tựu trí huệ Bát Nhã chân thật. "*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*" (hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Dầu là "*du hý tiêu dao*", nhưng buông xuống vạn duyên, chẳng nhiễm mảy trần! Bởi thế, bọn họ thực sự tu hành, thực sự dụng công! Đây là người công phu Đại Thừa đặc lực, phải nên học theo. Như trong kinh Hoa Nghiêm, nhìn vào năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, năm mươi ba vị thiện tri thức ấy đều là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát là nhìn từ hình thức, chứ hầu như trên thực tế họ đều là chư Phật Như Lai thị hiện dạy dỗ chúng ta: Bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào cũng đều đại tự tại!

Trong thế gian này, chúng ta thường nói kẻ làm nghề đồ tể, như trong hiện tại mở tiệm ăn hải sản tươi sống, sát nghiệp rất nặng, kết oán cừu với

chúng sanh, oán cừu chẳng thể hóa giải được! Oan oan tương báo chẳng xong. Nếu chúng ta hỏi: Phật, Bồ Tát có mở quán bán hải sản tươi sống hay chẳng? Có chứ! Ngày ngày giết heo, mổ dê, Phật, Bồ Tát có tạo tội nghiệp hay chẳng? Không! Những con súc sanh bị giết xong, các Ngài đều dạy chúng sanh lên trời, dạy chúng nó vãng sanh làm Phật, khác hẳn! Các Ngài dùng cách thức này để độ chúng sanh. Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy ai làm những chuyện như vậy? Cam Lộ Hỏa Vương! Sát sanh không chớp mắt, nhưng giết một kẻ là độ một kẻ! Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, phàm phu chúng ta chẳng thể học theo. Vì sao? Chúng ta không có công phu ấy, không có năng lực ấy. Súc sanh biến vào súc sanh đạo đều do ác nghiệp chiêu cảm, các Ngài giết chúng để tiêu nghiệp chướng cho chúng, đúng là dạy chúng vãng sanh thành Phật. Các Ngài thực sự có bản lãnh ấy, phàm phu chúng ta làm không được.

Thời cổ cũng có những vị xuất gia như pháp sư Bảo Hương ở Tứ Xuyên. Ngài sống vào thời Nam Bắc Triều, cùng một thời với ngài Bảo Chí Công. Qua truyện ký, chúng ta thấy Ngài cùng những kẻ tại gia cá to, thịt lớn gì cũng ăn tuốt, chẳng kiêng kỵ tí nào! Ăn xong, Sư đứng bên ao phóng sanh, há to miệng mưa ra cá sống, thú sống! Người ta có bản lãnh như vậy, không phải là phàm nhân. Đây đều là vì người khác diễn nói, khuyên con người phải có đức hiếu sanh. Ăn nó thì phải cứu nó, chẳng cứu được thì chớ có hại nó. Phật pháp xác thực, quyết định chẳng được trái nghịch "*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*", không gì chẳng nhằm thành tựu chúng sanh, quyết định chẳng tổn hại chúng sanh, quyết định chẳng có chuyện ấy.

Người học Phật chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, càng phải nên hiểu cách chuyển hóa thành phước, chuyển tai nạn thành cát tường. Chuyển bằng cách nào? Chuyển nơi ý niệm! Chuyển thành thiện niệm! Vĩnh viễn không có ác niệm. Gặp phải kẻ ác hoặc là người ác ý hủy báng mình, hoặc là hãm hại mình, nhục mạ mình, gặp phải những trường hợp như thế phải dùng trí huệ quán sát, đây là gì? Đây chính là nghiệp báo của mình. Trong đời quá khứ mình coi thường người ta, tổn hại người ta, nay duyên xảy đến, họ trở lại báo thù mình, oan oan tương báo! Ta gặp phải [những chuyện ấy] thì phải tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, tâm không có chút nóng giận nào, tâm không có chút oán hận nào, tâm không có chút báo thù nào thì oán kết ấy sẽ hóa giải, tính sổ xong, đời sau gặp lại nhau sẽ thành hảo bằng hữu!

Tâm chẳng được có mảy may oán hận. Nếu tâm có mảy may oán hận, có chút tâm báo thù, đời sau phải gặp lại, vĩnh viễn không thanh toán xong, đời bên đều đau khổ! Có gì cứ phải như thế? Do vậy, chuyển oán thành thân, hóa địch thành bạn, đều là trong một ý niệm của chính mình. Ta lẫn người đều được phước, ta lẫn người đều mở mang trí huệ, tốt hơn nhiều lắm! Quý vị nghĩ xem: Nếu thánh hiền không chỉ dạy chúng ta, làm sao

chúng ta hiểu được đạo lý này? Há có được trí huệ này? Làm sao có thể giải quyết vấn đề? Cách này thực sự giải quyết vấn đề. Do vậy, đối với người học Phật, quan trọng nhất là hóa giải những mâu thuẫn trong nội tâm, nhất định hóa giải những đối lập đối với hết thảy người, sự vật, vĩnh viễn không có oán đối, tâm chúng ta sẽ rất hòa bình, rất tự tại như thế đó! Không phiền não, không âu lo, không vướng mắc, không có oan gia đối đầu!

Chúng ta không thể khống chế cảnh giới bên ngoài, nhưng nội tâm của mình thì khống chế được. Khống chế nội tâm cho tốt thì bên ngoài hoàn toàn bị hóa giải. Giải quyết vấn đề cũng từ nội tâm, chứ không ở bên ngoài. Bên ngoài là "*cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại ư tâm*" (cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu bởi nơi tâm). Chúng ta phải chuyển xấu thành tốt, chuyển ác thành thiện, đều từ trong nội tâm của chính mình, dốc công phu nơi khởi tâm động niệm. Sau đây mới có thể chân chánh thực hiện được, hiện tại là có thể đạt đến "*kinh hành, ngồi, nằm*" tu tập trong "*du hý, tiêu dao*". Hiện tại đã có thể đạt được, hưởng chi là quả báo tương lai? Đương nhiên quả báo ấy chân thật.

"*Đắc Phật thọ dụng, triệt pháp nguyên để*" (Được thọ dụng như Phật, thấu triệt nguồn đáy pháp): Nhập cảnh giới Phật, nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ được thọ dụng cảnh giới của chư Phật Như Lai, cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Nói cách khác, sống cuộc đời của chư Phật Như Lai, không sống đời phàm phu. Cuộc sống tốt đẹp! Quan trọng hơn nữa, chúng ta làm thế nào để cầu đắc vô thượng Bồ Đề? Mục tiêu cuối cùng của chúng ta là phải chứng đắc Phật quả viên mãn rất ráo, "*triệt pháp nguyên để*" (thấu triệt nguồn đáy pháp) há chẳng phải là chứng đắc hay sao? "*Pháp*" là hết thảy các pháp; cội nguồn của hết thảy các pháp, rất ráo của hết thảy các pháp. "*Triệt*" (徹) là chứng đắc, "*triệt chứng*" chính là rất ráo viên mãn Bồ Đề. Địa vị này thấp nhất là Đẳng Giác Bồ Tát, chứ không phải là người tầm thường, phải là Đẳng Giác Phổ Hiền.

Thường Tịch Quang xứ xứ hiện tiền.

常寂光處處現前。

(Thường Tịch Quang hiện hữu nơi nơi).

Đây chính là tánh đức nơi tự tánh hiển lộ viên mãn. Trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Thường Tịch Quang bao gồm cả Tự Tánh Quả Đức! Tự tánh hiện tiền viên mãn, hiện tiền nơi đâu? "*Xứ xứ hiện tiền*" (hiện tiền nơi nơi). Trọn pháp giới, hư không giới, khắp vi trần cõi nước, chúng ta thường gọi là "*nhập cảnh giới Hoa Nghiêm*".

Đại nguyện vương trần trần khế hội.

大願王塵塵契會。

(Đại nguyện vương từng mây trần khế hội).

"Đại nguyện vương" là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, điều này hết sức quan trọng. Chúng ta phải nhớ kỹ: Bốn mươi tám nguyện, đây là chuyện hàng đầu, phải nhớ kỹ bốn mươi tám nguyện. Nhớ rồi phải lý giải; lý luận, sự tướng, cảnh giới của mỗi nguyện đều phải hiểu rõ, phân minh, rành mạch. Sau đây làm thế nào để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn: "Trần trần khế hội" (khế hội trong từng mây trần). Trong hết thảy thời, hết thảy nơi, sinh hoạt cũng thế, làm việc cũng thế, giao tiếp cũng thế, đều có thể thực hiện được. Lúc ấy, quý vị khế nhập cảnh giới. Sau đây quý vị mới hiểu rõ như trong phần trên thiền sư Trung Phong đã khai thị: "A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật" (A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật), "thủ phương tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức thủ phương" (phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này). Thế giới Cực Lạc ở đâu? Trọn pháp giới, hư không giới, không chỗ nào chẳng phải là thế giới Cực Lạc! Trọn pháp giới, hư không giới, không đâu chẳng là thế giới Hoa Tạng, quý vị khế nhập "một chính là hết thảy, hết thảy chính là một". Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn hiện tiền.

Lúc ấy, quý vị lại khởi nghi vấn: Vậy thì rốt cuộc chúng ta có cần vãng sanh về thế giới Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật hay không? Cần chứ! Tây Phương Cực Lạc thế giới ở ngoài mười vạn ức cõi Phật và thế giới này của chúng ta chẳng hề xa cách! Hiện tại vì sao nói đến khoảng cách? Vì hiện thời quý vị chưa đoạn phiền não, vô minh chưa phá! Nói cách khác, chưa buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được; do vậy, không gian bèn có khoảng cách, thời gian bèn có trước - sau. Lúc nào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quý vị đều buông xuống được hết thì lúc ấy sẽ nhận thấy không gian chẳng có khoảng cách, không có xa - gần, thời gian không có trước - sau, đó là Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới không có thời gian, không có không gian.

Hiện thời các khoa học gia phát hiện thời gian và không gian không xác định: Dưới một tình huống nào đó, thời gian lẫn không gian đều bằng zero, cũng có nghĩa là thời gian không có trước - sau, không gian chẳng có xa - gần, dưới một điều kiện nào đó! Phật pháp nói rất rõ ràng, dưới điều kiện nào? Phá vô minh, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, khi hội đủ điều kiện này [thời gian và không gian sẽ bằng không]. Khoa học gia vẫn chưa biết dưới điều kiện nào? Họ vẫn chưa hiểu rõ; Phật pháp đã sớm ứng dụng. Do vậy, quý vị trì giới niệm Phật, khéo niệm, niệm

đến công phu thành phiền, quý vị bèn rất hoan hỷ, vì sao? Chắc chắn vắng sanh. Chắc chắn vắng sanh thì tốt nhất là đừng nôn nóng, vì sao? Càng thêm gia công dụng hạnh, hy vọng từ công phu thành phiền, [cảnh giới] nâng lên thành Sự nhất tâm bất loạn. Đạt Sự nhất tâm bất loạn, lại hy vọng nâng lên thành Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn thì hoa nở thấy Phật, Lý nhất tâm bèn phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân.

Nói cách khác, bản thân quý vị tự biết là thời gian lẫn không gian chẳng có, người khác không biết! Quý vị ngồi ở chỗ này, muốn thấy A Di Đà Phật, A Di Đà Phật bèn hiện tiền. Muốn thấy quá khứ, vị lai; quá khứ, vị lai cũng hiện ra trước mặt. Quý vị nhập cảnh giới ấy, tự mình hiểu rõ ràng, thông suốt, nói chung, quý vị chẳng bảo cho người khác biết. Vì sao? Không phải là cảnh giới của người khác! Quý vị cũng chẳng thể tiết lộ thiên cơ, dẫu có thấy tai nạn trong tương lai hay chuyện gì trong tương lai cũng chẳng thể báo cho người khác biết. Vì sao? Hết thầy chư Phật, Bồ Tát như thế, quý vị cũng như thế, cũng chẳng thể là ngoại lệ. Đó là chuyện sau này, nay chúng ta trì giới niệm Phật, dụng công yếu khẩn hơn! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 57

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp câu cuối cùng trong phần khai thị của thiền sư Trung Phong:

Cánh vị vong linh, chí tâm sám hối phát nguyện.

更為亡靈。至心懺悔發願。

(Lại vì vong linh, chí tâm sám hối phát nguyện).

Trong Pháp Sự này, "*sám hối phát nguyện*" nhiều lần, thời gian không dài. Mỗi một thời Pháp Sự đại khái là hai tiếng, ba thời (thời thứ nhất, thời thứ hai, thời thứ ba) là sáu tiếng đồng hồ. Trong sáu tiếng đồng hồ ấy có tán thán (chúng tôi gọi là lễ kính), cúng dường, tụng kinh, niệm chú, phát nguyện, sám hối, khai thị, niệm Phật, hồi hướng đều là trùng lập không ngừng. Điều này phù hợp với điều tổ tổ đã truyền: "*Thâm nhập một môn, trường thời huân tu*". Đoạn sám hối cuối cùng này vẫn dùng bài kệ Sám Hối của Phổ Hiền Bồ Tát y như cũ. Chúng tôi đọc bài kệ tụng này, câu cuối cùng không giống:

36. Sám hối phát nguyện

**Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.
Giai do vô thí tham - sân - si,
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh,
Nhất thiết tội căn giai sám hối.**

往昔所造諸惡業。

皆由無始貪瞋痴。

從身語意之所生。

一切罪根皆懺悔。

*(Xưa kia trót tạo bao ác nghiệp,
Đều do vô thí tham - sân - si,
Từ thân - miệng - ý phát sanh ra,
Hết thảy tội căn đều sám hối).*

Quý vị thấy trong lần thứ nhất thuộc thời thứ nhất, câu này là "*kim đối Phật tiền cầu sám hối*". Còn trong thời thứ ba là "*nhất thiết tội căn giai sám hối*". Từ câu cuối này trong thời thứ ba, ta thấy rất rõ lần sám hối này càng sâu đậm, càng chân thành hơn những lần trước. Chúng ta phải nên học tập điều này. Công phu, đạo nghiệp phải cầu tinh tấn, chẳng những tiến bộ mà còn phải tinh thuần không tạp, tiến về phía trước. Trong những phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị: Thiện căn duy nhất của Bồ Tát là tinh tấn dũng mãnh. Trong bài kệ này, văn tự của câu này có chút biến hóa, ngụ ý rất sâu, chúng ta chẳng được hàm hồ niệm lướt qua, như vậy là không được rồi.

Phát nguyện cũng khác, trong những phần trên là "*chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn*", đến đây – tức đến thời thứ ba là "*tự tánh*" – hết thảy đều quy về tự tánh.

**Tự tánh chúng sanh thế nguyện độ,
Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn.
Tự tánh pháp môn thế nguyện học,
Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành.**

自性眾生誓願度。

自性煩惱誓願斷。

自性法門誓願學。

自性佛道誓願成。

Mối liên quan giữa hết thảy chúng sanh và chính mình đến chỗ này mới hoàn toàn tỏ lộ. Trọn pháp giới, hư không giới, chúng sanh trong vô lượng vô biên cõi nước đều do tự tánh hiện, tự tánh biến, chứ không phải do người ngoài. Ý nghĩa này quá sâu xa! Hiểu được đạo lý này, Bồ Tát mới dũng mãnh tinh tấn, cũng chẳng bị thoái chuyển nữa. Vì sao? Thấy chúng sanh trong sáu nẻo, chín pháp giới đang hứng khổ, chịu nạn chính là chúng sanh nơi tự tánh, chẳng phải là ngoài tâm, có quan hệ hết sức mật thiết đối với chính mình, giống như một vài nơi trên thân thể của chính mình đang bị tê cứng, đau đớn, hoàn toàn nghĩ tưởng phương cách để gấp gáp trị liệu hòng khôi phục bình thường, chẳng cần đợi người khác khuyến thỉnh mới tìm cách chữa trị! Nếu biết pháp giới chúng sanh và chính mình là một Thể thì "*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*" sẽ tự nhiên xuất hiện. Trong kinh Phật thường nói "*pháp vốn là như thế*" (pháp nhĩ như thị), không có lý do, điều kiện gì để bàn bạc cả!

Chúng ta mê, mê mất tự tánh, không biết là một thể, phân biệt ta - người, niệm niệm đều đối lập. Gặp phải khổ nạn lớn, thân có bệnh tật, tâm trí đờ đẫn, nay chúng ta trở thành trạng thái ấy. Chư Phật, Bồ Tát tâm trí sáng suốt, minh bạch, các Ngài biết chúng ta tâm trí đờ đẫn, Phật, Bồ Tát giúp chúng ta khôi phục tâm trí. Chúng ta có thể hiểu rõ được trí huệ đức năng nơi tự tánh của chính mình, đấy gọi là đại triệt đại ngộ. Triệt ngộ rồi, lẽ nào còn chờ Phật, Bồ Tát dạy, mà sẽ tự nhiên thị hiện "*thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói*", vĩnh viễn giống như Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng mệt mỏi, nhọc nhằn. Phiền não là "*tự tánh phiền não*" phải đoạn! Pháp môn là "*tự tánh pháp môn*", Phật đạo là "*tự tánh Phật đạo*", không có gì lìa khỏi tự tánh. Tự tánh là chân tâm, tâm hiện, thức biến, ở đây hoàn toàn giải bày ra hết. Tiếp theo niệm ba lần:

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無普賢王菩薩摩訶薩。

Phổ Hiền Bồ Tát đại diện cho hết thảy Bồ Tát, tượng trưng cho việc tu hạnh Bồ Tát một cách viên mãn. Trong thời thứ nhất, chúng ta đọc mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát: Một là lễ kính chư Phật, hai là xưng tán Như Lai, ba là rộng tu cúng dường, cho đến nguyện thứ mười là hồi hướng khắp tất cả. Niệm danh hiệu Bồ Tát phải nghĩ đến mười đại nguyện vương, tức tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu hành của hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát. Tịnh Tông thực sự thù thắng khôn sánh, thù thắng ở chỗ nào? Vừa mở đầu chúng ta bèn "*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức*" (đều cùng

tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ). Quý vị nói xem, chẳng thù thắng lắm ư? Như vậy, Tịnh tông tu điều gì? Tu hạnh Phổ Hiền.

Phổ Hiền Hạnh chẳng thể lìa khỏi mười cương lĩnh này. Do không làm được mười cương lĩnh nên chúng ta chẳng thể thành tựu tịnh nghiệp. Quý vị phải chiếu theo mười cương lĩnh ấy mà tu hành, lẽ nào tịnh nghiệp chẳng thành tựu? Phiền não, tập khí từ vô thủy kiếp sẽ tự nhiên hóa giải hết, hóa giải từ chỗ nào? Dùng bốn nguyện đầu để hóa giải: Lễ kính, xưng tán, cúng dường, sám hối là hóa giải. Mấy nguyện sau đó là vì người khác diễn nói, nhằm rộng độ chúng sanh. Những điều Phổ Hiền Bồ Tát tu hoàn toàn là tánh đức, mười nguyện ấy đều quy về tự tánh nên những nguyện ấy viên mãn. Lại xem tiếp phần Khai Thị kế đó. Đây là đoạn khai thị sau cùng:

27. Khai thị

Thượng lai tam thời hệ niệm A Di Đà Phật vạn đức hồng danh, khuyên đạo vong linh sám trừ kết nghiệp, phát nguyện vãng sanh, hạnh nguyện ký thâm, công vô hư khí.

上來三時繫念。阿彌陀佛。萬德洪名。勸導亡靈懺除結業。發願往生。行願既深。功無虛棄。

(Từ trên tới đây, ba thời hệ niệm vạn đức hồng danh A Di Đà Phật, khuyên đạo vong linh sám trừ nghiệp chướng đã kết tụ, phát nguyện vãng sanh. Hạnh nguyện đã sâu, công không luống uổng).

Đến đây là một đoạn, Pháp Sư thực hiện đến đây, thời thứ ba sắp kết thúc, viên mãn. Pháp sư này chủ yếu nhất là hệ niệm A Di Đà Phật. Do đây biết rằng: Thiền sư Trung Phong soạn ra nghi quỹ tu hành này hoàn toàn nhằm thực hiện những giáo huấn của kinh Di Đà. Khai thị trọng yếu nhất trong kinh Di Đà là "*nhất tâm hệ niệm*". Đây là chữ dùng trong bản dịch của Huyền Trang đại sư, bản dịch của ngài La Thập ghi là "*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*". Huyền Trang đại sư dịch là "*chấp trì danh hiệu, nhất tâm hệ niệm*". "*Bất loạn*" không dễ, "*hệ niệm*" thì có thể làm được. Hệ niệm là trong tâm quý vị thực sự có A Di Đà Phật, chứ không nhất định là miệng phải niệm, trong tâm thực sự có thì gọi là "*hệ niệm*". Miệng niệm nhưng tâm không có, chẳng tương ứng! Trong tâm thực sự có, nhưng miệng không có thì vẫn là tương ứng. Điều quan trọng là trong tâm quý vị có A Di Đà Phật hay không!

Nếu quý vị hỏi: Thầy nói trong tâm có A Di Đà Phật, có A Di Đà Phật là gì? Quan trọng nhất không gì hơn đại nguyện của A Di Đà Phật. Nói cách khác, trong tâm, niệm niệm đều có bốn mươi tám nguyện thì đúng là tâm

quý vị "*hệ niệm A Di Đà Phật*". A Di Đà Phật là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là A Di Đà Phật. Ai phát được bốn mươi tám nguyện, ai có thể thực hiện viên mãn bốn mươi tám nguyện ấy trong công việc, trong cuộc sống, trong xử sự đối người tiếp vật, người ấy chính là hóa thân của A Di Đà Phật. Quý vị nghĩ xem: Nếu quý vị không phải là A Di Đà Phật thì còn ai là A Di Đà Phật nữa đây? Tâm, nguyện đã tương ứng thì đương nhiên giải, hạnh chẳng khác gì A Di Đà Phật. Quý vị nghĩ xem: Người như vậy sao chẳng thể không sanh Tịnh Độ? Đây gọi là thực sự niệm Phật.

Nay chúng ta tu hành đã nhiều năm gần đây, không tương ứng, nguyên nhân không tương ứng là ở chỗ nào? Chẳng thực hiện bốn mươi tám nguyện! Chẳng những không thực hiện, mà suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm luôn nghĩ đến danh văn, lợi dưỡng, luôn nghĩ đến tự tư tự lợi, có lúc nào nghĩ đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật hay chăng? Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng tôi soạn cuốn *Triều Mộ Khóa Tụng* (khóa tụng sáng tối), vì sao lấy bốn mươi tám nguyện để vào khóa sáng? Quý vị phải hiểu: Khóa sáng chúng ta không niệm chú Lăng Nghiêm, không niệm Thập Chú, không niệm chú Đại Bi, mà niệm bốn mươi tám nguyện. Vì lý do nào? Hệ niệm A Di Đà Phật, thực hiện giáo huấn của kinh A Di Đà! Nếu quý vị quả thật tu theo cách ấy thì sẽ thực sự thành tựu như kinh đã nói: Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày. Trong thời gian bảy ngày, ngày đêm không gián đoạn, không xen tạp, đúng là "*không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*". Đây chính là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: "*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*" (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), sao không thành tựu? Chúng tôi mong rằng những đồng tu thực sự tu Tịnh Độ, thực sự cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể không biết những ý nghĩa này.

Hành môn chính là chấp trì danh hiệu, A Di Đà Phật "*vạn đức hồng danh*", danh hiệu ấy bao quát hết thảy vô lượng đại pháp giáo hóa chúng sanh của chư Phật, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà đã nói rất nhiều lần: Trong một câu danh hiệu này, viên mãn bốn mươi tám nguyện, trong danh hiệu này chẳng khuyết nguyện nào. Nhưng nay trong danh hiệu chúng ta đang niệm có những nguyện ấy hay không? Không có! Vì sao ngày nay chúng ta niệm Phật không tương ứng? Vì sao công phu niệm Phật không thành phước? Do không có những nguyện ấy! Pháp môn này được gọi là Tín - Nguyện - Hạnh. Tín - Nguyện - Hạnh đồng thời, như trong phần trên đã bảo là "*như đánh chi tam túc, khuyết nhất đô bất khả*" (như ba chân của cái đánh, không thể khuyết một). Trong Tín có Nguyện, có Hạnh, trong Hạnh có Tín, có Nguyện; vì thế, quý vị niệm một câu A Di Đà Phật có Tín và Nguyện và trong ấy. Tín viên mãn, Nguyện viên mãn thì một câu Phật hiệu tương ứng! Một niệm

tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, chẳng phải là chỉ có một câu danh hiệu xuông không hề có Tín - Nguyện trong ấy. Nếu như vậy, câu Phật hiệu ấy không tương ứng.

Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới gọi là Hệ Niệm! Hai chữ Hệ Niệm hay lắm! Chúng ta tự mình niệm tự thành tựu, đồng thời "*khuyến đạo vong linh*" (khuyên dạy vong linh) chính là lợi tha, tự lợi, lợi tha. Bởi lẽ, kinh Địa Tạng dạy: Trong bảy phần công đức, chính mình được sáu phần, vong linh được một phần. Thế còn Hệ Niệm Pháp Sự này thì sao? Người tham gia đông đảo. Nếu có một trăm người, hai trăm người, ba trăm người, mỗi một cá nhân đem một phần công đức ban cho vong linh, vong linh cũng sẽ có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công đức của người tham dự pháp hội cũng chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao? Tự mình được sáu phần công đức, ngoài ra một phần công đức gia trì trao cho mọi người đồng tu. Mỗi một đồng tu gia trì lẫn nhau, có phải là đạo tràng thù thắng lắm hay không? Mỗi một cá nhân giống như một ngọn đèn, một ngọn đèn chiếu sáng hữu hạn; mấy trăm ngọn đèn cùng thắp, trang nghiêm lắm! Quang minh lớn trội, ánh sáng dung nhiếp lẫn nhau! Quý vị đồng tu hãy từ từ dụ này mà lãnh hội!

Trong Pháp Sự này, công đức của mỗi cá nhân dật thành một tấm lưới nguyện, thành lưới ánh sáng ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh. Vì thế, đối với vong linh, Pháp Sự này lợi ích thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Người tu Pháp Sự tâm càng thanh tịnh, càng thiện lương, càng chân thành, công đức ấy càng hết sức thù thắng. Tự lợi, lợi tha đấy! Mỗi một phen Khai Thị, mỗi một phen phát nguyện, mỗi một phen sám hối, khuyên chính mình, khuyên đồng tu, khuyên vong linh "*sám trừ kết nghiệp, phát nguyện vãng sanh*" (sám trừ nghiệp chướng đã kết, phát nguyện vãng sanh). Tuy pháp môn này là đời nghiệp vãng sanh, nhưng vẫn phải coi trọng sám hối. Vì sao? Sám trừ nghiệp chướng một phần, khi quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị sẽ cao hơn một phần, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành, sớm có ngày chứng quả, thành Phật. Do vậy, phải sám hối, phải phát nguyện, phát nguyện quan trọng nhất là cầu sanh Tịnh Độ, thân cận Phật Di Đà.

"*Hạnh nguyện ký thâm, công vô hư khí*" (hạnh nguyện đã sâu, công không luống uổng): Nguyện sâu, Tín sâu, Hạnh sâu, Tín - Nguyện - Hạnh đều sâu, công tu hành ấy đúng là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật, cảm ứng đạo giao cùng chư thượng thiện nhân trong hải hội đại chúng tại Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta niệm niệm chẳng quên mong được gia nhập pháp hội này, trở thành một thành viên trong pháp hội. Cố nhiên quan trọng nhất là A Di Đà Phật, nhưng chẳng thể không quan tâm đến hải hội đại chúng. Từ hội Hoa Nghiêm, qua

phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm²⁰[20], chúng ta đọc thấy đại biểu của từng nhóm người, mỗi khi tán Phật, đều phải ngoái nhìn những đồng nhân²¹[21] trong nhóm của họ, không sót một ai, họ nêu khuôn mẫu, gương tốt cho chúng ta. Nay chúng ta mong sanh về thế giới Cực Lạc, các thượng thiện nhân trong thế giới Cực Lạc số lượng nhiều đến nỗi không có cách gì tính được, chỉ có thể dùng chữ A-tăng-kỳ để diễn tả.

Bình thường, lúc chúng ta niệm Phật không nghĩ đến, niệm niệm cũng phải kết pháp duyên với các thượng thiện nhân, tương lai khi chúng ta vãng sanh, quang cảnh sẽ lớn lao. Sau lưng Tây Phương Tam Thánh là các thượng thiện nhân thuộc Liên Trì Hải Hội, số đến vô lượng vô biên, rầm rộ như thế, nghênh tiếp quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị kết duyên cùng họ, những chuyện này đều là sự thật! Tâm lượng không lớn sẽ chẳng thể thường quán tưởng như thế. Lúc quý vị vãng sanh, A Di Đà Phật hiện đến, quý vị thấy những người theo chân Phật không nhiều, vì sao? Quý vị không kết duyên với mọi người. Rộng kết pháp duyên, niệm niệm chẳng xả hết thảy chúng sanh, hết thảy Bồ Tát, hết thảy Thanh Văn, hết thảy thần thánh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Có như vậy thì công phu Tín - Nguyện - Hạnh của quý vị mới sâu, sâu rộng không bờ bến, công đức thành tựu, quyết định chẳng dối, công đức chân thật, thành tựu chính mình, mà cũng thành tựu người khác, vong nhân thực sự được hưởng lợi ích.

Như xưa kia, trong hội [giảng kinh] Lăng Nghiêm, chúng tôi đã nhắc đến một câu chuyện của lão pháp sư Đàm Hư. Lúc lão pháp sư chưa xuất gia học Phật, là cư sĩ tại gia, cùng mấy người bạn mở một tiệm thuốc Bắc. Trong số bạn bè ấy, có một vị cư sĩ họ Lưu, đọc kinh Lăng Nghiêm suốt tám năm. Tám năm đóng cửa đọc kinh Lăng Nghiêm, chắc phải có chút công phu, tâm định rồi. Đọc lâu ngày, mỗi lần đọc bèn theo văn nhập quán, bèn có lợi ích, chứ không phải là đọc xuôi. Lúc quý vị đọc mà chú tâm theo kinh thì tâm quý vị tương ứng, nhập vào cảnh giới ấy. Do vậy, oán thân trái chủ của ông ta đến cầu xin ông ta siêu độ.

Cách siêu độ rất đơn giản! Những ai trong quá khứ ông ta có lỗi với họ, vốn là oan gia đối đầu của ông ta, thấy ông ta nay tu hành có được công phu tốt đẹp như thế muốn hưởng ké một chút. Họ đến trước mặt, quỳ gối xuống đất, Lưu cư sĩ hỏi những kẻ ấy:

- Các vị có chuyện gì tìm đến tôi?
- Cầu siêu độ.

²⁰[20] Thế Chủ Diệu Nghiêm là phẩm thứ nhất trong kinh Hoa Nghiêm bản 80 cuốn. Gọi là Thế Chủ Diệu Nghiêm vì ngoài những vị đại Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, còn giới thiệu rất nhiều vị thượng thủ thuộc chư thiên, bát bộ quỷ thần, cũng như các vị thần chủ quản mọi sự trong thế giới như Hải Thần, Chủ Dạ Thần v.v..

²¹[21] Đồng nhân là những người có cùng hạnh nguyện, cùng chí hướng với ta.

Lưu cư sĩ yên tâm, không phải là đến báo cữu, không phải là đến trả thù mà là cầu siêu độ, bảo:

- Được! Các vị muốn tôi siêu độ cho các vị như thế nào?

Họ nói:

- Chỉ cần ông đáp ứng là được!

- Được, tôi bằng lòng!

Ông ta trông thấy hồn ma bám vào đầu gối ông, trèo lên đến vai bèn sanh lên trời. Độ hai lượt như vậy, qua một lúc lại có hai kẻ đến nữa, chính là bà vợ và đứa con nhỏ đã mất của ông ta, đều đến trước mặt, quỳ dưới đất cầu siêu độ. Tự mình thực sự có công hạnh sẽ có khả năng giúp đỡ người khác. Chúng ta thực sự học Pháp Sự này, sức của một người không đủ, tập hợp sức lực của toàn thể tứ chúng đồng tu thì sức mạnh ấy lớn lắm.

Duy nguyện vong linh, văn tư pháp yếu, tín thọ phụng hành.

惟願亡靈。聞斯法要信受奉行。

(Xin nguyện vong linh nghe pháp yếu này hãy tin nhận, phụng hành).

Đây là chúc nguyện, mong mọi người đã khuất: Lần tu pháp sự này chủ yếu chuyên vì vong linh. Quý vị nghe những pháp yếu đã tu trong ba thời này, Phật pháp mệnh mang như khói tỏa trên mặt biển, những điều được tu trong ba thời này là tinh yếu, trọng yếu nhất, hy vọng quý vị nghe xong sẽ "tín thọ phụng hành" (tin nhận vâng làm).

Tùng thị thác chất liên thai.

從是托質蓮胎。

(Từ đây gá thân nơi thai sen).

Từ nay trở đi, quý vị giống như chúng tôi, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. "*Thác chất liên thai*": Chất (質) chính là thân. Thân này của chúng ta là thân vật chất, hóa sanh trong hoa sen chính là "*thác chất liên thai*" (gá thân trong thai sen). Trong hết thảy các cõi Phật, hết thảy những chúng sanh chỉ cần có một niệm phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ý niệm ấy vừa động sẽ khiến cho ao sen bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới nẩy sanh một đóa hoa sen, thấy có búp sen nhưng hoa chưa nở. Trên búp sen ghi tên tuổi ở trong ao bảy báu. Do vậy, tất cả hết thảy vật chất của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thường trụ bất diệt, hữu tình chúng sanh không có sanh - già - bệnh - chết, vô tình chúng sanh không có sanh - trụ - dị - diệt, không có thành - trụ - hoại - không, Nhất

Chân pháp giới mà! Chỉ có một hiện tượng, tức là hoa sen trong ao bầy bấu có tươi tốt hay héo khô. Tinh tấn niệm Phật chẳng lui sụt, hoa ấy càng lớn càng đẹp, càng lớn càng to, có hiện tượng ấy. Nếu ngã lòng hay đổi sang tu pháp môn khác, hoa sen ấy dần dần héo khô, tiêu mất. Do vậy, hoa sen trong ao bầy bấu có tươi tốt, có khô héo. Do hoa ấy không do A Di Đà Phật biến hiện mà do ý niệm của hữu tình chúng sanh trong mười phương thể giới biến hiện ra, duy thức sở biến. Do vậy, có tướng trạng sanh - diệt, tươi - khô. Trừ hoa ấy ra, trong Tây Phương Cực Lạc thể giới chẳng tìm đâu ra hiện tượng ấy. Đây là nói về "*thác chất liên thai*".

Vĩnh ly nghiệp hải.

永離業海。

(Vĩnh viễn rời khỏi biển nghiệp).

"*Nghiệp hải*" chỉ cho lục đạo, mười pháp giới. Chẳng những vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà còn vượt thoát mười pháp giới, cảnh giới thù thắng khôn sánh, chẳng thể nghĩ bàn. Trong lục đạo thực sự có không ít những chúng sanh giác ngộ khá cao mong cầu thoát khỏi luân hồi lục đạo, nhưng không có duyên phận, chẳng gặp được pháp môn này. Hoặc là gặp được nhưng chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng, vẫn phải tu pháp môn của chính mình, tu cũng khá lắm, tu lên đến Vô Sắc Giới thiên. Vô Sắc Giới thiên không có sắc tướng, chúng trời cõi ấy tưởng Vô Sắc Giới là Đại Niết Bàn, ai nấy đều tự cho mình đã chứng đắc Vô Thượng Niết Bàn, Niết Bàn rất ráo. Thọ mạng cũng thật là dài! Đức Thế Tôn dạy chúng ta: "Thọ mạng của cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng là tám vạn đại kiếp!" Tám vạn đại kiếp chúng ta không có khái niệm, chúng ta nghe xong vẫn cứ mơ mơ màng màng, tám vạn đại kiếp ư? Thế nào là một đại kiếp? Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, quý vị mới cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn!

Phật dạy chúng ta: Thế giới có thành - trụ - hoại - không. Thành - trụ - hoại - không là bốn trung kiếp. Bốn trung kiếp ấy hợp thành một đại kiếp. Đây là nói về tinh hệ trong vũ trụ, chứ không nói về địa cầu của chúng ta. Một Thái Dương Hệ hãy còn nhỏ lắm, một đại tinh hệ kia! Ta thường bảo Ngân Hà là một tinh hệ, nhưng nói thật ra, thì như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: "Mỗi một Ngân Hà Hệ là một đơn vị thế giới". Thành Trụ Hoại Không mà đức Phật nói đó chính là Thành Trụ Hoại Không của một cõi Phật, tức là Thành Trụ Hoại Không của một tam thiên đại thiên thế giới. Thời gian năm tháng chúng ta không có cách gì tưởng tượng được nổi, đó là con số thiên văn. Mỗi lần Thành Trụ Hoại Không là một đại kiếp. Tám vạn đại kiếp chính là đại tinh hệ thành - trụ - hoại - không tám vạn lần. May là bọn họ không

có sắc thân, không có thân thể, thế giới thành - trụ - hoại - không chẳng gây trở ngại gì cho họ, họ không bị ảnh hưởng. Quý vị nghĩ xem thọ mạng họ quá dài đi!

Thế nhưng đến lúc hết tám vạn đại kiếp, công phu định lực của họ bị lui sụt, lại bèn đọa lạc trong luân hồi. Lần đọa lạc này, đọa thật thảm, có thể nói là “càng trèo cao, càng té đau!” Họ từ Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên đọa xuống địa ngục. Quý vị có thể đọc những điều này từ kinh điển. Nếu muốn thuận tiện, hãy xem bộ Pháp Uyển Châu Lâm hoặc Kinh Luật Di Tướng²²[22] sẽ thấy. Hai bộ sách này là do cổ nhân phân loại hết thảy kinh luận trong Đại Tạng Kinh mà soạn thành. Lấy Sự làm cương mục, chia thành một trăm cương mục, những cương mục trong kinh luận đều chép vào đó. Quý vị muốn xem về Kiếp, Thời Kiếp thì những gì được hết thảy kinh luận giảng [về Kiếp] đều được chép vào một chỗ, tìm thấy là coi được hết.

Một đại kiếp là [thời gian] thành - trụ - hoại - không của một đại thế giới. Thành - trụ - hoại - không tám vạn lần, phi thường quá! Chúng ta không nhận biết vì thọ mạng quá ngắn, nhưng đối với thời gian và không gian vô hạn thì tám vạn đại kiếp không dài, rất ngắn! Không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Đây là người hết sức thông minh trong thế gian, không có duyên gặp được Phật pháp, không có duyên gặp gỡ Tịnh Độ. Nói thật ra, gặp được Tịnh Độ đảm bảo sẽ siêu xuất. Gặp những pháp môn khác thì không dám chắc, phải tùy thuộc vào duyên phận, tức là cũng như chúng ta thường nói: Quý vị phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh mới siêu thoát. Không kiến tánh chẳng siêu thoát!

Người tu hành muốn đạt đến công phu minh tâm kiến tánh như vậy chẳng phải là chuyện đơn giản. Quý vị thấy đó: Đoạn hết Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não cũng phải đoạn hết. Vô minh phiền não cũng phải phá được mấy phẩm, như vậy mới có thể vượt thoát. Chỉ đoạn Kiến Tư, Trần Sa, nhưng Vô Minh chưa đoạn thì cũng có thể coi là khá lắm, vượt thoát lục đạo, nhưng chẳng thể vượt thoát mười pháp giới, chứng được quả vị Tương Tự, chứ không phải là chân thật. Do vậy, pháp môn Tịnh Độ thù thắng, được hết thảy chư Phật Như Lai tán thán chẳng phải là không có lý

²²[22] Pháp Uyển Châu Lâm (còn gọi là Pháp Uyển Châu Lâm Tập) có thể coi như một bộ bách khoa toàn thư trong nhà Phật, gồm 100 quyển, do ngài Đạo Thế (?-683) biên soạn vào đời Đường, trích dẫn những hơn 400 bản kinh luận, kể cả kinh sách Nho Giáo, Đạo Giáo và Sám Vĩ. Trong ấy có cả những trích dẫn từ những bản kinh hiện nay đã thất truyền như Bồ Tát Bản Hạnh Kinh, Quán Phật Tam Muội Kinh hoặc các sách cổ như Tây Vực Chí, Trung Thiên Trúc Hành Ký v.v... Nội dung trình bày tư tưởng, thuật ngữ, pháp số, luật, luận, truyện... Kinh Luật Di Tướng gồm 50 quyển, do ngài Bảo Xương đời Lương làm chủ biên, nội dung thu thập những chuyện lạ lùng được nói trong kinh luận Phật giáo. Hòa Thượng Tịnh Không nói “lấy Sự làm cương mục”, nghĩa là phân chia nội dung thành những loại chính, mỗi loại ấy gọi là cương mục, chẳng hạn như Thiên Bộ, Địa Bộ, Phật Bộ, Bồ Tát Bộ... Trong mỗi bộ lại chia thành nhiều tiểu loại, chẳng hạn như Phật Bộ gồm có Phật Đà xuất gia, thành đạo, Niết Bàn, phân chia xá-lợi v.v...

do. "*Vĩnh ly nghiệp hải*" (vĩnh viễn là khỏi biển nghiệp) phải nhờ vào Tín - Nguyên - Hạnh.

Trực chứng A Bệ Bạt Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề.

直證阿鞞跋致。圓滿無上菩提。

(Chứng thẳng vào Bất Thoái Chuyển, viên mãn Bồ Đề vô thượng).

Thành tựu ấy quá lớn! Quý vị thấy ở đây tổ sư giảng rất khẩn thiết, khẳng định đường ấy, không do dự mảy may gì! "*Trực chứng*" là thẳng thừng, thỏa đáng, quý vị chứng ngay vào A Duy Việt Trí! A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, phiên dịch sang tiếng Hán là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát. Kinh luận thường nói viên chứng ba thứ Bất Thoái. Trong phần giảng về kinh A Di Đà trong những phần trước, tôi đã trình bày về ba thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, đó là Tam Bất Thoái. Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo bắt đầu chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo chứng đặc chưa viên mãn. Từ Sơ Trụ Bồ Tát lên đến Thất Địa Bồ Tát, Thất Địa Bồ Tát còn bị thoái chuyển, nhưng thoái chuyển có hạn mức, hạn mức là Sơ Trụ Bồ Tát, chứ tuyệt đối không thể lui sụt kém hơn Sơ Trụ. Nói chung là tiến tiến lùi lùi, hoàn toàn phụ thuộc bản thân quý vị dụng công siêng năng hay lười nhác. Quý vị mạnh mẽ, dũng mãnh, tinh tấn thì nâng cao không ngừng. Nếu quý vị giải đãi, không chịu tu tập, bèn bị thoái chuyển.

Quý vị phải hiểu trong thế giới Hoa Tạng hay trong thế giới Cực Lạc, nếu bàn trên mặt lý luận thì đều có hiện tượng ấy, đều có kẻ tiến tiến lùi lùi; nhưng [thực ra] trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đặc biệt, chỉ có tiến, chứ không lùi, chỉ là tiến mau hay chậm khác nhau: Có kẻ dùng mãnh tinh tấn thì tiến rất nhanh; có kẻ không dụng công như thế, kẻ ấy tiến chậm, nhưng chắc chắn không bị thoái chuyển. Đây là một điều hay của Tây Phương Cực Lạc thế giới; trong các cõi Phật khác không có [chuyện này]! "*Giai thị A Duy Việt Trí Bồ Tát*" (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát), đây chính là do bốn nguyên và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Nói cách khác, A Duy Việt Trí là từ Thất Địa trở lên. Trong mười phương hết thảy các cõi Phật không có chuyện này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là có! Chúng ta phải hiểu rõ, phải quý tiếc!

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay: Phàm phu một phẩm phiền não chưa đoạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghiêm nhiên là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do vậy, lão nhân gia bảo: Nếu bảo quý vị là Bồ Tát thì quý vị không giống với Bồ Tát, vì sao? Vẫn còn mang theo phiền não, chưa đoạn một phẩm vô minh! Nếu bảo quý vị là phàm phu, lại chẳng giống với

phàm phu, vì sao? Trí huệ, đức năng giống hệt Thất Địa Bồ Tát, chẳng thể nghĩ bàn! Không có cách nào gọi tên quý vị được, do được bốn nguyên và oai thần của Phật Di Đà gia trì mà! Quý vị đạt đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy, "*viên mãn vô thượng Bồ Đề*". Bây giờ đã hết giờ rồi!

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị cuối cùng của thiền sư Trung Phong. Hai câu cuối cùng là:

Trực chứng A Bệ Bạt Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề.

直證阿鞞跋致。圓滿無上菩提。

(Chứng thẳng vào Bất Thoái Chuyển, viên mãn Bồ Đề vô thượng).

Hai câu này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, bởi chúng quá hy hữu! Hết thầy chư Phật xưng tán, tôn kính A Di Đà Phật, nói thật ra, chính là vì hai câu trên. Hai câu trên đây chính là điểm đặc sắc của Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười phương các cõi Phật không có, riêng mình thế giới Cực Lạc có. Chính vì sự thật này khiến cho chúng tôi nghĩ rằng đây chính là lý do Văn Thù và Phổ Hiền trong thế giới Hoa Tạng muốn cầu sanh Tịnh Độ.

Xưa kia, tôi đọc Hoa Nghiêm, nghĩ về vấn đề này rất lâu! Văn Thù, Phổ Hiền là tay mặt, tay trái của Tỳ Lô Giá Na Phật trong thế giới Hoa Tạng, là những vị đại sĩ phụ tá của Pháp Thân Như Lai, không phải là hạng Bồ Tát tầm thường, vì sao lại muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Về sau, tôi nghĩ trong kinh Phật thường nói: Tu hành chứng quả phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đức Phật nói như vậy rất nhiều lần, chứng tỏ đây không phải là nói tỷ dụ, mà là sự thật. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp tính từ lúc nào? Nguyên lai tính từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo; nói cách khác, thời gian tu hành trước khi chứng được địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo chẳng tính đến. Nếu kể từ khi chúng ta phát tâm, tu cho đến Bồ Tát pháp giới và Phật pháp giới trong mười pháp giới, nếu tính chung lại, đức Phật nói phải mất vô lượng kiếp, chứ nào phải chỉ ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Chúng tôi tin tưởng điều này, vì sao?

Nay mỗi đồng học học Phật chúng ta, nghe đến danh hiệu Phật bèn chấp tay, trông thấy tượng Phật bèn lễ bái, thiện căn như vậy không phải là ngẫu nhiên. Phải là tu tập nhiều đời nhiều kiếp, do chủng tử hàm tàng trong A Lại Da Thức hiện hành nên quý vị mới có thái độ kiên thành như thế; nhưng mà sao? Không có thành tựu. Khiến cho chúng tôi nghĩ đến trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn có nhắc đến vương tử A Xà Thế và đoàn thể nhỏ của ông ta. Khi ấy, đức Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ, bọn họ hiện diện, nghe

xong hết sức hoan hỷ, cúng Phật, trong tâm phát nguyện hy vọng tương lai tự mình thành Phật cũng giống như A Di Đà Phật, chứ không phát tâm cầu được vãng sanh, tức là chẳng sanh khởi ý niệm "*vãng sanh Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật*". Đức Phật dạy: Mấy vị thuộc nhóm vương tử A Xà Thế trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Đừng nói chi nhiều, một đức Phật thôi đã là ba A-tăng-kỳ kiếp, bốn trăm ức còn lâu đến đâu nữa! Tu hành trong thời gian lâu xa gần ấy, nghe đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh tâm ngưỡng mộ, nhưng không phát tâm cầu nguyện vãng sanh!

Nay chúng ta nghe nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phát tâm muốn cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị nghĩ xem: Công đức ấy chắc chắn vượt hơn vương tử A Xà Thế. Vương tử A Xà Thế từng cúng dường bốn trăm ức Phật, có lẽ quý vị từng cúng dường từ bốn trăm ức trở lên, năm trăm, sáu trăm, bảy trăm, tám trăm ức Phật nên thiện căn, thiện niệm ấy mới sanh khởi: "Tôi muốn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!" Bởi vậy, lời đức Phật giảng là chân thật, thành tựu pháp môn này là vô lượng kiếp. Chúng ta đừng tưởng ngày nay mình mới học Phật, không phải vậy, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ vô lượng kiếp [đã học Phật], nhưng vì sao không được thành? Do nhân duyên không đủ, phiền não tập khí chưa hết, tham luyện hồng trần.

Tôi nói như vậy quý vị hãy nên nghĩ hiểu. Vì sao? Đây chính là sự thật hiện tiền, đối với hết thảy người - sự - vật trong thế gian này, quý vị có tham luyện hay không, có buông xuống được hay không? Chính vì cái duyên này mà đời đời kiếp kiếp trong quá khứ tu Tịnh Độ không đạt thành tựu. Nếu trong một đời này vẫn còn mang niềm tham luyện ấy, vẫn không chịu buông xuống thì vẫn chẳng thể thành. Lại phải đợi nhân duyên lần nữa; nhân duyên lần nữa ấy chẳng biết nhằm đời nào, kiếp nào! Vì sao? Tương lai có thể được làm thân người hay không, quý vị có đảm bảo hay chẳng? Nếu được làm thân người, có đảm bảo sanh vào chỗ có Phật pháp, có cơ hội được nghe pháp, tiếp tục tu hành hay không? Khó lắm! Rất khó, rất ư là khó!

Vì thế, nghĩ đến chỗ này khiến chúng tôi liên tưởng: Bắt đầu từ Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Đức Phật dạy chúng ta: A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, vị Bồ Tát ấy tu xong địa vị Tam Hiền; Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất phải tu viên mãn ba mươi địa vị ấy. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tu bảy địa vị từ Sơ Địa đến Thất Địa. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị: Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Càng lên cao càng khó, tiến triển càng chậm! Từ chỗ này, chúng tôi suy nghĩ: Tuy đức Phật không nói nhưng chúng ta có thể tưởng tượng được, Đẳng Giác Bồ Tát muốn chứng đắc viên mãn Bồ Đề,

Phật quả rất ráo, cần phải mất bao nhiêu thời gian? Cứ tính theo phần trên, A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, tu ba mươi địa vị. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị. Tối thiểu phải mất một A-tăng-kỳ kiếp thì Đẳng Giác Bồ Tát mới có thể chứng đắc Phật quả viên mãn rất ráo, ở đây gọi là "*viên mãn vô thượng Bồ Đề*".

Do vậy, Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát, các Ngài muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vì chẳng phải mất một thời gian dài như thế, về đến Cực Lạc thế giới liền chứng đắc, lẽ nào không thích làm? Chẳng những tự mình đi nhận lấy chỗ tốt ấy, nhận lấy lợi ích ấy, mà còn hướng về tất cả bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ tuyên bố: "Các ông có muốn đi hay không? Muốn đi thì ta cùng nhau đi!" Khuyên dạy bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều cùng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là cảnh tượng như thế nào? Nói thật ra là rất vĩ đại, thật chẳng thể nghĩ bàn! Từ chỗ này, chúng ta hãy chú tâm quan sát, Văn Thù, Phổ Hiền đương nhiên cầu sanh để làm gì? Hồng rút ngắn thời gian; trong thế giới Hoa Tạng cần phải mất một A-tăng-kỳ kiếp, qua nơi kia chỉ mấy ngày là chứng đắc.

Chúng ta là hạng phàm phu sát đất, nếu tu theo những pháp môn thông thường thì quả thật phải tu vô lượng kiếp mới có thể thực sự đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vượt thoát lục đạo, mười pháp giới, sanh về thế giới Hoa Tạng, thành Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Từ lúc đó bắt đầu tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến Thập Địa, tức Pháp Vân Địa. Tu trọn ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chứng đắc Đẳng Giác. Chúng ta hãy nghĩ xem: Đẳng Giác phải tu tối thiểu một A-tăng-kỳ kiếp, quý vị nghĩ xem thời gian ấy dài đến đâu? Dài quá! Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Nay gặp được pháp môn Niệm Phật này là vô thượng Pháp Bảo. Trong hết thảy Pháp Bảo, không có gì sánh bằng được pháp này. Một kẻ phàm phu, một phẩm phiền não còn chưa đoạn, hể vãng sanh bèn siêu việt với một mức độ lớn, vượt qua Thanh Văn, vượt qua Duyên Giác, vượt qua Tam Hiền, vượt trội Thất Địa, còn gì hơn! Bởi thế, pháp môn này gọi là pháp khó tin, thực sự khó tin! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn bằng với Thất Địa Bồ Tát, "*trực chứng A Bệ Bạt Trí*" (chứng ngay vào A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí là Thất Địa. Sự siêu việt ấy quá sức là nhanh, bởi thế, không ai có thể tin tưởng được, Thanh Văn chẳng tin tưởng, Duyên Giác chẳng tin, các vị Bồ Tát chẳng thể tin pháp môn này. Do vậy, trong kinh, đức Phật nói: "*Duy hữu Phật dữ chư Phật, phương năng cứu cánh*" (chỉ có Phật và chư Phật mới có thể thấu hiểu rất ráo). Các Ngài thực sự hiểu rõ đến cội nguồn chuyện này là như thế nào, chỉ có Phật và chư Phật mới có thể thông hiểu rất ráo. Đẳng Giác Bồ Tát nếu không được Phật lực gia trì thì cũng chẳng thể hiểu rõ!

Trong một đời này, đương nhiên trong quá khứ chúng ta không chỉ gặp [pháp môn này] một lần, mà là gặp gỡ rất nhiều lần, trong một đời này lại gặp gỡ, thiện căn, phước đức hiện tiền, phải nắm chắc lấy cơ hội trong một đời này, quyết định chẳng để lỡ qua. Nắm chắc như thế nào? Thân, tâm, thế giới hết thảy buông xuống hết thì chúng ta mới có thể vãng sanh. Trong đời quá khứ đã coi thường đôi chút, nói chung là có một hai lần không buông xuống được nên không thể thành tựu. Nay đã thấu hiểu triệt để, ngoài việc này ra, những chuyện khác đều coi là vụn vặt như lông gà, vỏ củ tỏi, tùy duyên làm, không cần phải để tâm; còn chuyện này nhất định cần phải để tâm, trong mười hai thời niệm niệm tương ứng, chẳng được lăm lặc nữa, quyết tâm trong một đời này phải thành tựu, đấy mới là thực sự giác ngộ!

Do vậy, trong thế gian này, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, hết thảy người, sự, vật, thậm chí hết thảy pháp thế gian hay xuất thế gian thảy đều buông xuống. Thực sự học theo như Liên Trì đại sư buông bỏ triệt để, sạch sành sanh như thế đó: *"Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ biệt nhân hành"* (Tam Tạng mười hai bộ kinh, nhường cho người khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành), ta đều không cần đến. Một câu A Di Đà Phật, chứng thẳng vào A Duy Việt Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề, ta làm chuyện ấy. Quyết định chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất, không có một vọng niệm!

38. Di Đà đại tán

Tiếp theo dùng Di Đà Đại Tán để tổng kết pháp hội, Đại Tán rồi hồi hướng, tam quy. Di Đà Đại Tán là bài tán chúng ta thường niệm, ý nghĩa không khó hiểu lắm, nhưng phải nêu ra ở đây, vì sợ mọi người vô ý coi thường, trong bài tán này có những ý nghĩa áo diệu.

***Di Đà Phật đại nguyện vương,
Từ bi hỷ xả nan lượng.***

彌陀佛大願王。

慈悲喜捨難量。

(Di Đà Phật đại nguyện vương,
Từ bi hỷ xả khó lường).

Tôi tin rằng câu thứ nhất không khó hiểu, nhưng cảnh giới rất lớn. A Di Đà Phật bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh, phổ độ chúng sanh trong hết

thầy cỡi nước trọn khắp pháp giới, hư không giới. Quả địa cầu của chúng ta quá nhỏ, chỉ là một điểm tí ti trong hết thầy các cỡi nước. "*Từ bi hỷ xả nan lượng*": Không có cách nào đo lường được, cũng không cách gì tưởng tượng, thuyết minh được, đúng là chẳng thể nghĩ bàn.

***Mi gian thường phóng bạch hào quang,
Độ chúng sanh Cực Lạc bang.***

眉間常放白毫光。

度眾生極樂邦。

(Giữa mày thường phóng bạch hào quang,
Độ chúng sanh về Cực Lạc).

Phật phóng quang từ trước đến nay chưa hề gián đoạn. Từ Đại Kinh, chúng ta thấy đức Thế Tôn giới thiệu: "*Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*" (Trong quang minh hóa vô số ức Phật, hóa các Bồ Tát cũng vô biên). Đấy chính là bạch hào giữa hai mày phóng quang. Hóa ra vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, rộng độ hết thầy chúng sanh trong pháp giới, hư không giới. Đây là nhằm thực hiện những gì đã tán thán ở phần trên: "*Từ bi hỷ xả nan lượng*", hiển thị hoằng nguyện của A Di Đà Phật được thực hiện qua những sự tướng này. Trong vũ trụ này, A Di Đà Phật phân thân, hóa thân vô lượng vô biên, chỉ nhằm một chuyện: "*Độ chúng sanh Cực Lạc bang*" (Độ chúng sanh về Cực Lạc). Sáu chữ này nghĩa là tiếp dẫn chúng sanh, tiếp dẫn những loại chúng sanh nào? Chúng sanh căn cơ chín muồi. Thế nào là căn cơ chín muồi? Thực sự đầy đủ ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh; tâm là Di Đà tâm, nguyện là Di Đà nguyện, ngôn (lời lẽ) là Di Đà ngôn, hạnh là Di Đà hạnh, những người ấy đối nghiệp vãng sanh. Phiền não tập khí đoạn hay không chẳng quan trọng, cốt sao tâm - nguyện - ngôn - hạnh tương ứng, Phật bèn đến độ quý vị, đến tiếp dẫn quý vị về cỡi Cực Lạc.

Bát đức trì trung liên cửu phẩm.

八德池中蓮九品。

(Ao bát đức sen khoe chín phẩm).

Đây là chỗ sanh của người niệm Phật vãng sanh, trong những phần trên tôi đã trình bày cùng quý vị rồi. Quý vị sanh trong hoa sen, đấy chính là chỗ quý vị ở, là chỗ quý vị học tập, hoa sen to chẳng thể nghĩ bàn. Hoa sen cũng là Pháp Bảo, là hoàn cảnh tu học tốt nhất của quý vị. Do bốn nguyện

và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị chẳng cần phải ở trong ấy ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp, không cần phải mất thời gian dài lâu như thế, phiền não tập khí từ vô thủy kiếp đến nay ở trong ấy đều đoạn sạch sành sanh. Nhanh chóng lắm! Nhanh chóng đến mức độ nào? Xem những gì kinh Quán Vô Lượng Thọ đã nói, quý vị sẽ hiểu rõ, chậm nhất tức thời gian dài nhất là mười hai kiếp.

Quý vị phải nhớ rõ, mười hai kiếp so với vô lượng kiếp, so với A-tăng-kỳ kiếp thì rất ngắn; mà đây là gì? Là thời gian dài nhất đối với người thuộc Hạ Hạ Phẩm, tức vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư độ. Trước kia tôi đã tính rồi, đại khái như chúng ta không có tội nghiệp rất nặng như thế, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại khái phải mất bao lâu mới có thể viên mãn vô thượng Bồ Đề, hoa nở thấy Phật? Khoảng chừng bốn kiếp hay ba kiếp, đại khái là chừng đó, đúng là rất nhanh! Quý vị suy nghĩ xem: Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, các Ngài muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, những vị ấy nói thật ra không cần đến một kiếp (nói thông thường thì tính bằng kiếp), không cần lâu vậy đâu, quả thật phải tính bằng ngày, chỉ cần mất mấy ngày bèn viên chứng vô thượng Bồ Đề. Điều này cho thấy vì sao chúng ta phải vãng sanh!

Thất bảo diệu thụ thành hàng.

七寶妙樹成行。

(Cây quý bảy báu thành hàng).

"Diệu thụ" chính là chỗ chúng ta vui chơi, cũng là chỗ để tu hành tiêu nghiệp thành tựu Định - Huệ, nay chúng ta lên lớp tại giảng đường, còn chỗ người ta đi học là "*thất bảo diệu thụ thành hàng*". Đi học ở đó, hết sức nhẹ nhàng, thông dong, hết sức tự tại. Đây chính là cái nay ta gọi là "nghệ thuật dạy học", Tây Phương Cực Lạc thế giới phát triển nghệ thuật dạy học cao độ, gần như là vui chơi, do vui chơi mà đoạn phiền não, đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, vô minh cũng phá, tự tánh trí huệ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu nơi cây báu thành hàng. Tiếp theo đó là hai câu tán thán:

Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương, Tiếp dẫn vãng Tây Phương.

如來聖號若宣揚。

接引往西方。

(Như Lai thánh hiệu vừa xưng tụng,

Tây phương tiếp dẫn vãng sanh ngay).

Như Lai ở đây là hết thảy chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, "*Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương*", bèn tiếp dẫn! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng ba kinh Tịnh Độ, vì chúng ta giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây chính là "*Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương*", tiếp dẫn! "*Tiếp dẫn vãng Tây Phương*".

Di Đà thánh hiệu nhược tuyên dương.

彌陀聖號若稱揚。

(Di Đà thánh hiệu như xưng tụng).

Tức là niệm A Di Đà Phật, là chánh tu, chuyên tu Tịnh Độ! Quả báo là:

Đồng nguyện vãng Tây Phương.

同願往西方。

(Đồng nguyện cùng về cõi Lạc Bang).

Tất cả hết thảy người niệm Phật "*đồng nguyện vãng Tây Phương*" (cùng một nguyện sanh về Tây Phương). Ở chỗ này, chúng ta phải đặc biệt lưu ý: Chúng ta ở đây niệm Phật, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; người ở nơi khác cũng ở nơi đó niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người ấy và ta là oan gia đối đầu, ta nghe nói tới người ấy bèn chán ghét, trông thấy người ấy cũng chẳng thoải mái, làm cách nào đây? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp mặt nhau như thế nào đây? Chẳng lẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn còn căng thẳng hay sao? Vẫn còn cự lộn hay sao? Nếu như vậy thì sẽ chẳng thể vãng sanh được. Bao nhiêu người niệm Phật vì nguyên nhân này mà bỏ lỡ cơ hội vãng sanh trong một đời này! Do vậy, ở đây tôi phải đặc biệt nêu lên, quý vị chẳng thể không lưu ý! Người ta đối với mình như thế nào cũng không quan trọng, vấn đề là ta đối với người khác [như thế nào]. Do vậy, phải dốc sức sao cho tất cả hết thảy oán kết trong tâm mình được hóa giải, một câu A Di Đà Phật hóa giải được tất cả! Không có oan gia đối đầu thì mới có thể vãng sanh Tây Phương.

Ai có đối lập, ai vẫn còn cảm thấy không thoải mái, thấy người khác không vừa mắt, thì phải tự hiểu kẻ ấy không thể vãng sanh. Nhất định phải học sao cho thấy ai cũng hoan hỷ, bất cứ ai hủy báng mình, mình đều hoan hỷ, mình quyết định chẳng hủy báng họ. Ai lăng nhục mình, người ta hăm

hại mình, mình cũng hoan hỷ, họ tiêu nghiệp chướng cho mình, quyết định chẳng oán hận may mắn, quyết định chẳng có ý niệm báo thù thì ta mới có thể thừa nguyện vãng sanh Tây Phương! Nếu ta vẫn còn chán ghét kẻ ấy thì một niệm chẳng tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật! Tâm, nguyện, ngôn, hạnh khác với A Di Đà Phật, không tương ứng, không vãng sanh được! "*Một niệm tương ứng một niệm Phật; niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*". Nguyện vãng sanh của A Di Đà Phật là "từ, bi, hỷ, xả", chúng ta có [những điều đó] hay không? Mấu chốt để vãng sanh được hay không là ở chỗ này. Bài Di Đà đại tán này mang ý nghĩa: Phải hóa giải tất cả hết thảy những oán kết trong tâm quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đường lớn Bồ Đề thông suốt không ngăn ngại! Lại xem tiếp bài kệ Hồi Hướng:

39. Hồi Hướng

Hệ Niệm công đức thù thắng hạnh.

繫念功德殊勝行。

(Công đức Hệ Niệm hạnh thù thắng).

Chữ "*Hệ Niệm*" chỉ pháp sự Tam Thời Hệ Niệm được thực hiện trong ngày hôm nay, tứ chúng đồng tu cùng nhau tu tập, công đức thù thắng khôn sánh.

Vô biên thắng phước giai hồi hướng.

無邊勝福皆回向。

(Bao nhiêu phước thù thắng đều hồi hướng)

Tất cả công đức, phước đức chúng ta đã tu hôm nay đều đem hồi hướng, hồi hướng cho ai? Hồi hướng cho hết thảy chúng sanh khổ nạn khắp pháp giới, hư không giới, đặc biệt là những chúng sanh khổ nạn trong tam đồ lục đạo.

Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh.

普願沈溺諸眾生。

(Nguyện trọn khắp các chúng sanh đang chìm đắm).

Nói đến "*trầm nịch*" (chết chìm, chết đuối) quá nửa là chỉ tam đồ, cảnh ngộ của họ hết sức khổ sở, hy vọng bọn họ nhờ vào công đức, phước đức

này, đều có thể tỉnh ngộ, sẽ theo chúng ta cùng lễ bái, nhất tâm phát nguyện, cùng sám hối, cùng cầu sanh Tịnh Độ.

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.

速往無量光佛刹。

(Mau sanh cõi Phật A Di Đà).

Hãy nhanh chóng, đừng do dự, chớ có chần chừ, chúng ta nhất tâm nhất ý hướng về thế giới Cực Lạc. Trọn cả đời, còn sống được bao nhiêu năm, ta chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, tức là [vãng sanh] Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Tiếp đó, Phật vì chúng ta ấn chứng, cầu Phật gia trì.

Thập phương tam thế nhất thiết Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

十方三世一切佛。一切菩薩摩訶薩。摩訶般若波羅蜜。

(Mười phương ba đời hết thảy Phật, hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật)

"Thập phương tam thế nhất thiết Phật" là Phật Bảo, "nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát" là Tăng Bảo, "Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật" là Pháp Bảo. Tam Bảo! Đây là cầu nguyện Tam Bảo chứng minh cho chúng ta: Chúng con phát nguyện, chúng con hồi hướng chân thành, không mảy may hư ngụy, Tam Bảo chứng giám cho con. Cuối cùng là Tam Quy Y, Tam Thời Hệ Niệm pháp sự đến đây hoàn toàn viên mãn.

40. Tam Quy Y

Tam Quy Y, chư vị hãy coi kinh văn Tam Quy Y, chúng ta quy y mỗi ngày, đây là quy y Tự Tánh.

Tự quy y Phật.

自歸依佛。

Quy y Tự Tánh Phật.

Đương nguyện chúng sanh.

當願眾生。

(xin nguyện chúng sanh).

Bản văn Hệ Niệm Pháp Sự này của thiền sư Trung Phong nhằm "*thiệu long Phật chủng*" (nối tiếp hưng thịnh dòng giống Phật), còn nay chúng ta dùng Tam Quy Y là để:

Thế giải đại đạo.

體解大道。

(Thấu hiểu đạo cả).

Trong thời đại hiện thời, "*thiệu long Phật chủng*" quan trọng, từ ngữ này có ý nghĩa là tiếp nối huệ mạng của Phật. Phật pháp quả thật đúng là đang ở vào tình cảnh mất còn rất nguy cấp. Nếu sau này không có ai kế tục, Phật pháp sẽ bị gián đoạn. Ai có thể "*thế giải đại đạo*"? Thiệu long Phật chủng, đúng là khích lệ những bậc chí sĩ nhân nhân (người có chí, có lòng nhân) ân cần thiết tha mong mỏi họ sẽ phát đại tâm, kế tục huệ mạng của Phật, hy sinh bản thân mình, như kinh Lăng Nghiêm đã nói: "*Tương thử thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân*" (Đem tấm lòng sâu xa này phục vụ trong các cõi nước nhiều như vi trần, đây mới là báo ân Phật). Thực sự muốn báo ân Phật, muốn thiệu long Phật chủng, muốn tiếp nối huệ mạng của Phật, nhất định phải tuân theo di giáo của Ấn Quang đại sư: "*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành; tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*", thì quý vị mới có thể thực hiện được. Đây chính là:

Phát vô thượng tâm.

發無上心。

Do đây, chúng ta biết được ý nghĩa sâu xa nơi nguyên văn của thiền sư Trung Phong. Từ câu này, chúng ta mới cảm nhận được dụng tâm của tổ sư đại đức: Hy vọng hậu nhân có thể phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, thiệu long Phật chủng. Hôm nay chúng ta làm pháp sự này, chiếu theo nguyên văn là tốt, không cần phải thay đổi. Tôi xem mấy câu này bèn xúc động. "*Thế giải đại đạo*" không sai, mấy ai làm được? Thế giải đại đạo là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đây là kỳ vọng chứ không nhất định phải làm cho được. "*Thiệu long Phật chủng*", quý vị thực sự phát tâm nghiêm túc thực hiện thì hết thầy chư Phật hộ niệm, hết thầy Bồ Tát gia trì. Chỉ cần quý vị thực sự chịu phát tâm thì quý vị có thể chấn hưng Phật pháp.

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Lộc dã Uyển, bắt đầu từ năm tỳ-kheo. Trong bao nhiêu năm giảng kinh, thuyết pháp, chúng tôi thường

nói: “Thực sự có năm người phát tâm thiêu long Phật chủng thì sẽ có thể hưng khởi Phật giáo!” Nhưng điều kiện thấp nhất như chúng tôi thường nói là quý vị phải buông bỏ tự tư tự lợi, phải buông danh văn, lợi dưỡng xuống, quyết định chẳng cầu danh văn, lợi dưỡng, phải buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, phải buông tham - sân - si - mạn xuống thì quý vị mới có tư cách đảm đương sứ mạng thiêu long Phật chủng, mới được Tam Bảo gia trì, thiên long bát bộ thiện thần ủng hộ. Điều thứ hai:

Tự quy y pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.

自歸依法。當願眾生。深入經藏。智慧如海。

(Tự quy y pháp, xin nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển).

Đây là quy y Tự Tánh Pháp Bảo. Tự Tánh Pháp Bảo ở nơi đâu? Kinh Tạng là Tự Tánh Pháp Bảo do chư Phật Như Lai chứng đắc! Do vì tự tánh của chư Phật Như Lai và tự tánh của chúng ta và tự tánh của hết thảy chúng sanh đều là một tự tánh, há chẳng nghe kinh Phật thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân). Mười phương ba đời Phật, trong ba đời có vị lai Phật, tất cả hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật, tam thế là quá khứ, hiện tại, vị lai. Mọi người chúng ta đều là vị lai Phật, cùng chung một Pháp Thân. “*Nhất tâm*” là một tự tánh, “*nhất trí huệ*” là Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh. “*Lực vô úy cũng thế*”: Thập Lực, Tứ Vô Úy thảy đều giống hệt như nhau.

Do vậy, kinh tạng triển khai thành gì? Chính là Pháp Bảo sẵn có trong tự tánh của chúng ta, là Giới Định, trí huệ sẵn có nơi tự tánh nằm trong kinh tạng. Không phải học theo người khác, không bị người khác xỏ mũi lôi theo, mà là quay về với tự tánh, nhất định phải hiểu đạo lý này. Ngày nào chúng ta minh tâm kiến tánh, mở quyển kinh ra, quý vị sẽ hiểu toàn bộ. Vì sao hiểu được? Vì nó là tự tánh của quý vị. Mở quyển kinh ra chính là lời trí huệ Bát Nhã, Tam Học Giới - Định - Huệ trong tự tánh ra. Chưa kiến tánh thì hãy khéo nhìn vào người đã kiến tánh, hãy khéo học tập theo họ. Học tập mang tánh chất giai đoạn, chứ không vĩnh cửu, hy vọng chúng ta sau khi học xong giai đoạn này sẽ có thể lấy Tam Học và Tam Bảo trong tự tánh của chính mình ra. Câu này có ý nghĩa như vậy, tức là bảo chúng ta phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nhập cảnh giới Phật. Câu cuối cùng:

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

自歸依僧。當願眾生。統理大眾。一切無礙。

(Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, dắt dìu đại chúng, hết thảy không ngại).

Đây là quy y Tự Tánh Tăng Bảo. Tự Tánh Tăng Bảo là gì? Lục Hòa Kính. Thanh tịnh Pháp Thân, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần là Tự Tánh Tăng Bảo. Dùng Lục Hòa Kính để đối xử hết thảy đại chúng là Tự Tánh Tăng Bảo. Trong thực tại, điều này cho thấy con người là một động vật mang tính cách xã hội, chẳng thể tồn tại độc lập ngoài quần thể, không thể được! Nhất định phải cư xử với rất nhiều người, hòa mình vào cuộc sống của cộng đồng. Cư xử với rất nhiều người, làm thế nào để hòa thuận? Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: Hòa bình! Đối xử hòa thuận với nhau là Quả, làm thế nào để đối xử hòa thuận? Đối đãi bình đẳng. Nếu chẳng bình đẳng thì lý tưởng hòa thuận quyết định chẳng thể thực hiện được!

Trong thế gian này từ khi có lịch sử đến nay, chưa bao giờ động loạn, ô nhiễm như lúc này, vì nguyên nhân nào? Bất bình đẳng! Gia đình bất hòa, người trong một nhà không bình đẳng, vợ chồng bất hòa, vợ chồng không bình đẳng. Công ty, hãng, tiệm bất hòa, chủ và nhân viên bất bình đẳng. Do vậy, nước này bất hòa với nước kia, tôn giáo này bất hòa với tôn giáo kia, dân tộc này bất hòa với dân tộc kia, nguyên nhân do đâu? Không biết đối đãi bình đẳng, không biết Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là bình đẳng. Bình đẳng đối đãi được thực hiện bằng Lục Hòa Kính, người người đều tu Lục Hòa Kính thì thế gian và xã hội này chắc chắn an định, hòa thuận, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, kính yêu nhau, hợp tác với nhau, đây chính là "cùng hưởng cõi đại đồng".

Trong những năm qua, chúng tôi tổng kết những giáo huấn của kinh giáo Đại Thừa nêu ra mười câu gồm hai mươi chữ. "*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*". Mười chữ này nói lên cách chúng ta dụng tâm. Tâm Phật là như vậy đó, tâm Phật là chân thành, tâm Phật là thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Chúng ta dùng những điều này để sửa đổi tâm hạnh của chính mình, tâm mình giống hết với tâm Phật! Dùng tâm như vậy để tu bốn mươi tám nguyện, tâm chúng ta đồng Phật, nguyện chúng ta đồng Phật. Trong hết thảy kinh, đức Phật dạy chúng ta "*nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*". Năm hạng mục gồm mười chữ này chính là Bồ Tát hạnh! Thấy thấu suốt là thông đạt hiểu rõ chân tướng sự thật. Buông xuống là buông hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Sống trong thế gian này tùy duyên thì tự tại lắm, quyết định không phan duyên, tự tại, tùy duyên. Cuối cùng, niệm Phật rất quan trọng, chúng ta hiểu do niệm Phật trong một đời có thể đạt được "*trực chứng A Duy Việt Trí, khoái tức viên mãn vô thượng Bồ Đề*" (chứng thẳng vào A Duy Việt Trí, mau chóng viên mãn vô thượng Bồ Đề). Dùng những điều này để "*thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại*" (dắt dìu đại chúng, hết thảy vô ngại). "*Thống lý*" là hợp tác, đối xử hòa thuận với đại chúng, hợp tác lẫn nhau, bất cứ chướng ngại nào cũng không có, hiểu lầm gì cũng không có. Cuối cùng:

Hòa nam thánh chúng.

和南聖眾。

(*Kính lễ thánh chúng*).

"Hòa nam" (vadanam) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là "kính lễ", hướng về hết thảy thánh chúng kính lễ. Thời xưa, mọi người đều biết ý nghĩa này, nhưng hiện tại dần dần xem thường. Nếu quý vị viết "hòa nam" chỉ chi đó, mọi người xem đến cảm thấy rất kỳ quái. Đại khái họ tưởng quý vị viết lộn, nhất định phải là Hòa Thượng, quý vị viết sai Hòa Thượng thành Hòa Nam, kỳ thực Hòa Nam và Hòa Thượng có ý nghĩa khác nhau. Hòa Nam là kính lễ, là một kính từ (từ ngữ thể hiện lòng tôn kính). A! Chúng tôi giảng Hệ Niệm Pháp Sự đến đây là viên mãn, cảm tạ mọi người. Tôi khẩn thiết hy vọng trong tương lai nếu quý vị làm Pháp Sự Tam Thời Hệ Niệm tốt nhất là hãy nghe bằng giảng diễn này một lượt, nghe xong rồi làm pháp sự này hãy theo văn nhập quán, công đức càng thù thắng. Cảm tạ mọi người!

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký Trọn Bộ

(khởi dịch ngày 26-09-2004, hoàn tất cảo bản ngày 25 tháng 06 năm 2005.

Tăng đính ngày mồng Ba tháng Hai năm 2011.

Tái giáo duyệt ngày mồng Chín tháng Ba năm 2011)

^{23[1]} Quải đơn: Đơn là một miếng gỗ dài và hẹp vừa đủ một người nằm, dùng thay cho giường trong các thiền viện hay tùng lâm. Do đó, giường của Tăng được gọi là Đơn. Khi một vị Tăng xin nhập chúng ở lại một tự viện tu tập thì gọi là Quải Đơn (treo đơn, tức kê giường), khi xin ra khỏi chúng đi qua chùa khác thì gọi là Trừu Đơn (rút đơn).

^{24[2]} Tử tôn miếu: Chùa do thầy lập ra, truyền lại như gia tài cho đồ tử, đồ tôn, người ngoài không thể nhập chúng được.

^{25[3]} Nhân tình Phật sự: Ý nói trong nhà chùa vẫn xử sự theo cảm tình riêng tư của thế gian, thân thích, quen thuộc thì đối xử nồng hậu, đối với người không quen biết bèn lợt lạt, hờ hững.

^{26[4]} Điều (條): Khi xưa Phật và chư Tăng mặc ca sa bằng vải vút bỏ đi. Để may y thì đem những mảnh vải ấy rọc thành từng miếng, nhuộm cho tiếp màu, rồi khâu chằm thành tấm lớn, mỗi miếng cắt dọc ấy được gọi là Điều. Sau này, chư Tăng ở Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn, Mông Cổ, Mãn Châu, Tây Tạng, dùng vải rọc thành từng miếng dài, khâu chằm lại thành ca-sa. Do vậy gọi là Cát Tiệt Y hoặc Phước Điền Y. Điều được tính theo chiều dọc của tấm ca-sa. Chẳng hạn y năm điều (ngũ điều y) là do đếm theo chiều dọc có năm miếng dài may ghép lại.

^{27[5]} Ngọa cụ còn gọi là Phu Cụ (sayanasana, vật dụng để trải hay lót) là những thứ thường trải để nằm. Theo luật Tứ Phần, Tăng ni không được dùng ngọa cụ làm bằng tơ tằm, lông dê hoặc những vật quý báu. Thoạt đầu, ngọa cụ chỉ làm tấm tọa cụ (tấm Ni Sư Đàn) may bằng y cũ rách kết lại, nhưng về sau ngọa cụ có thể bao gồm cả chiếu, mền, nệm. Theo luật, ngọa cụ tối thiểu phải sử dụng hơn sáu năm rồi mới được thay bằng cái mới.

^{28[6]} Hải Thanh: Một loại áo tràng tay rộng, sáu vạt, hai chún tại gia và xuất gia Trung Quốc thường mặc khi lễ Phật; áo hậu của chư Tăng Việt Nam cũng chính là Hải Thanh. Theo từ điển Phật Quang, áo này sửa đổi từ hoàng bào của vua từ đời Tùy trở về sau. Gọi là “hải thanh” nhằm ngụ ý mệnh môn sâu rộng, chứa đựng muôn vật của lòng biển, sự phóng khoáng ung dung tự tại của sóng biển. Ở Trung Quốc, hải thanh thường có hai màu chính yếu: Màu đen dành cho hai chún tại gia và xuất gia mặc khi lễ Phật, người xuất gia đã thọ giới từ Sa Di trở lên thì đắp thêm ca-sa màu vàng hay đỏ (ta hay gọi là Y), riêng màu vàng dành cho vị pháp chủ hoặc phương trượng (tuy vậy, có dòng Thiền lại mặc ngược lại, hải thanh màu vàng, y nâu). Ngoài ra, còn có hải thanh màu xanh dương đậm gần như đen và Hải Thanh hoặc nâu, tùy theo truyền thống của từng tông phái, nhưng màu đen vẫn phổ biến nhất. Chư Tăng Triều Tiên thường mặc hải thanh màu lam hay trắng. Chư Tăng Nhật Bản cũng mặc hải thanh màu đen, nhưng thường tay áo hẹp và vạt ngắn hơn, vạt sau thường xếp nếp, và may đai sau lưng.

^{29[7]} Bình Kịch là cách người Đài Loan gọi Kinh Kịch (tuồng Bắc Kinh). Bình Kịch còn gọi là Quốc Kịch, là một loại hát tuồng nghệ thuật truyền thống của Trung Hoa, dung hợp và phát triển từ nhiều truyền thống sân khấu đã có trước đó như Huy Kịch và Hán Kịch, thậm chí vay mượn các xoang điệu nổi tiếng của lối hát Côn Khúc và Tần Xoang. Kinh Kịch hình thành dưới thời Càn Long nhà Thanh. Có thể nói dễ dãi là Kinh Kịch hoặc các loại gọi là Kịch trong sân khấu Trung Hoa giống như hát bội của Việt Nam, nhưng phức tạp hơn.

^{30[8]} Côn Khúc cũng là một loại hát tuồng đã có trước Kinh Kịch, nó xuất hiện từ thế kỷ 13 hay 14 (tức là vào cuối đời Nguyên) tại Côn Sơn (thuộc Tô Châu) nên gọi là Côn Khúc. Côn Khúc được hình thành dựa theo hình thức hát tuồng cổ nhất Trung Hoa là Nam Hý (đã có từ thời Tống) và biến cải cho phù hợp với giọng phát âm Quan Thoại của vùng Tô Châu cũng như các thể điệu dân ca, hát xướng đã có tại vùng này, cũng như được sáng tác thêm các làn điệu mới. Hiện thời trong Kinh Kịch cũng sử dụng Côn Khúc. Điểm đặc biệt của Côn Khúc là dùng địch, tiêu, sáo, kèn Tỏa Na (người Việt thường gọi là kèn bầu), đàn tỳ bà và đàn tam huyền làm nhạc khí chủ yếu, không dùng quá nhiều thanh la và trống cái, tam la, trống đơn như trong Kinh Kịch. Làn điệu Côn Khúc du dương, âm vực của các vai nữ khi hát và nói không quá cao đến nỗi nghe như mèo kêu trong Kinh Kịch.

^{31[9]} Chữ Tam Sự ở đây chỉ cho ba loại y vừa nói trên đây, y năm điều (đắp khi làm lụng, chẳng hạn Tri Khách Sư đắp y này để tiếp đón khách đến viếng thăm chùa), y bảy điều (đắp khi tụng kinh trong công khóa hằng ngày), y hai mươi lăm điều (đắp khi làm pháp hội, giảng kinh, thuyết pháp, hoặc đại cúng dường).

^{32[10]} Năm 426 nhằm các niên hiệu Thi Quang thứ 3 (nhà Bắc Ngụy), Huyền Thi 15 nhà Bắc Lương, niên hiệu Thái Bình 18 nhà Bắc Yên, Thừa Quang thứ 2 nhà Hạ, Kiến Hoảng thứ 7 nhà Tây Tần, Nguyên Gia thứ 3 nhà Lưu Tống.

^{33[11]} Vùng lãnh thổ Hong Kong gồm có ba khu vực chính: Cửu Long (nằm trên đất liền, ráp gianh vùng Tân Giới), Tân Giới (bao gồm một phần đất liền ráp gianh Cửu Long và Đại Dự) và đảo Hương Cảng. Đại Dự Sơn (Lantau Island, tức là đảo Lạn Đầu, khu này có tên hành chánh là Ly Đảo Khu) đối diện với đảo Hương Cảng. Bán đảo Cửu Long nằm trên đất liền, còn Đại Dự và Hương Cảng Đảo cùng nằm trong vịnh Victoria. Từ Cửu Long sang Hương Cảng hay từ Hương Cảng sang Đại Dự đều phải vượt biển.

^{34[12]} Núi Tỷ Duệ (Hiei) gọi là Duệ Sơn, Bắc Sầm hoặc Thiên Đài Sơn (Tendai-yama), là một rặng núi ở Đông Bắc thành phố Kinh Đô (Kyoto), thuộc khu vực Sakamoto (Bản Bồn) của thành phố Đại Tân (Otsu), gồm hai dãy núi Đại Tỷ Duệ và Tứ Minh Nhạc hợp thành. Đây là một ngọn núi thiêng của Nhật Bản, là tổng bản sơn (tổ đình) của Thiên Đài Tông (Tendai shu, tức Thiên Thai Tông Nhật Bản). Ngôi chùa đầu tiên của tông Thiên Đài là Enryaku-ji (Diên Lịch Tự) do tổ sư Tối Trừng Truyền Giáo Đại Sư (Saichō Dengyō Daishi). Phần lớn các tổ sư các tông của Nhật Bản đều xuất thân từ tông Thiên Thai như Nhật Liên (Nichiren, sáng tổ Nhật Liên Tông), Pháp Nhiên (Honen, sáng tổ Tịnh Độ Tông), Thân Loan (Shinran, sáng tổ Tịnh Độ Chân Tông), Minh Am Vinh Tây (Myōan Eisai, sáng tổ tông Lâm Tế Nhật Bản), Đạo Nguyên Hy Huyền (Dōgen Kigen, sáng tổ tông Tào Động Nhật Bản), Nhất Biến (Ippen, sáng tổ Tịnh Độ Thời Tông), v.v...

^{35[13]} Ngũ Chúng Di Quy là tác phẩm do Trần Hoảng Mưu biên soạn vào đời Thanh, là sách để dạy trẻ nhỏ và giáo dục xã hội. Nội dung bao gồm những giáo huấn hay đẹp của tiền nhân về dưỡng tánh, tu thân, trị gia, cách làm quan, xử thế, giáo dục v.v... phân chia thành năm loại chính nên mới có tên là Ngũ Chúng Di Quy. Năm loại chính là Dưỡng Chánh Di Quy, Giáo Nữ Di Quy, Huấn Tục Di Quy, Tòng Chánh Di Quy và Tại Quan Pháp

Giới Lục. Trần Hoảng Mưu (1696-1771), tự là Nhữ Tư, người huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, đỗ tiến sĩ dưới thời Ung Chánh nhà Thanh, từng làm đến chức Đông Các Đại Học Sĩ kiêm Công Bộ Thượng Thư, rất được vua Càn Long coi trọng và tín nhiệm. Ông làm quan cần mẫn, chú trọng mở mang giáo dục cho các sắc dân thiểu số, chăm nom công tác thủy lợi tại Thiên Tân, Hà Nam, Giang Tây, tu bổ đê điều v.v...

^{36[14]} Đương đầu bổng hát: Bổng (棒) là cái gậy, Hát (喝) là tiếng hét. Tông Lâm Tế thường dùng gậy hay tiếng hét để khai ngộ cho hành giả. Ở đây, Hòa Thượng mượn thuật ngữ này của Thiền Tông để nhấn mạnh ý cảnh tỉnh khai ngộ rất mạnh của bốn câu này.

^{37[15]} Si Tảo Đường (撈藻堂) nằm ở Đông Bắc của Ngự Hoa Viên trong Cố Cung Bắc Kinh, được xây dựng vào thời Càn Long, chủ yếu để tàng trữ sách. Chữ Si ở đây có nghĩa là truyền bá, hoảng dương, bày vẽ, triển khai, lấy ý từ câu "*si tảo như xuân hoa*" (vẽ vờn văn chương như hoa mùa Xuân), do vậy, "si tảo" có nghĩa là hoảng dương văn hóa. Vườn Viên Minh cũng là hoa viên của nhà Thanh, có quy mô rất to lớn. Đến thời Từ Hy Thái Hậu lại mở rộng thêm, xây cất hết sức tráng lệ.

^{38[16]} Bát quốc liên quân là lực lượng quân đội liên kết tám đại đế quốc thời đó là Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật, Nga, Ý và Áo lên đến 3 vạn người (sử ngoại quốc ghi là 45.000 người). Nguyên do là do vua Quang Tự nghe theo kế hoạch duy tân của Khang Hữu Vi toan lật đổ Từ Hy thái hậu. Âm mưu thất bại, các nước ngoại quốc giúp đỡ thầy trò Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi trốn sang Nhật. Từ Hy bèn giam lỏng vua Quang Tự tại Doanh Đài, toan phế vua, nhưng do các nước phản đối nên chưa dám hành động. Lại thêm thất bại trong cuộc chiến tranh Trung Nhật năm Giáp Ngọ (1894), đây là cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng giữa nhà Thanh và triều đình Nhật trên bán đảo Triều Tiên. Nghe lời xúi giục của Viên Thế Khải, Từ Hy quyết định tận dụng sức mạnh của giáo phái Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phi) để chống lại ngoại quốc. Nghĩa Hòa Đoàn là một giáo phái mê tín xuất phát từ Sơn Đông, chủ trương đánh quyền, vẽ bùa niệm chú, luyện kim đan, khoe thân kim cang bất hoại, đạn bắn không lúng, thẻ tiêu diệt giáo dân Thiên Chúa Giáo và người ngoại quốc. Nghĩa Hòa Đoàn tiến vào Bắc Kinh tháng Sáu năm 1900, tấn công khu vực ngoại quốc, khiến họ phải ẩn nấp trong khu Đông Giao Dân Hạng (Legation Quarter) là khu vực của tòa lãnh sự các nước Âu Tây. Liên quân Thanh và Nghĩa Hòa Đoàn vây hãm khu này suốt 55 ngày, nên tòa lãnh sự các nước đánh điện cầu cứu chính phủ của họ. Bát quốc liên quân đánh tan quân Thanh và Nghĩa Hòa Đoàn, chiếm lãnh toàn bộ Bắc Kinh vào ngày 14 tháng Tám năm Canh Tý (1900) khiến Từ Hy và Quang Tự phải chạy trốn về Tây An (Thiểm Tây), phái Lý Hồng Chương điều đình. Cuối cùng, nhà Thanh buộc phải ký hòa ước bất bình đẳng Tân Sửu (tháng 7, năm 1901). Nhà Thanh phải bồi thường chiến phí, mất rất nhiều chủ quyền, phải cắt đất cho các nước Âu Tây và Nhật lập tô giới. Bát Quốc Liên Quân (nhất là quân Đức, Nga và Pháp) đã cướp bóc Tử Cấm Thành, giết người, hoặc hãm hiếp rồi dùng lưỡi lê đâm chết nạn nhân, đốt phá rất nhiều nhà thờ dân, hủy hoại rất nhiều phẩm vật văn hóa quý báu như tranh vẽ, bút thiếp, sách vở, đồ cổ ngoạn.

^{39[17]} Đồng Thành phái: Chỉ trường phái của văn gia Phương Bao (11668-1749), tự Phong Cửu, hiệu Vọng Khê, là một nhà văn nổi tiếng đời Thanh, người huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy. Tác phẩm của ông được in thành Phương Vọng Khê Toàn Tập.

^{40[18]} Phổ Hiền (đây là danh xưng của những vị Bồ Tát tu theo hạnh Phổ Hiền) có ba địa vị: Vị tiền (chưa chứng Đăng Giác), đương vị (đã chứng Đăng Giác) và vị hậu (tức đã chứng Diệu Giác). Vị Phổ Hiền Bồ Tát dạy thánh chúng trong hội Hoa Nghiêm chính là cổ Phật tái lai, thị hiện thân Đăng Giác Bồ Tát để phụ trợ Tỳ Lô Giá Na giáo hóa bốn mươi một phẩm Pháp Thân Bồ Tát.

^{41[19]} Đây là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa. Trong phẩm 7, tức phẩm Hóa Thành Dụ, đức Phật có nêu một thí dụ: Ví như một vị đạo sư (người dẫn đường) biết nơi kia có một chỗ có nhiều món báu (bảo sở) hướng dẫn mọi người đi đến chỗ đó. Đại chúng đi đường xa mỏi mệt, ngã lòng, muốn quay về. Vị đạo sư có phương tiện thiện xảo, bèn dùng thần thông hóa ra một cái thành lớn, đông đảo, sản vật phong phú, cho đại chúng vào đó ăn uống, nghỉ ngơi. Khi họ đã hết mệt, vị đạo sư bèn bảo họ: Đây chỉ là hóa thành, bảo sở đã rất gần, hãy dừng mảnh tiến lên. Cũng như vậy, đức Phật phương tiện nói ra ba thừa giống như hóa thành để đại chúng có thể tu tập dần dần. Khi họ đã chứng được ba thừa, Ngài bèn tuyên nói Nhất Phật Thừa, để họ có thể dừng mảnh tiến hướng Phật quả. Đó gọi là “*khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất*”.

^{42[20]} Thế Chủ Diệu Nghiêm là phẩm thứ nhất trong kinh Hoa Nghiêm bản 80 cuốn. Gọi là Thế Chủ Diệu Nghiêm vì ngoài những vị đại Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, còn giới thiệu rất nhiều vị thượng thủ thuộc chư thiên, bát bộ quỷ thần, cũng như các vị thần chủ quản mọi sự trong thế giới như Hải Thần, Chủ Dạ Thần v.v..

^{43[21]} Đồng nhân là những người có cùng hạnh nguyện, cùng chí hướng với ta.

^{44[22]} Pháp Uyển Châu Lâm (còn gọi là Pháp Uyển Châu Lâm Tập) có thể coi như một bộ bách khoa toàn thư trong nhà Phật, gồm 100 quyển, do ngài Đạo Thế (?-683) biên soạn vào đời Đường, trích dẫn những hơn 400 bản kinh luận, kể cả kinh sách Nho Giáo, Đạo Giáo và Sấm Vĩ. Trong ấy có cả những trích dẫn từ những bản kinh hiện nay đã thất truyền như Bồ Tát Bốn Hạnh Kinh, Quán Phật Tam Muội Kinh hoặc các sách cổ như Tây Vực Chí, Trung Thiên Trúc Hành Ký v.v... Nội dung trình bày tư tưởng, thuật ngữ, pháp số, luật, luận, truyện...

Kinh Luật Di Tướng gồm 50 quyển, do ngài Bảo Xướng đời Lương làm chủ biên, nội dung thu thập những chuyện lạ lùng được nói trong kinh luận Phật giáo. Hòa Thượng Tịnh Không nói “lấy Sự làm cương mục”, nghĩa là phân chia nội dung thành những loại chính, mỗi loại ấy gọi là cương mục, chẳng hạn như Thiên Bộ, Địa Bộ, Phật Bộ, Bồ Tát Bộ... Trong mỗi bộ lại chia thành nhiều tiểu loại, chẳng hạn như Phật Bộ gồm có Phật Đà xuất gia, thành đạo, Niết Bàn, phân chia xá-lợi v.v...